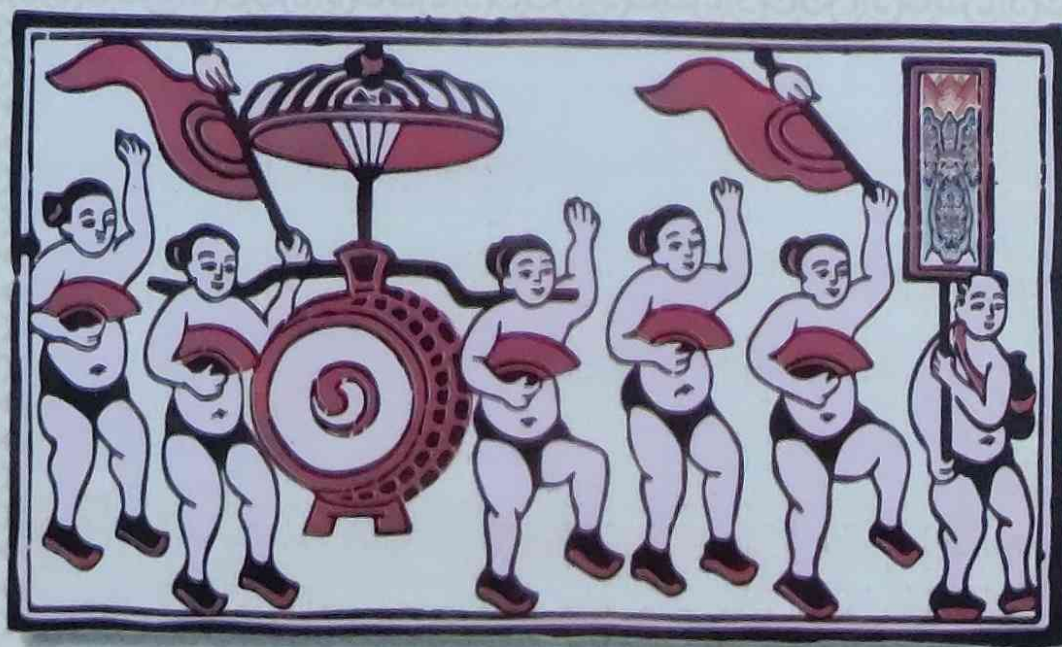


THẠCH PHƯƠNG - NGUYỄN CHÍ BÈN - MAI HƯƠNG
Sưu tập. Biên soạn. Giới thiệu

KHO TÀNG

TRUYỆN TRẠNG

VIỆT NAM



3



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

THẠCH PHƯƠNG - NGUYỄN CHÍ BÈN - MAI HƯƠNG

Sưu tập • Biên soạn • Giới thiệu

**KHO TÀNG
TRUYỆN TRẠNG
VIỆT NAM**

(Tập 3)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

IN LẦN THỨ 3

2002

TRUYỆN THỦ THIỆM

MẤY NÉT VỀ THỦ THIỆM

Thủ Thiệm, tên thật là Nguyễn Tấn Nhơn, quê xã An Hòa, huyện Hà Đông (sau đổi thành phủ Tam Kỳ) tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Về năm sinh, năm mất, hiện nay không có tài liệu chính xác, nhưng theo ký ức của các cháu nội, ngoại trong gia đình ông, thì Thủ Thiệm sinh vào khoảng cuối thập niên 40 của thế kỷ XIX và mất vào khoảng giữa thập niên đầu thế kỷ XX.

Quê ông nằm cạnh cửa biển, nên gia đình làm nghề đánh cá, thuộc tầng lớp trung lưu, do đó Thủ Thiệm cũng có điều kiện học hành và có quan hệ giao du tương đối rộng rãi với bên ngoài. Ông đã từng cùng bè bạn mang lều chõng, trèo đèo Hải Vân, ra kinh đô Huế dự thi hương với cái tên mới là Thiệm. Sự kiện này được ông nhắc đến trong chuyện *Áp giải tù*. Đi thi đối với ông thực ra là vì ham vui, là dịp để biết chốn khoa trường, đi đó đây nhằm thỏa mãn tính giang hồ vật, thích xê dịch, nghịch ngợm hơn là vì tham vọng tìm cách tiến thân bằng con đường khoa cử.

Còn cái tên Thủ Thiệm về sau trở thành như một biệt hiệu là do chỗ có một thời gian ngắn, ông giữ chức Thủ sắc (giữ sắc thân của làng). Xưa, những chức vị Thủ sắc, hay Thủ bổn (giữ quỹ chung của làng) những chức vị dưới các lý hương một bậc thường được giao cho những người có chút ít máu mặt

thường được giao cho những người có chút ít máu mặt ở làng, biết chữ để ghi chép sổ sách và có nhà gạch nhằm đảm bảo an toàn cho việc bảo vệ sắc thân, công quỹ.

Cái tên Thủ Thiệm gắn liền với những chuyện cười, chuyện châm biếm, hài hước của ông được lưu truyền khá rộng trong vùng, và đương nhiên theo quy luật phát triển chung của văn học truyền khẩu, những chuyện kể đó được người đời thêm bớt, sửa đổi ít nhiều, thậm chí có những sáng tác dân gian khác được mệnh danh là của Thủ Thiệm.

Sinh ra và lớn lên trong một giai đoạn đầy biến động lớn lao của đất nước vào nửa cuối thế kỷ XIX, anh thanh niên Nguyễn Tấn Nhơn vừa mới lớn có dịp chứng kiến nhiều sự kiện diễn ra trong buổi đầu xâm lược của thực dân Pháp : Những phát súng đại bác của chiến hạm liên quân Pháp - Tây Ban Nha bắn vào cửa Hàn, quê hương của ông ngày 1-9-1858. Tháng 2 - 1859, thành Gia Định thất thủ. Ngày 5-6-1862, triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất - thực chất là hàng ước - cắt một phần đất giao cho kẻ thù xâm lược. Rồi tiếp theo là các phong trào kháng chiến chống xâm lược của các sĩ phu và nhân dân yêu nước nổi lên ở khắp Trung - Nam - Bắc. Đặc biệt, các phong trào Cần Vương, phong trào Duy Tân diễn ra ngay chính trên quê hương ông và cuốn hút cả ông

cùng tham gia⁽¹⁾. Những năm tháng tiếp theo là cảnh sống của người dân dưới ách thống trị của thực dân phong kiến nhà Nguyễn với nạn sưu thuế nặng, khai thác, bòn rút tài nguyên đất nước. "Từ ngày Tây lại cửa Hàn, Đào sông Cầu Nhí, bòn vàng Bông Miêu" (ca dao). Đồng thời với những cuộc đàn áp đẫm máu các phong trào nổi dậy của quần chúng, là sự xuất hiện một lớp tay sai mới, viên chức của "tân trào". Hiện thực ấy đã gợi mở trong tâm trí ông bao nhiêu điều thao thức trăn trở. Chắc chắn rằng không phải ngẫu nhiên mà mũi nhọn đả kích, châm biếm sâu cay nhất trong truyện cười Thủ Thiêm đều hướng vào bọn quan lại tay sai, đám chức sắc làng, tổng đang tác oai tác quái trong xã hội nông thôn lúc bấy giờ cùng cái tôn ti, trật tự đầy những thứ giả hình, những trò chướng tai gai mắt... đang diễn ra hằng ngày.

Đặc trưng nổi bật trong truyện cười, truyện châm biếm của Thủ Thiêm là ở chỗ ông vừa là người đóng vai nhân vật chính của truyện. Ông thường tạo ra những tình huống gây cười bất ngờ và ngộ nghĩnh, rồi tùy theo từng đối tượng, từng hoàn cảnh cụ thể mà có cách xử trí linh hoạt, thông minh bằng nhiều biện

⁽¹⁾ Một tài liệu cho biết, khi phong trào Duy Tân nổ ra ở Quảng Nam, ông đã hăng hái tham gia. Về sau, ông có tham gia việc cướp một chiếc tàu "thương chánh" ở cửa An Hòa của Pháp. Việc bị bại lộ, ông cùng 7 người khác bị chính quyền đương thời xử "quản chế" tại địa phương. (Xem Văn nghệ dân gian Quảng Nam - Đà Nẵng, tập 2, Sở VH TT QN ĐN, 1986, tr 43).

pháp khác nhau như : bằng hành động (các truyện Ở trưởng lên trình quan huyện, Vuốt râu hùm, Món nhậu cho để lại, Quan huyện giả); bằng đối thoại trực tiếp (truyện Tám biển mừng đám cưới, Làm thơ tặng bạn học). Cũng có khi vừa kết hợp cả mưu trí và sức mạnh của đôi tay (truyện Trừng phạt lý trưởng).

Trong hệ thống truyện cười Thủ Thiệm, nổi bật lên cách tạo tình huống gây cười kết hợp với lối phản ứng nhạy bén, hóm hỉnh. Bên cạnh loại truyện cười có chuẩn bị, có dự kiến trước, hay nói cách khác là có phương án vạch sẵn nhằm đưa đối phương vào bẫy (truyện cho thầy bói ngủ bàn thờ, Quan huyện giả, Cho lý trưởng cầm roi, Chơi biển, Bầy gà có chấm phẩm) - mảng này chiếm tỷ lệ không lớn trong toàn bộ truyện cười Thủ Thiệm-thì mảng truyện cười đa dạng và sinh động nhất, in đậm tính cách và chất hài Thủ Thiệm là loại truyện cười có tính "ứng tác" tại chỗ với lối biến báo linh hoạt, sáng tạo. Đó chính là những truyện : "Vuốt râu hùm, Ăn chuối bỏ ruột, Không quen được mời ăn giỗ, Xông nồi khoai, Vội đi bắt cá, Con cu... của tôi v..v..." Ở đây, chất hóm hỉnh được kết hợp một cách khá nhuần nhị với tài ứng phó linh hoạt trong từng tình huống cụ thể, làm bật ra yếu tố gây cười hợp lý.

Có vốn chữ Hán tương đối khá, Thủ Thiệm đã biết vận dụng kiến thức này như một thủ pháp nghệ thuật gây cười để "đánh" vào thói huênh hoang, phách lác kệch cỡm của những kẻ có chức, có quyền làm cho kẻ bị "nắm đòn" nhiều phen phải thâm gan tím ruột mà đành

phải ngậm bồ hòn làm ngọt, không dám ra mặt phản ứng. Qua một số truyện cười Thủ Thiệm, một số nhân vật tai to mặt lớn bỗng chốc trở thành những con rối thảm hại trước con mắt mọi người.

Vốn là con người hiếu động, Thủ Thiệm không chấp nhận cuộc sống đang diễn ra trước mắt ông với những công thức gò bó, tù đọng, đông cứng, ông luôn luôn cựa quậy, khuấy động nhằm phá vỡ cái không khí oi bức, trì trệ đó bằng tiếng cười, bằng những trò nghịch tếu. Một tảng không nhỏ tiếng cười của ông nhằm vào những thói hư tật xấu của con người, những điều chướng mắt. Đối tượng bị ông chế giễu ở đây dường như không từ một ai, từ những kẻ có chút chức tước mà huênh hoang, hách dịch đến những người đàn bà danh đá, chua ngoa, từ ông bồi tể, ông tiên chỉ ở làng đến gã thầy bói, từ bà mẹ vợ đến ông sui gia ngang hàng với mình, và ngay cả đến bè bạn, người thân, ông cũng không “tha”. Nếu như thái độ của ông không chút kiêng dè quyền uy của đám quan lại, thì đối với loại đối tượng thứ hai này, trong tiếng cười phê phán hoặc châm chọc của ông vẫn hàm chứa niềm yêu mến, nhân từ. Vì vậy mà nhiều khi kẻ bị cười khó có thể giận ông, mà dễ bỏ quạ, quá lắm cũng chỉ là rửa thắm ông là “đồ quý”. Dường như mọi chuyện đời đời đối với Thủ Thiệm đều có thể “cười” được. Ông dám qua mặt quan huyện bằng cách bước vào cửa công đường mà không mặc quần một cách hiên ngang, làm mấy tên lính lệ phải bụm miệng cười, trong khi đó ông vẫn chiều bà vợ làm đôi câu đối dán nơi chuồng heo cúng ông Chuồng để cho heo mau lớn (!).

Nét cuối cùng đáng ghi nhận là tính lạc quan trong tiếng cười Thủ Thiệm. Truyện cười Thủ Thiệm mang rõ dấu ấn lạc quan của một tâm hồn yêu đời, giàu chất trào lộng. Ông thích cười và cũng thích chọc mọi người cười. Ngay cả trước tang vợ, ông đau xót thực sự, thế mà khi các bà bạn, các bà hàng xóm nói lời an ủi ông trước sự mất mát to lớn ấy, thì ông vừa thở dài, vừa chặm nước mắt, vừa nói khôi hài, để các bà phải mắng ông là “đồ yêu” !. (Truyện Thiếu chi chớ thiếu cái nở thì làm răng ?). Thủ Thiệm lạc quan cho đến ngay cả phút biết mình sắp từ giã cõi đời trước mặt những bè bạn và người thân (truyện Đến chết vẫn giữ nguyên tính cách).

1. BẦY GÀ CÓ CHẤM PHẨM

Có một thời, ông thân sinh ra Thủ Thiệm làm lý trưởng. Thỉnh thoảng, các chức sắc trong tổng, làng đến chơi. Nhà ông có nuôi mấy con gà lông trắng đẹp, ông lấy phẩm xanh, đỏ, vàng chấm lên mình mấy con gà, con thì 7 chấm, con thì 9 chấm...

Bữa nọ, có các lý hương đến chơi, ông bèn lấy lúa vãi trên sân, kêu đàn gà tới. Mấy vị khách thấy bầy gà có đủ màu sắc lạ đẹp mới hỏi. Thủ Thiệm chỉ vào từng con gà có chấm phẩm nói :

- Con gà này là “cửu phẩm” nê, con kia là “bát phẩm” nê, con nọ là “thất phẩm” nê. Tụi này toàn từ trong đít rúc ra cả. Mồ tổ chúng nó, ăn thì ăn lúa, không có lúa thì cả cứt cũng mổ. Ngó thì đẹp mã đấy, nhưng cũng dơ lắm !

Các ông lý, ông hương biết là Thủ Thiệm chơi xỏ, giận tím ruột nhưng cũng đành cười giả lả, khen bầy gà đẹp.

2. THỦ THIỆM HÁT HÒ KHOAN

Lão Hương Đại í mình có học, thường hay khoe chữ, tới thăm Thủ Thiệm và có ý định thách thức ông.

Vừa bước chân vào ngõ, Hương Đại đã vội vàng bảo :

- Thủ Thiệm, ta biết anh hay chữ, lại còn nghe đâu biết hò khoan nữa. Vậy ta đố anh hò một câu mà ta đo được một thước, thì ta mới phục.

Thủ Thiệm mời Hương Đại ngồi uống nước rồi mới hăng giọng hò :

Thương người đến đứng ngõ người,

Đất mòn chín tác, thiên hạ cười mười phân.

Thế là Hương Đại đành chịu thua cuộc, vừa bị cười vào mũi. Anh ta uất lắm.

Đã một phen thua trí, nhưng Hương Đại chưa chịu được. Tính háo thắng, sự ganh tị làm hắn cứ cảm thấy ngứa ngáy. Bữa kia, đang lúc Thủ Thiệm thay con trai cầm cày. Hương Đại tới đứng trên bờ ruộng, bảo :

- Này Thủ Thiệm, bữa ni nếu anh chỉ hò một câu mà làm con trâu đứng lại thì anh bảo gì tôi cũng chịu.

Thủ Thiệm nhận lời với điều kiện nếu thua cuộc thì Hương Đại phải cày hết đám ruộng cho ông. Hương

Đại nghi không thể thua, liền bằng long. Thủ Thiệm bèn cất tiếng hò :

Em không trách mẹ, hờn cha

Trách cho căn số sinh ra lỗi giờ.

Chữ "giờ" ở cuối câu nghe như tiếng "hò", làm cho con trâu tức thì dừng lại. Bữa đó, Hương Đại bầm gan xấn quần bước xuống ruộng, cày không công cho Thủ Thiệm.

3. ÔNG RỂ QUÝ HÓA !

Trong thời gian đính hôn, Thiệm đi ở rể nhà vợ. Vì là người "có học", theo lệ, Thiệm thường không phải làm lụng gì vất vả, chỉ lo việc hương khói bàn thờ và chăm sóc việc học tập chữ nghĩa, đạo lý thánh hiền cho mấy cậu em vợ.

Một bữa kia, bà mẹ vợ bảo Thiệm lo đầu vào dầy. Lễ vật cúng kiếng bày xong, bà mẹ vợ thắp hương lâm râm khấn vái. Khi bà vừa cúi xuống lạy, Thiệm bước vội vào, nhón tay bốc liền hai cái trứng gà nhuộm phẩm đỏ⁽¹⁾ rồi lén ngay ra.

⁽¹⁾ Theo tục xưa, trong dịp cúng đất đai, người ta thường nấu xôi gấc và nhuộm trứng gà màu đỏ. Khi cúng xong, có dành một phần vật cúng đem thả trôi sông.

Lạy xong, bà mẹ vợ nhìn lên bàn, thấy mất hai cái trứng, trong lòng nghi hoặc, nhưng đành làm thinh.

Cúng xong, bà mẹ vợ bảo Thiệm đem "lễ" đi thả trong bẹ chuối, cho trôi sông⁽¹⁾. Thiệm lễ phép vâng lời. Ra khỏi ngõ, Thiệm gọi đám trẻ con lại, đem "lễ tạ thần" và hai cái trứng gà cho chúng ăn hết, còn mấy đồng tiền kẽm thì nhét vào túi, lại còn giả bộ khẩn :

- Thần có linh thì độ trì giúp đỡ tui gặp nhiều may mắn khi làm rể làng này.

Chàng rể "báng bổ thần linh" ấy cuối cùng cũng cưới được vợ.

4. BỎ CHA ! CHẠY BỎ CHA !

Hồi Thiệm chưa đến tuổi 20, một hôm, có việc đi lên Cây Trâm⁽²⁾ bằng đò. Trên đò có lão chánh tổng. Thiệm đến đứng gần lão. Gần cập bến, chủ đò thu tiền. Thiệm nói với chánh tổng :

- Thầy đưa tiền em trả cho ông lái. Thầy khỏi bước lui, cực !

⁽¹⁾ Theo tục xưa, trong dịp cúng đất đai, người ta thường nấu xôi gấc và nhuộm trứng gà màu đỏ. Khi cúng xong, có dành một phần vật cúng đem thả trôi sông.

⁽²⁾ Cây trâm : Tên một địa danh thuộc xã Tam An, huyện Tam Kỳ.

Chánh tổng đưa tiền. Thiệm trả tiền dò cho mình và chánh tổng rồi bước lên bờ. Dưới dò, một cô gái bước lên sau Thiệm. Thiệm đưa tay bóp vú cô gái, rồi bỏ chạy, vừa chạy, vừa ngoái cổ lại trên :

- Bớ cha chạy bớ cha !

Mọi người xúm lại chửi viên chánh tổng không biết dạy con. Chánh tổng phân bua : "Thằng đó đâu phải con tôi". Nhưng không ai tin.

5. MẶT THẰNG RỂ ĐÂY !

Đám hồi vợ của Thiệm đi từ làng ra; đi ngang qua một đám thợ cấy đang làm việc dưới ruộng. Thủ Thiệm đi tụt lại sau xa. Máy cô thợ cấy ngừng tay, rồi rít hỏi nhau :

- Chà không thấy mặt thàng rể đâu hết ? Chắc rể xấu quá trốn rồi.

Chiều, trở về đường cũ, đám thợ cấy vẫn còn. Thủ Thiệm cởi quần, ngồi chòm hồm trên bờ ruộng la to :

- Rể đây ! Mặt thàng rể đây, mời coi đi !

Mấy cô thợ cấy che mặt quay về hướng khác.

6. MÈO ĂN TRỨNG

Thủ Thiệm về làm rế, tới bữa gần đến lúc dọn cơm, Thủ Thiệm giả bộ mệt, lên ván đắp chiếu nằm. Vợ Thủ Thiệm bưng mâm cơm lên, giữa mâm có chén nước mắm, bỏ cái trứng vịt đã bóc vỏ. Thủ Thiệm vạch nang chiếu dòm chừng, thấy vợ vừa quay lưng đi khuất, bèn lẹ làng thò tay bốc trứng rồi nằm thu mình lại trong chiếu.

Ông nhọc ngồi vào mâm, thấy chén nước mắm không, kêu hỏi con gái :

- Răng chỉ có nước mắm không ?

Vợ Thủ Thiệm từ nhà dưới chạy lên vừa nói :

- Dạ có...

Nhìn lên mâm cơm, chị ta bối rối và nói ấp úng :

- Dạ, dạ, chắc mèo ăn mất rồi !

Hai cha con hè nhau lấy cây đánh mèo một trận, trong khi đó Thủ Thiệm nằm trong chiếu cười mím một mình.

7. NÔI NGHĨA ĐỊA

Vợ Thủ Thiệm đẻ con trai, nhà không có nôi, bèn trách chồng :

- Anh tẻ quá, chẳng lo sắm cho con được cái nôi !
Thủ Thiệm liền thoảng :

- Bà đưa tiền đây tôi đi mua ngay !

Thủ Thiệm lặn tiền vào lưng quần, ra quán đầu làng ngồi uống rượu. Lúc quay về, ngang nghĩa địa, Thủ Thiệm rảo qua, kiếm một cái nôi vớt ở mấy gò mả, phủi sạch bụi đất rồi mang về. Vợ Thiệm hỏi :

- Răng nôi cũ quá vậy ?

Thủ Thiệm đáp :

- Cũ mới hên, con người ta nuôi được béo tốt, giờ để lại cho mình quý lắm rồi !

Vợ Thiệm yên tâm hằng ngày đặt con vào nôi ru ngủ. Mãi đến hôm sau ngày thôi nôi con, Thủ Thiệm mới kể chuyện lại rồi bảo :

- Có sao đâu mà !

Cả hai vợ chồng cùng cười.

8. CÂU ĐỐI CÚNG “ÔNG CHUÔNG”

Hồi trước, trong dân gian có tục cúng “Ông chuông”⁽¹⁾ vào tháng bảy.

Năm nọ, bà Thủ Thiệm theo lệ, định đi chợ sắm sửa đồ cúng. Thủ Thiệm can, nói rằng ông sẽ làm câu đối dán chuông heo hiệu nghiệm hơn cúng. Nói xong, Thủ Thiệm lấy bút nghiên, giấy điều vẩy kim nhũ, viết ngay câu đối bằng chữ Hán như sau :

Trường trường, trưởng trưởng, trường trường trưởng

Trưởng trưởng, trường trường, trưởng trưởng trường⁽²⁾

Thủ Thiệm giải thích cho vợ : nuôi heo chỉ cần nó lớn và dài là tốt. Ông chuông giỏi thì cũng đến “dài dài, lớn lớn” vậy thôi.

(1) Ông chuông : tức ông thần chuông heo, chuông trâu bò. Theo tín ngưỡng dân gian, cúng thần chuông thì súc vật sẽ ham ăn, chóng lớn, không bị dịch bệnh.

(2) Trường : Tiếng Hán là dài, Trưởng : Tiếng Hán là lớn. Dài và lớn là hai yêu cầu phát triển của vật nuôi.

9. THỦ THIÊM ĐÁNH CÁ

Làng bên có một cái ao rất lắm cá. Bọn Hương, lý trong làng bèn xung công để dễ bề cùng nhau đánh chén. Chúng cho dựng một cái bảng gỗ : "Cấm câu cá".

Thủ Thiêm và người con trai lớn vác chài lên vào đánh cá ở ao. Được báo, hương kiểm làng nọ chạy tới quát tháo om sòm, đòi bắt cha con Thủ Thiêm.

Thủ Thiêm tay giữ giỏ cá, tay khoác khoác, lễ phép thưa :

- Dạ... dạ... làng cấm câu cá, còn cha con tui tới đánh vài mẻ chài về ăn qua bữa, chớ có dám câu đâu ạ !

Nói xong, cha con Thủ Thiêm từ tốn cáo lui, còn hương kiểm thì tưng hửng đứng nhìn theo lắc đầu.

10. CÁI NÓN CỦA TUI ... BỎ QUÊN !

Làng của Thủ Thiêm ở sát biển. Thường, mỗi buổi sáng sớm, các bà các cô ra bờ biển mua cá, rồi gánh ra chợ bán.

Một sáng nọ, Thiêm cắp theo một cái nón lá mới vừa mua ở chợ chiều hôm trước, ra bãi biển. Thiêm nằm dài trên bãi biển, lấy cát phủ kín toàn thân, chỉ

chừa khoảng từ rốn xuống đến bắp vế. Khoảng da thịt trần trụi đó, Thiệm lấy cái nón lá úp lên trên nằm chờ...

Các bà, các cô đi ngang qua đó, thấy cái nón mới, động lòng tham, một cô chạy lại, giọng bả lả :

- A, cái nón mới của tui bỏ quên chiều hôm qua, nay còn đây !

Bỗng thấy "cớ sự" lồ lộ trên cát, chị ta xấu hổ quá, rút nón bỏ chạy, không dám ngoái cổ lại.

Thủ Thiệm thản nhiên lấy nón úp lên "của quý" nằm chờ các bà, các cô khác tới lượm..." chiếc nón bỏ quên"!

11. VỘI ĐI BẮT CÁ

Hôm khác, làng đang nhóm ở đình, Thủ Thiệm có việc đi ngang qua. Thấy Thủ Thiệm, các vị lý, hương gọi ông vào đình và bảo : Nghe tiếng lâu nay Thủ Thiệm có tài nói láo, vậy trong dịp này, hãy trở tài nói láo, nếu làng mắc lỗm, sẽ thưởng cho 15 ang lúa giống. Thủ Thiệm lễ phép thưa :

- Trình làng, cám ơn làng lắm, nhưng xin để cho dịp khác, bữa nay tôi bận lắm. Dạ, chẳng giấu gì làng, họ đang tháo bầu. Tôi phải chạy vội về nhà kiếm cái

giỏ đi bắt mẻ cá về cho tụi nhỏ nó ăn một bữa. Dạ xin làng cho tôi bận⁽¹⁾ khác vậy.

Mấy vị lý, hương nghe nói tháo bầu ao cũng ham lợi, vội vàng chạy về, người xách mơn, kẻ cầm giỏ, hối hả chạy ra bầu để bắt cá. Tới nơi, họ thấy nước bầu vẫn đầy nguyên, chẳng ai tháo mà cũng chẳng ai tác bầu gì cả. Mọi người đang cầu nhau thì Thủ Thiêm bước tới miệng cười vui vẻ.

- Dạ, xin làng đong lúa thưởng cho tôi !

Các vị lý, hương đưa mắt nhìn nhau đành thua cuộc.

12. MUA QUẦN

Chợ Vạn Tam Kỳ có một mụ chủ cửa hiệu bán quần áo rất chua ngoa, thường lừa gạt khách hàng, nhất là khách ở quê ra.

Bữa nọ, Thủ Thiêm lên huyện, ghé nhà một người quen. Trời mưa, Thiêm tay cầm dù, đầu chít khăn đóng áo dài nhiều đen, trông rất chững chạc, đàng hoàng. Bên ngoài, Thiêm khoác thêm một cái tơi⁽²⁾ Huế chằm khá đẹp. Thiêm đi đến cửa hiệu của

⁽¹⁾ *Bận khác* : dịp khác.

⁽²⁾ *Tơi* : áo đi mưa ngày trước bằng lá cọ, dài đến quá đầu gối.

mụ kia, hỏi mua một cái quần, ướm lên người thấy vừa vặn, Thiệm mặc vào. Xong, quay lưng đi thẳng. Mụ chủ hiệu réo lại đòi tiền. Thiệm không chịu trả. Tức quá, mụ sai người đi mời phu-lít⁽¹⁾ đến xử. Thủ Thiệm trình bày :

- Nhờ thầy cai xét cho. Tui từ An Hòa lên đây hầu quan, chẳng lẽ không mặc quần. Thiệt tình, tui cũng có hỏi mua cái quần, nhưng bà ta nói mắc quá, nên tui không mua và đi ra. Rứa mà bà hàm hồ đòi tiền. Thầy nghĩ coi ai đời...

Anh Phu-lít khám xét, thấy Thiệm chỉ có cái quần đang mặc, mới quay lại mắng mụ chủ hiệu là đã vu oan cho người ta. Thất lý, mụ ta tức nghẹn cổ. Thủ Thiệm đứng đĩnh bước đi như không có chuyện gì xảy ra.

13. MUA TÔM

Thủ Thiệm lên chơi nhà bạn ở Vạn Tam Kỳ, nghe nói ở chợ này có một mụ bán cá nổi tiếng đánh đá, chua ngoa, "hàng tôm, hàng cá" còn phải kiêng mặt. Thủ Thiệm để bụng chuyện này chờ có dịp cho mụ một bài học.

⁽¹⁾ *Phu-lít* : Từ tiếng Pháp Police có nghĩa là cảnh sát.

Mấy bữa sau, Thủ Thiệm đến hàng mụ kia để mua tôm. Ngã giá xong xuôi. Thiệm ngửa hai bàn tay, chấp lại, nói với mụ rằng :

- Nhờ chị đỡ tôm vỗ bàn tay tui, chứ tui không có chi để đựng. Xong, Thiệm bùm mớ tôm đi thẳng. Mụ kia chạy theo kêu :

- Nề, ông tính gạt lường người ta, hay răng đó ?

Thiệm quay lại

- Á chết cha, tui quên ! chị này, hai tay tui mắc bùm mớ tôm, nhờ chị lấy giùm tiền tôi dặt trong lưng quần một tí.

(Hồi đó, đàn ông thường mặc hai loại quần : loại có dây lưng rút và loại quần lưng vận, không có dây chỉ guộn lưng quần lại ở trước bụng. Hôm đó, Thủ Thiệm chọn mặc loại quần thứ hai).

Khi mụ hàng tôm thò tay vô lưng quần Thiệm để lấy tiền, Thiệm thót bụng lại, chỗ guộn lưng quần bung ra, quần tụt xuống.

Thiệm la bai bai :

- Ối trời đất ơi ! Đương ban ngày, ban mặt, có bà con cả chợ chúng dám cho, mà mụ ni dám tuột quần tui đây nè !

Mụ hàng tôm mắc cỡ quá, vội thối lui ngay và cũng không dám đòi tiền nữa.

14. XÔNG NỒI KHOAI

Một ngày nọ, Thủ Thiệm có việc phải qua làng bên. Giữa đường đói bụng, Thiệm chợt thấy ở nhà kia có một bà nấu nồi khoai vừa chín, vung mới gỡ ra, khói lên nghi ngút, thơm lừng.

Thiệm bèn giả bị cảm lạnh co ro bước đến, xin sưởi ấm. Bà cụ thấy thế động lòng :

- Cơ khổ chưa ! Nè, lấy nồi khoai mà xông mồ hôi toát ra khỏi ngay !

Nói xong, bà cụ tìm mền đưa cho Thiệm. Theo như lời, Thiệm ngồi xếp bằng, trùm kín người với nồi khoai. Một mình trong mền, Thiệm lần lượt ăn hết củ này đến củ khác cho đến no bụng. Xong, Thiệm tung mền ra, miệng cảm ơn rối rít. Bà cụ ngạc nhiên hỏi :

- Ủa sao mau lành rứa ?

Thiệm lễ phép trả lời :

- Dạ cũng nhờ xông nồi khoai của bà.

Nói xong, vừa cúi đầu cảm ơn, Thiệm vừa rảo chân bước thẳng. Bà cụ nhìn vào nồi thấy còn mấy củ khoai nhỏ và đông vỏ. Bà quay lại, chẳng thấy Thiệm đâu cả.

15. CÂU ĐỐ DỄ ... GIẢI

Thận cùng bạn đi chơi, ngang qua nhà một người đàn bà quen, ngửi thấy mùi mít chín mới nói bóng gió :

- Tui nghe nói mít chín mà để lâu trong nhà dễ sinh bệnh.

Bà chủ nhà hiểu ý cười :

- Ừ muốn ăn mít này, thì để tui đố một câu, nói được thì mới cho ăn !

Thận lắc đầu, khoát tay :

- Ổ tưởng chuyện gì, chứ tui vốn là học trò, thì đố văn, đố mẹo ăn thua chi. Thôi, bà cứ cắt mít cho tui ăn cái đã, xong rồi hăng hay.

Bà chủ đành phải chiều theo ý. Ăn xong đâu đấy, Thận kiếu ra về. Bà chủ nhà không chịu, níu lại :

- Nè, ở lại đây trả lời câu đố của tui đã chứ. Ăn rồi, tính chuyện chạy làng đó, chắc ?

Thận mới giả bộ :

- À quên ! Bà đố đi và tôi xin sẵn sàng trả lời.

- Tại sao người ta nói : "Nam chủ ư khí, nữ chủ ư tuyết"⁽¹⁾ người đàn bà nói.

Thủ Thiệm đáp :

- Có chi mô ! Bà với tui vô buồng, tuột quần ra coi ai đen, ai trắng, biết liền !

Bà chủ nhà xấu hổ quá, bèn xua tay, đuổi hai người : "Thôi đi, đồ trời đánh, đồ ôn dịch, đi đi !"

16. CON CU ... CỦA TÔI

Lâu ngày không có dịp đi xa, Thủ Thiệm thấy bứt rứt, bèn nảy ra ý đi bẫy chim cu. Kiếm được con cu mới, Thủ Thiệm ra sức tập cho cu gáy.

Một buổi sáng, Thủ Thiệm xách lồng cu đi ra miệt Hà Lam⁽¹⁾ để bẫy cu, vùng này nổi tiếng có nhiều chim. Đường xa, lại phải qua đò, Thủ Thiệm để lồng cu ở khoang đò cạnh chỗ ông ngồi. Có cô gái vóc người đầy đặn, mặt mày sáng sủa bước xuống đò, ngồi ngay bên cạnh Thủ Thiệm. Đò mỗi lúc một đông người, chỗ ngồi cứ bị xô dịch, dồn lán ra phía sau. Mãi mê nói chuyện, Thủ Thiệm bị đẩy ra chỗ để lồng cu

(1) Không thấy chú thích.

(1) Địa danh thuộc huyện Thăng Bình.

mà không hay. Tới lúc dò cập bến, Thủ Thiệm hít ha, hít hải, lấy tay đẩy cô gái đẹp bên cạnh ra xa :

- Cô, cô nhóm đít lên cho tui lấy con... cu của tui ra đã.

Cô gái vừa mắc cỡ, vừa cự nự :

- Ông già nói chi lạ rứa ? Già rồi mà ănnói kỳ lạ thế.

Thủ Thiệm phân trần với mọi người, vừa đưa tay lôi cái lồng cu từ dưới khoang dò lên :

- Bà con thấy không, cũng may mà con cu của tui chưa bị dè bẹp, thế mà cô cứ cãi.

Mọi người hiểu chuyện, bỏ ra cười, trong khi cô gái thẹn đỏ mặt.

17. KHÔNG QUEN MÀ ĐƯỢC MỜI ĂN GIỖ

Thiệm cùng mấy người bạn đi chơi xa. Trời đã gần đứng bóng mà chẳng có nhà quen, quán xá nào cả. Đói bụng, mấy người bạn than rằng. Thiệm vô yên :
"Khỏi lo, trưa ni sẽ có bữa ngon".

Gần đó, có nhà có đám giỗ to. Trước ngõ, có mấy đứa con nít 4, 5 tuổi đang vọc đất, chơi đùa. Ngó trước, ngó sau, Thiệm bỗng một đứa xuống con sông

trước nhà, nhúng nước ướt mèm. Thiệm làm ướt luôn chính mình, rồi la lên um sòm. Người trong nhà hốt hoảng chạy ra. Thiệm mắng luôn :

- Các ông các bà làm chi trong nhà, không ai coi ngó mấy đứa nhỏ, để nó ra bờ sông chơi, sủa căng xuống nước, may mà tui vừa mới tới, ba chân bốn cẳng chạy ra vớt lên kịp, không thẳng nhỏ uống nước chết rồi !

Cả nhà mừng quỳnh, cảm ơn rối rít, mời khách vô nhà rửa ráy, thay áo quần, sau đó một mâm cỗ tử tế được bưng lên để cảm ơn khách.

18. TUỔI THÂN CỦA CHỊ

Đang đi đường, Thiệm trông thấy một bà tuy đã đứng tuổi, nhưng da thịt mát mẻ, nhan sắc vẫn còn mặn mà. Thiệm bèn đến gần, gạ chuyện. Hết chuyện này sang chuyện khác, đi lần đến chỗ hỏi tuổi nhau :

- Chị nè, chớ chị tuổi chi mà trông còn trẻ quá vậy?

Người đàn bà nghe khen, sung sướng trong bụng, mới nhỏ nhẹ trả lời :

- Dạ tui tuổi thân.

Thiệm cũng nói nho nhỏ :

- Còn tui tuổi Dậu. Chị ạ ! Thân chị như Dậu tui khổ lắm !

Bà kia kịp hiểu, sượng sùng ngoảnh mặt đi thẳng.

19. ÁP GIẢI TÙ

Thủ Thiệm cùng một số bạn học ra Huế thi Hương. Lần ấy, Thiệm thi rớt. Khi về, đến nửa đường thì ai nấy đều cạn hầu bao. Các bạn bối rối lắm. Thiệm nghĩ kế :

- Không hề chi ! Nhưng các anh phải nghe tui, tui biểu rằng thì làm rứa mới được.

Các bạn đồng ý. Dốc túi cả bọn, Thiệm gom đủ tiền mua một cái cũi nhốt heo. Thiệm bảo một người vô ngồi trong cũi, giả làm tù nhân, Thiệm đóng giả vai quan dẫn đầu đám sai nha áp giải. Cả đoàn khiêng cũi tù đi. Bữa trưa, bữa tối, hoặc đến bất kỳ hàng quán nào, Thiệm cũng sai quét dọn chỗ nghỉ, nấu nước, dọn cơm cho cả đoàn, kể cả tù nhân ăn. Ăn xong, Thiệm nói với chủ quán viết giấy nợ là Nhà nước sẽ thanh toán sau và có ghi rõ "sẽ thưởng công cho... vì đã cung phụng chu đáo đoàn công cán của triều đình".

Cứ như vậy, cả đoàn học trò thi, túi rỗng mà vẫn ăn uống no nê, hết quán nợ đến quán kia, về đến quê nhà, để lại dọc đường bao nhiêu là "biên lai nợ của triều đình".

20. MỜI BÀ RA NGOÀI TUI

Thủ Thiệm vào chơi ở tỉnh Quảng Ngãi. Đang trên đường đi, đau bụng, muốn đi ngoài, ông ngó quanh, ngó quát không thấy chỗ nào kín đáo, bèn ngồi ỉa ngay bên đường, gần một ngôi nhà. Bà chủ nhà ngó thấy, bước ra ngỗ chửi luôn :

- Cái ông tê, người lớn mà còn ỉa vất, không biết xấu hổ.

Thiệm nói :

- Khoan đã, ỉa rồi hãy cãi.

Ỉa xong, Thiệm thủng thỉnh nói :

- Tui ở ngoài Quảng Nam vô đây cách nhà tui năm, sáu chục cây số, răng bà kêu là ỉa vất, hử ?

Rồi nói tiếp :

- Xin mời bà, khi mô rảnh ra ngoài tui chơi, và đến chỗ tui tự do ỉa. Không hề chi hết !

Bà kia đành quay vô lẩm bẩm :

- Đồ đàn ông đâu mà hàm hồ, hàm chứa !

21. ĂN VỎ BỎ RUỘT

Một bữa nọ, Thiệm lên huyện, ghé nghỉ mát nơi cái quán dưới gốc cây đa dù. Phía ngoài quán có kê một cái chõng tre. Thiệm ghé đít ngồi ở đó. Ngó vô trong, ông thấy có thớt phán lớn, trái chiếu bông đang hoàng, trên có mấy người khách, ăn mặc bánh bao, đang ăn uống, cười nói bô bô. Ngứa mắt, Thiệm mua mấy trái chuối, lột vỏ, ném ruột chuối cái bẹt xuống đất, rồi nhâm nhi cái vỏ chuối. Người ngồi bên Thiệm hỏi :

- Ông ni lạ nhỉ, ăn chuối lại ăn vỏ, bỏ ruột.

Thủ Thiệm cười .

- Ăn ở trong ra cái chi, khác nào ăn...

Đám người sang trọng kia dường như chột dạ, nên tiếng cười nói tự nhiên im bật.

22. KHOAI LANG LEO GIÀN... RA CỬ

Sau nhà, Thủ Thiệm có trồng mấy vồng khoai lang. Thiệm làm giàn và cho dây khoai bò lên. Đồng thời, Thiệm mua mấy các nồi đất to, đặt lên giàn để dâm cành và tiếp sức cho khoai ra củ trong nôi. Thủ

Thiệm đập bể nồi, rồi chờ đến đêm, lấy nước rửa các củ khoai cho sạch. Sau đó, Thủ Thiệm mời mấy vị có máu mặt trong làng tới nhà chơi, khoe mấy dây khoai lang leo giàn có nhiều củ. Mấy vị có máu mặt thấy vậy, rất ham bèn năn nỉ lấy giống cho bằng được.

Lấy lý do giống hiếm, Thủ Thiệm bán thật mắc. Các cụ mua giống dây khoai đem về, làm giàn cho leo và kết quả chẳng có củ nào.

23. HÔN MỘT LÚC... TÁM CÔ GÁI

Đầu làng Thủ Thiệm có một cây đa lớn. Dưới gốc đa, có một quán nhỏ. Thủ Thiệm và mấy bạn chơi hay ngồi “nhâm nhi” ở cái quán ấy, gọi là “hóng mát”. Người qua lại nơi đó cũng đông. Có hôm, nhóm bạn rượu của Thủ Thiệm thách : “Ông mà hun (hôn) được đám con gái hay đi chợ qua đây, thì tui tui xin hầu ông ba bữa rượu liền”. Lúc ấy đang mùa xoài.

Hôm sau, không nói không rằng, Thủ Thiệm kiếm mấy trái xoài bỏ sẵn dưới gốc cây xoài, cách cái quán độ vài cây sào. Xong, Thủ Thiệm thản nhiên ngồi “nhâm nhi” với các bạn.

Vừa lúc, có một tốp tám cô gái đi qua quán, về ngã cây xoài. Thủ Thiệm đợi đám con gái vừa tới dưới gốc xoài thì vùng chạy theo, miệng la lớn.

- Tụi bay hái trộm xoài của làng, chết với tao !

Mấy cô gái ngơ ngác đứng lại, Thủ Thiệm chạy tới, chỉ mấy trái xoài vương vãi dưới đất :

- Tội bay đúng là tuổi thềm chua rồi, xoài hái còn vương vãi đầy ra đây. Tao phải đem trình làng thôi !

Cả tám cô gái chẳng cô nào chịu nhận tội, còn đang lúng túng chối cãi, thì Thủ Thiệm bước tới sát bên :

- Bọn bay sắp hàng một lại, tao mà ngửi miệng đứa nào có mùi xoài thì đứa ấy chết !

Thế là Thủ Thiệm lần lượt kê miệng "hôn kiểm tra" hết cô này đến cô khác, một loạt cả tám cô gái đang tơ.

Xong, Thủ Thiệm ung dung vào quán trong tiếng cười ran như pháo nổ của mọi người.

24. LÀM THƠ TẶNG BẠN ĐỌC

Đi giấy mả Đức Thầy (Thầy Lánh) về, Thủ Thiệm ghé chơi nhà ông Tụng ở Diêm Điền, vốn là bạn học thuở nhỏ. Tụng có tính hám địa vị, nhà giàu, ưa đi chơi đây đó để kết thân với những người có thế lực. Đứa con trai của Tụng học dốt nên đi thi trượt. Tụng bỏ tiền mua hàm cửu phẩm văn giai, mở tiệc đãi cả làng.

Giữa câu chuyện, Tụng bảo Thiệm làm thơ. Thiệm nói :

- Được thôi, chi chớ thơ thì được.

Nói xong, lái chuyện sang hướng khác. Một lúc, Tụng ra sau nhà. Thiệm liếc mắt nhìn xuống nhà dưới, cầm bút viết liền hai câu đối, dán lên cột nhà Tụng rồi trở lên ngồi nói chuyện tự nhiên. Khi Thiệm ra về, Tụng cũng quên mất lời Thiệm hứa. Quay trở vô, Tụng thấy trên cột nhà có hai câu thơ nôm :

Cha ở nhà đại du

Con đi thi đậu tru ⁽¹⁾

Tụng tức mình chửi :

- Cha thằng quỷ sứ !

25. TẤM BIỂN MỪNG ĐÁM CƯỚI

Một đám người trong làng nọ, tổ chức khá linh đình.

- Đi dự đám cưới, Thiệm mua một tấm lụa. Viết lên đó ba chữ Hán thật lớn : "Miêu bất tọa", làm quà mừng cưới. Trong tiệc rượu nhiều người bảo Thủ Thiệm giải thích mấy chữ nho đề trên tấm lụa mừng cưới. Thiệm chép miệng :

⁽¹⁾ Nói lái

- Chà, có chi khó hiểu đâu mấy ông ! “Miêu” là mèo, “bất” là chẳng, “tọa” là ngồi. “Miêu bất tọa” là mèo không ngồi, mà mèo không ngồi là “mèo đứng”. Bà con, cô bác mừng “Bách niên giai lão”, “Bách niên hạnh phúc”, còn tui thì mừng “Mèo đứng” cũng một ý như rứa có khác chi mô.

Nghe Thiệm giải thích, khách ở mấy mâm rượu chung quanh đều bấm bụng mà cười.

26. CHU CHA, HUNG HE !

Thủ Thiệm có nghề bốc thuốc bắc. Một hôm Thiệm đi thăm bệnh về, trời đã chạng vạng. Đang đi, Thủ Thiệm thấy đằng xa có mấy cô gái đang cởi trần tắm ở một cái giếng. Đường làng lúc ấy vắng. Thiệm nghĩ bụng : “Cái đồ mất nết !”.

Lập tức, Thủ Thiệm nghĩ ra một mẹo. Ông lấy khăn ra bịt đầu, để khăn phủ xuống hai mí mắt, rồi tìm một cái cây bên đường làm gậy, giả làm người đui. Xong, sờ soạng, lom khom, từng bước, ông đi dần tới chỗ các cô đang tắm.

Thủ Thiệm vờ hỏi xin các cô một gàu nước lạnh để rửa mặt. Rửa mặt xong, hai mí mắt trên lật lại như cũ, Thủ Thiệm đứng thẳng người lên, ngó chăm chăm từng cô gái, rồi kêu lên :

- Chu cha, hung he !

Các cô gái lúc bấy giờ mới phát hiện ra không phải người đui, hoảng quá, la lối om sòm, chụp vội áo quần chạy trốn.

27. CHƠI BIỂN

Mấy người bạn Thủ Thiệm rủ nhau mua vịt nhậu mà không mời Thiệm. Bữa sau, Thủ Thiệm mời các bạn tới nhà đi ghe ra biển chơi, nhằm đúng bữa trời gió bắc, sóng lớn, các bạn Thiệm thắc mắc :

- Sóng như vậy, sao đi chơi anh Thiệm.

- Rứa, cứ ra một chút là yên gió thôi, may ra gặp ghe lưới nào, kiếm con cá ngon về nhậu chơi !

Sóng gió to làm cho thuyền lắc lư, dập dềnh, cả bọn say sóng mưa cả ra mặt xanh, mặt vàng. Trong khi đó, Thủ Thiệm là dân đi biển quen nên vẫn tỉnh táo. Thủ Thiệm đưa họ vào bãi, cả bọn nằm lăn mê mệt. Thủ Thiệm lần lượt cởi sạch hết quần áo cả bọn.

Lúc tỉnh dậy, cả bọn nhìn quanh thấy dân làng bu lại đứng coi đông đen, đông đỏ, còn mình thì trần như nhộng.

Rẽ đám đông, Thủ Thiệm bước đến vờ đánh trống láp :

- Đứa mô ác nhon, cởi hết áo quần của mấy thầy, để trần truồng giữa gió bắc thế này ? Nhưng mấy ông

có công nhận đi chơi biển trời như thế này mới vui phải không ?

Rồi Thiêm sai người chạy về nhà mình lấy mớ áo quần đưa cho các bạn mặc tạm, đồng thời sai nấu một nồi cháo trắng bưng ra cho “mấy thầy ăn cho lại sức” và bảo :

Cả bọn biết Thủ Thiêm chơi xỏ, nhưng đành chịu.

28. HỚT TÓC KHÔNG MẤT TIỀN

Thủ Thiêm bảo vợ đưa tiền để ông đi hớt tóc. Từ nhà Thủ Thiêm đến quán hớt tóc phải đi qua một trảng cát. Trời nắng, khát nước, Thủ Thiêm ghé vào quán nước chè tươi ăn mấy miếng kẹo đậu phộng, uống liền mấy bát, hết sạch cả tiền. Nhưng Thủ Thiêm vẫn tới chỗ hớt tóc. Bác thợ đón ông niềm nở và cắt tóc rất kỹ lưỡng. Chờ khi hớt xong, Thủ Thiêm bảo bác thợ sửa lại mái tóc mai. Ông cứ ngo ngoay cái đầu, xoay qua trở lại, rồi đột nhiên nhích người lên. Lưỡi dao cạo chạm vào mép tai chảy máu. Bác thợ rối rít xin lỗi.

Chỉ đợi có thế, Thủ Thiêm quát bác thợ vô ý, rồi giận dữ vùng vằng bỏ ra về. Còn bác thợ cũng thấy mình có lỗi, lại gặp người khó tính đành làm thinh.

29. CON RỒNG... TRE

Một hôm, Thủ Thiệm đi mua tre ở làng xa. Trở về, phải vác hai cây tre to, vừa nặng, vừa mệt. Ông đặt hai cây tre ngay bên đường, cách cổng làng khá xa, rồi thông dong đi về nhà.

Vào làng, gặp ai, Thủ Thiệm cũng vui vẻ báo tin rằng có một đoàn hát với nhiều nhạc cụ, sắp tới làng ta biểu diễn. Đoàn lại mang theo một con rồng rất lớn. Bây giờ họ đang còn để ở dọc đường ngoài đầu cổng làng. Mọi người nghe tin, phần mê hát, phần lại hiếu kỳ, nên kéo nhau đi xem, ai cũng muốn tận mắt thấy con rồng.

Khi tới nơi, họ chẳng nhìn thấy gì cả, đoàn hát cũng không, mà con rồng cũng chẳng có, chỉ thấy hai cây tre lớn nằm ở cạnh đường.

Có vài người do tính tham, thấy hai cây tre to vô chủ, bèn kẻ vai vác tre về. Sau khi ăn uống xong, Thủ Thiệm ra đứng đón ở đầu xóm chờ sẵn và cảm ơn rồi rít rằng "Bà con đã thương Thiệm mà vác giùm hai cây tre lớn về tận nhà".

30. THÁI QUÁ THÌ PHẢI... CHẤP !

Thủ Thiệm đến thăm nhà sui gia. Ông sui làm cơm đãi khách, trong mâm có món thịt heo luộc xắt phay. Thấy Thủ Thiệm ngồi trong mâm cứ mỗi lần gấp hai ba lát thịt heo cùng một lúc, ông sui nóng ruột, nói khéo :

- Tình nghĩa sui gia càng ngày càng dài. Con gái tui về làm dâu nhà anh, có chi anh đừng chấp... trách !

Thủ Thiệm biết ý, người tay vẫn gấp một cách tự nhiên, miệng trả lời :

- Cái chi cũng vừa vừa thì thôi, nhưng *thái quá* thì... phải *chấp* chứ ! ⁽¹⁾

⁽¹⁾ Ở đây có vấn đề “chơi chữ”. Chấp có hai nghĩa.

1. Kẹp hai ba cái lại làm một. Thí dụ chấp hai, ba lát thịt trong một lần gấp.

2. Trách cứ, bắt bẻ.

Thái quá : ở đây Thủ Thiệm còn có ý chê là thịt heo, thái quá mỏng” nên mới “chấp” hai ba lát lại làm một.

31. THỦ THIỆM GẶP ĐỐI THỦ

Bữa nọ, ông sui của Thủ Thiệm đến thăm, Hai bên chuyện trò vui vẻ. Đến bữa cơm, Thiệm cho dọn mâm cơm chỉ có đĩa mắm nục. Ông sui tuy bực, cho là Thủ Thiệm khinh mình, nhưng cũng vui vẻ ngồi vào mâm, Thiệm vốn vả, lịch sự :

- Dạ, không mấy khi anh quá bộ tới chơi, mà lại gặp lúc nhà không có chi, chỉ có cá nục. Thôi, mời anh cứ nhiệt tình.

Ông sui cười bảo :

- Mắm chứ cá đâu anh ?

- Dạ, thì trước khi thành mắm, những cũng là cá nục đó chứ anh ! Thủ Thiệm đáp.

Dạo sau, nhân đi làm thuốc bên làng ông sui, Thiệm ghé thăm và cũng được mời ăn cơm trưa. Bữa cơm chỉ có một bát gốc tre chặt nhỏ, dầm mắm. Ông sui cũng dọn đĩa mời :

- Dạ, không mấy khi anh quá bộ tới chơi, gặp lúc nhà không có chi ngoài món măng dầm ni. Mời anh thiệt tình cho.

Thiệm vui vẻ nói :

- Gốc tre chứ măng chi mô anh !

Ông sui nhẹ nhàng đáp lại :

- Dạ, thì trước kia nó cũng là mặng đó chứ. Để lâu ngày, nó rứa đó, cũng là mặng hết mà !

Thủ Thiêm biết là gặp tay cứng cỏi, nhưng cũng đành phải làm tỉnh ngồi ăn cơm với nước mắt.

32. CHO THẦY BÓI NGŨ BÀN THỜ

Xóm trên có một cụ góa, cỡ tuổi Thủ Thiêm. Mụ này hợm hĩnh, khinh người quá thể, cả xóm đều không ai ưa. Thủ Thiêm đến chơi, nói với mụ góa :

- Bậu này, chồng bậu chết cũng lâu rồi, bậu ở một mình cũng buồn ! Thôi, bậu lấy qua đi, qua về với bậu cho vui cửa, vui nhà.

Mụ góa nguýt dài :

- Ngũ ông mà đòi lấy tui ! Làm như cái xứ ni hết đàn ông rồi chắc... Để tui dẹp bàn thờ chồng tui xuống đất rồi lấy ông hỉ !

Thủ Thiêm không nói không rằng, ra về.

Một hôm, biết mụ góa đi chơi bên kia sông, nhà vắng người, Thủ Thiêm dắt một lão thầy bói đến nhà bà ta, rồi bảo :

- Tui nghe thấy tiếng thầy linh lắm, nên mời thầy bói cho vợ chồng tui một quẻ. Bà nhà tui đi chơi ở xóm

trên chưa về. Chứ thầy ngồi chơi, tui nấu cơm mời thầy ăn rồi nằm nghỉ, chờ nhà tui về, ta sẽ tính.

ThIỆM lục tìm gạo, nấu cơm và leo lên giường thờ, dọn hết đồ thờ xuống đất. Lão thầy bói sau khi ăn uống xong xuôi được Thiệm dắt đến giường thờ chồng mụ góa.

Mời thầy lên giường nằm nghỉ. Chắc xế chiều nhà tui mới về.

Lão thầy bói yên chí nằm trên giường thờ, đánh thẳng một giấc. Xế chiều, mụ góa về, thấy nhà cửa bừa bãi, mâm chén lung tung. Mụ lên nhà trên ngó lên giường thờ, thấy lão thầy bói ngáy khò khò. Mụ góa tức quá, lôi lão thầy bói xuống, nắm tóc, vừa giựt, vừa đánh :

- Mồ tổ mi, mi ở đâu tới mà dám leo lên giường thờ chồng tao mà ngủ hả ?

Lão thầy bói giật mình sợ quá, lắp bắp :

- Dạ, dạ... tui lạy bà. Chồng bà dắt tui về đây, chờ bà về để coi quẻ cho bà. Ông dắt tui lên giường này nằm ngủ chớ tui có biết chi mô ! Chớ ông đi mô rồi ? Lạ quá he ! Chớ còn bà thờ chồng mô rứa ?

Mụ góa chợt nhớ ra, chửi :

- Tổ cha thằng Thủ Thiệm chớ không còn ai vô đây hết !

33. DẤU CHÂN ĐI THỤT LÙI

Có một gia đình coi bộ khá giả không biết ở đâu mới đến cư ngụ trong làng. Mấy tháng sau, người chồng chết, không rõ vì bệnh gì, còn lại hai mẹ con rất kênh kiệu, khinh rẻ người dân quê chân lấm tay bùn.

Đêm nọ, Thiệm đến nhà hai mẹ con bà này. Từ cổng vô, ông đi thụt lùi. Trời nóng, cửa chống lên cho mát, hai mẹ con đang ngủ say. Thiệm quờ tay lên mái nhà, rút một nắm tranh, đoạn lại gần, đưa tay sờ soạng. Bà góa và đứa con gái thức giấc hô hoán lên. Thiệm cũng la làng. Hàng xóm nghe la, kéo đến đầy nhà. Bà góa phân trần :

- Hai mẹ con tui đương ngủ, lão ta ở đâu tới cứ người tui mà rờ lung.

Thủ Thiệm già mồm cãi lại :

- Lạ chưa, thiệt là cái đồ già miệng, già mồm. Tui chơi về khuya, đến ngang đây gặp bà ni đứng ở ngõ, không biết rằng bả nắm lưng quần tui kéo, kéo tui đi thụt lùi vô nhà. Tới thêm, tui bấu vô cái mái nhà, nhưng bị trụt luôn. Tui hoảng hồn la lên, thế là hai mẹ con bả cũng la ầm lên.

Hàng xóm thấy trên tay Thiệm còn cầm nguyên một nắm tranh.

Họ sách đèn ra ngoài soi thì thấy dấu chân đúng như Thiệm nói. Đúng là hai mẹ con bà này dở chứng, lại vu oan cho người ta.

Bọn trẻ con trong làng từ đó đặt về chế giễu, làm cho hai mẹ con bà này xấu hổ phải dọn nhà đi ở nơi khác.

34. AI CÚNG ?

Đoàn hát bội về làng đang chuẩn bị cho đêm hát mở đầu. Lửa lúc thiên hạ đang lo cơm nước buổi tối, Thủ Thiệm cùng mấy người bạn mặc khăn đen, áo dài, mang một cái hương án đến đặt trước rạp hát, trên có hai cây đèn bạch lạp lớn, trông rất trang nghiêm.

Gần đến giờ hát, chức sắc trong làng lần lượt kéo đến, thấy cái hương án, họ bèn nhắm nha đi tới, đi lui, chờ cho gánh hát làm lễ trước khi mở màn. Ông bầu ngồi trong ngó ra, lại tưởng là làng định cúng kiếng chi đây. Chẳng ai thúc dục ai, hai bên đều tôn trọng lễ nghi của nhau. Sao bánh lái trên trời đã quay đuôi xuống rồi, mà quái lạ chẳng thấy lễ bái chi hết ! Ông bầu gánh hát chờ mãi lâu quá nóng ruột mới thưa :

- Dạ, thưa làng, làng bày lễ chi, rằng chưa thấy cúng, để cho bây tui còn hát trình làng ?

Chư vị chức sắc mới chưng hửng :

Ừa, làng có làm lễ chi đâu ! Chúng tôi cứ tưởng đoàn hát các ông bày hương án để mà làm lễ cúng mà !

35. ĐI GIẶT RÂU, RỒI MỚI HÁT ĐƯỢC

Đêm sau, Thiệm rủ mấy người bạn học đến coi hát. Thiệm lấy một que tre, đập giập một đầu rồi chấm đầu đó vào phân người. Trước giờ hát, Thiệm cùng các bạn tìm cách lén vào hậu trường, chỗ treo những bộ râu tuồng. Thiệm lấy cái que chấm vào từng bộ râu làm bộ giải thích ý nghĩa :

- Đây là râu ông lão nè, đây là râu nịnh nè, đây là râu kếp từng nè...

Đến khi ra tuồng, các kếp hát mang râu, nghe mùi hôi thối, họ coi kỹ té ra phân người. Không ai hát được nữa. Đoàn hát đành phải cáo làng, nghỉ hát để giặt râu.

36. CHIA BÁNH CHO LÝ HƯƠNG

Lý Hương thường bị dân coi là những kẻ tham ăn, tham uống, nhất là trong các buổi họp làng. Thủ Thiệm không ưa cái thói hư này của họ.

Một bữa, ăn tiệc làng, các Lý Hương vừa mới gặp sơ sơ mấy đĩa, Thủ Thiệm bưng mấy đĩa bánh chia đều cho từng người trong mâm. Có vị bắt bẻ :

Ông Thủ làm như các hương chức chúng tôi là con nít cả hay sao ?

Thủ Thiệm nói :

- Đâu dám ! Ăn trước cũng như ăn sau. Chia trước để mấy ông hương ăn liền cho ngon miệng đó thôi !

Rõ ràng Thiệm coi lý hương là đám con nít tham ăn, họ biết thế, nhưng ai nấy đều nín khe.

37. CHO LÝ TRƯỞNG CẮM ROİ

Một hôm đi chơi về, biết lý trưởng và thằng con của y cũng về cùng đường, đang đi phía sau, Thủ Thiệm bèn kiếm mấy cái que, lấy phân bôi lên, cắm giữa đường, rồi vào một bụi cây gần đó giả vờ ỉa vắt, dít quay ra phía ngoài.

Một lúc sau, hai cha con lý trưởng đến. Trông thấy có người ỉa bên đường, lý trưởng ra oai quát :

- Đứa nào ỉa vắt đó, tao quát cho mấy roi chừ !

Thấy mấy cái que cắm trên đường, lý trưởng tiện tay rút một que làm roi. Nghe trong tay nhờn nhờn, lại có mùi thum thum, lý trưởng biết là vợ phải của nợ nên vút roi ngay. Nhìn lên, thì người ỉa vắt đã chuẩn đầu mắt. Ngó xuống mấy cái que kia, thì que nào cũng đầy phân. Lý trưởng biết có kẻ chơi khăm mình đây, nhưng đành ngậm miệng làm thinh, phải đi một đoạn dài mới tìm được nước để rửa tay.

38. GÓP NỬA TIỀN XÂY ĐÌNH LÀNG

Tư lâu, đám hương lý trong làng rất mong xây một ngôi đình mới, vì có xây đình thì mới có dịp kiểm chác. Thủ Thiệm định bụng sẽ sửa lưng cho họ một vố.

Trong một cuộc họp làng, đám hương lý cứ xoay quanh chuyện làm đình. Thủ Thiệm phát biểu :

- Nếu làng tính xây đình mới khởi công, tui xin cúng cho làng nửa tiền.

Cả đám hội đồng mừng quýnh, cho rằng Thủ Thiệm lâu nay mới chơi ngon, và sau đó họ bắt tay chuẩn bị ngay. Đến ngày khởi công, làng sai người đến nhắc Thủ Thiệm thực hiện điều đã hứa ở giữa làng. Thiệm lấy mười đồng ăn ba⁽¹⁾, đem gói ba lớp giấy, rồi niêm phong đưa cho người kia, bảo đem về nộp cho làng. Khi các quan viên, chức sắc mở ra, thì ai

⁽¹⁾ Thời ấy tiền của nhà Nguyễn có thứ tiền gọi là “đồng ăn ba” đúc bằng hợp kim đồng - kẽm gọi là “đồng ăn ba”. Nghĩa là một đồng tiền này có giá trị bằng ba đồng tiền kẽm. Cứ hai mươi “đồng ăn ba” có giá trị bằng một đơn vị tiền lớn hơn gọi là “tiền”. Nói cách khác “một tiền” có giá trị bằng hai mươi “đồng ăn ba”, và “nửa tiền” có giá trị bằng 10 “đồng ăn ba”. Như vậy số tiền góp làm đình của Thiệm giá trị chưa được một bọ gạo. Ở đây Thiệm đã lợi dụng từ đồng âm khác nghĩa để lừa đám chức sắc trong làng.

nảy điều ngạc nhiên, kẻ nọ ngó người kia. Đúng là vốn vụn chỉ có mười đồng ăn ba, tính ra là "nửa tiền", Thủ Thiệm đã cúng làng không thiếu đồng nào.

Việc xây đình vì thế mà phải "đình" lại, vì thiếu kinh phí lớn.

39. ĐỢI MỘT TÍ !

Làng khuyết chân thủ sắc, thấy Thủ Thiệm là người có chữ nghĩa, bèn mời giữ chức này. Thiệm từ chối, nhưng rồi cũng nhận :

- Thôi được, làng biểu tui thì tui làm. Nhưng tui chỉ làm bảy ngày thôi nghe ! Làng nên lo kiếm người khác đi. Tui nói như đình đóng cột đó !

Nửa tháng sau, có buổi rước sắc thần. Cờ xí, chiêng trống, kiệu rồng... đủ cả. Dân làng và các chức sắc đã đến đông đủ. Chờ mãi mà không thấy có cái hộp trống. Cả làng xao xác. Chánh tổng thì la hét om sòm.

Mãi sau, Thủ Thiệm mới lững thững đi đến, mặt mày tỉnh rụi :

- Tui đã thưa với làng rồi, mà làng không nghe ! tui chỉ nhận làm thủ sắc bảy ngày thôi mà. Chử trể rồi, rước chi kịp nữa ! Thôi, để bữa sau rước cũng được. Làng giận lắm, bắt Thủ Thiệm tạ tội với thần một con heo đực.

Thủ Thiệm mua một con heo cái, làm lông sạch sẽ, để nguyên cả con úp lên cái mâm lớn. Đúng như thường lệ, Thiệm lấy một miếng lá chuối, đập lên sau đít con heo rớt xuống. Mấy ông làng ngó lên : hóa ra, đây là con heo cái, bèn quát hỏi Thiệm. Thiệm thưa :

- Dạ, dạ mấy cái đứa nhỏ nhà tui nó... Dạ, làng bắt vạ gấp quá, lữ nó kiếm heo đực không ra, đành phải mua như vậy. Dạ chừ lờ rồi, thôi đành xin tạ làng con heo này. Còn tạ thần thì xin khát lại đến năm sau.

Mọi người tung hứng, nhưng được bữa thịt nên cũng êm... Thịt heo dọn lên, nhưng lại không có nước mắm chấm. Nhiều tiếng réo Thiệm. Ông ta thưa :

- Dạ, bà nhà tui đem ra ngay bây giờ. Bả còn đang đi hái, đợi một tí, xong, bả đem vô cho làng chấm !

40. TRỪNG PHẠT LÝ TRƯỞNG

Lý trưởng một làng nọ rất căm Thủ Thiệm vì y đã từng bị Thiệm sửa lưng cho mấy trận đau như thiến. Hắn dặn bọn tay chân, có dịp, cứ bắt trói Thủ Thiệm lại và đánh cho như tử đi, và sau đó "hạ hồi phân giải".

Lời đe dọa đó đến tai Thủ Thiệm.

Một đêm nọ, người kia bỗng nghe có tiếng la :
"Bắt được Thủ Thiệm rồi ! Bắt được Thủ Thiệm rồi !"
Tiếp đó là tiếng chửi, tiếng đánh thành thịch, tiếng la

hét om sòm. Dân trong xóm đổ ra coi, thấy lý trưởng và mấy người nữa đang đánh, đá một người, vừa đánh, vừa nói : “Nó đây rồi ! Đánh đi bay ! Đánh thả sức cho tao !”. “Thủ Thiệm”, người bị đánh, miệng bị nhét đầy giẻ, cứ ư ở trong cổ họng. Có mấy người cũng vào hùa với lý trưởng xông vào đánh hỏi. “Thủ Thiệm” bị đánh tới bời. Đánh đã nư, lý trưởng sai người đem “Thủ Thiệm” ra trói lại ở cột cờ trước đình làng, để đó suốt đêm.

Sáng ra, dân làng lại kéo đến xem thì vô cùng ngạc nhiên, khi thấy người bị trói lại chính là lý trưởng ! Ông ta vẻ mặt thiếu nã bơ phờ, bùn đất trét đầy miệng, mũi, đứng không nổi, ông ta chửi không hết một câu : “Đ... mẹ hần !”.

Thì ra đêm qua, Thủ Thiệm đã giả làm lý trưởng cùng với mấy người bạn, đón đường tên lý trưởng đi đánh bạc về khuya và trị cho một trận.

41. NHỨT THIỆN

Có trát ở trên sức về làng báo cho dân biết để đón quan huyện. Các chức sắc trong làng chuẩn bị rồi rít. Họ bắt dân làng làm lại đường để quan đi cho êm, cho sạch, làm phường môn, treo cờ quạt, chuẩn bị mâm cỗ... Thủ Thiệm xin nhận phần trang trí phường môn. Phường môn làm khá đẹp, trên gắn hai chữ nho “NHỨT THIỆN” to tướng.

Đến đầu làng, quan huyện ra lệnh dừng cán, bước xuống đi bộ qua phường môn. Hình như quan có vẻ trầm tư, rồi thắc mắc, sai đòi người trang trí đến hỏi. Thủ Thiệm được mời đến. Quan huyện cất lời hỏi Thiệm.

- Anh giải thích hai chữ ở trên phường môn cho ta nghe thử.

Thủ Thiệm lễ phép đáp :

- Dạ bẩm quan, “Nhứt Thiệm” có nghĩa là “một lành”. Mà một điều đã lành thì trăm điều cũng “tốt lành” ạ.

Quan huyện hỏi tên. Thủ Thiệm xưng tên. Quan không nói gì, sắc mặt khi tái, khi đỏ. Thủ Thiệm lễ phép xin lui.

Mấy bữa sau, ông anh của Thủ Thiệm uống rượu hơi ngà ngà say, cười nói bô bô :

- Cái thằng Thiệm xỏ lá ! Nó cho cả quan huyện rúc dưới cái “một lành” (nói lái đó mà) !

Lúc bấy giờ, mọi người mới hiểu ra là Thiệm khá cao tay, “chơi” cả quan lớn, mà quan đành chịu.

42. DÓNG CHIÊNG MÀ KHÔNG HÁT

Bọn chức sắc trong làng Phú Vinh cùng rủ nhau đến kỳ tế "Xuân Thu"⁽¹⁾ này sẽ rước đám hát về hát cho làng xem. Thiệm biết bọn này cho dân xem hát còn có ý muốn kiếm chác, nhậu nhẹt, nên tuy rất thích coi hát bội, Thiệm vẫn định bụng phá.

Sắp đến lúc mở màn, bỗng có người hô hoán : mất cái chiêng rồi ! Cùng lúc ấy người ta nghe ở đầu làng có tiếng chiêng dóng. Phường hát cho người chạy lên xem. Đến nơi, chẳng thấy có gì cả. Lại nghe tiếng chiêng dóng ở xóm dưới... cứ thế, sự việc kéo dài đến gần nửa đêm như một trò ú tim. Khi những người đi tìm quay về, thì lại thấy cái chiêng nằm nguyên chỗ cũ. Đám chức sắc của làng ngồi ngáp dài, ngáp ngắn chờ coi hát, quát mắng bọn phường hát là quáng vẹt, quáng gà. Có người nghi Thiệm chơi xỏ, tìm đến nhà thì thấy ông đang ngáy khò khò trên giường.

Khuya rồi, đêm hát đầu tiên thế là phải hoãn lại đến hôm sau.

(1) *Xuân Thu* : tục xưa ở làng, một năm có hai kỳ tế lớn gọi là Tế Xuân và Tế Thu, còn gọi là Xuân Thu nhị kỳ.

43. Ở TRƯỞNG LÊN TRÌNH QUAN HUYỆN

Trong làng có người chết đuối. Theo lệ, Thủ Thiệm phải lên huyện báo quan cử người về khám nghiệm. Lên đến gần huyện đường, Thủ Thiệm cởi quần, ở truồng, chỉ mặc chiếc áo dài phủ ra bên ngoài và đội khăn đóng. Vào huyện đường, Thiệm vừa bước tới, vừa vái quan huyện. Đám đề lại thấy vậy bụm miệng cười :

- Tên kia, đến quan có việc chi mà ăn mặc như vậy?

Thủ Thiệm cứ giả vờ như không nghe, bước lẹ tới, tay vái lia lịa. Quan huyện đập bàn, quát âm ỉ. Lúc bấy giờ Thiệm mới ngó xuống, làm bộ giật mình ú ớ bầm :

- “Dạ... dạ bẩm quan lớn, làng con có đứa bị chết đuối. Hoảng quá, con ba chân bốn cẳng chạy lên để trình quan. Nôn quá, nên con quên luôn cái quần, xin quan tha tội cho con”. Nói rồi, Thiệm quay ra, vừa đi, vừa chấp tay vái lia lịa.

Quan huyện cứ tưởng là Thủ Thiệm hoảng thật.

44. THỊT HEO ĂN VỚI CHI NGON ?

Tay phó tổng ở địa phương Thủ Thiệm vốn ưa chè chén. Lợi dụng chức vị hăn hay la cà đến nhà này, nhà khác để nhậu nhẹt.

Một hôm, hăn đến nhà Thủ Thiệm gặp lúc người nhà Thiệm vừa chia thịt heo về. Hăn giả đồ xin kiếu⁽¹⁾, nhưng Thủ Thiệm mới mời một tiếng, hăn bằng lòng ở lại ăn cơm trưa ngay.

Thịt heo dọn mời khách, xắt vừa đủ đũa⁽²⁾. Vậy mà tên phó tổng cứ gắp đến hai lát một, ngón với rau, khế và chuối chát. Thủ Thiệm ngứa mắt lắm, cười cười hỏi phó tổng :

- Tui đồ anh, ở đời, thịt heo phay ăn với chi mới ngon ?

Tên phó tổng kể ra, nào là ăn với rau sống kẹp chuối chát, khế, cuốn với bánh tráng, rau muống, nào là kẹp cá mèi dầu xé nhỏ có thêm lá sập...

⁽¹⁾ *Xin kiếu* : xin phép ra về.

⁽²⁾ *Xắt vừa đủ đũa* : ý nói xắt (thái) lát thịt vừa phải, không quá dày mà cũng không quá mỏng.

Nghe xong, Thủ Thiêm bác tuốt. Phó tổng hỏi lại. Thủ Thiêm thủng thỉnh gắp một miếng thịt, rồi gắp thêm một miếng nữa, đặt chung vào chén, rồi nói :

- Thịt heo mà ăn với thịt heo là ngon nhất !

Phó tổng dường như hiểu ra câu nói xỏ của Thủ Thiêm nên chột dạ, dềnh hắng mấy tiếng. Đôi đũa cầm trên tay từ đó cứ lóng nga lóng ngóng.

45. QUAN HUYỆN GIẢ

Một dạo, Thủ Thiêm thường đi Chợ Đước⁽¹⁾ buôn bán. Một hôm, đến đây ông được biết hai ngày nữa sẽ có một vị quan huyện mới ở Huế về nhậm chức. Viên tri huyện này sẽ đến Hội An trước để trình kiến công sứ Pháp, rồi đi bằng đường thủy về ghé lại Chợ Đước. Dân Chợ Đước nhận trát sức về chuẩn bị đón tiếp quan. Thủ Thiêm tức tốc thuê một chiếc ghe, chuẩn bị mấy thứ để đóng vai tri huyện, nhờ một số người nhà chủ ghe giả làm lính hầu, hứa sau này sẽ hậu đãi.

Một ngày trước khi viên tri huyện thiết đến Chợ Đước, Thủ Thiêm trong bộ dạng quan huyện, cùng

⁽¹⁾ *Chợ Đước* : xưa là một địa danh nổi tiếng buôn bán tạp nập, nhộn nhịp, nay thuộc xã Bình Triều, huyện Thăng Bình. Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

lính hầu đến. Chức sắc trong làng, tổng được tin, ra nghênh tiếp. "Quan huyện" giả giọng Huế, nói :

- Lẽ ra, ngày mai quan mới về như trát sức. Nhưng nay công việc ở tòa công sứ đã xong, quan về đây sớm hơn một ngày.

Các chức sắc vâng vâng, dạ dạ rồi sau tổ chức bữa tiệc đón mừng quan với heo, gà đã chuẩn bị từ trước.

"Quan huyện" can :

- Đừng có bày vẽ ra làm chi cho tốn phí nghe, trả hết lại cho dân !

Các chức sắc sợ mất một bữa nhậu phỉ sức với quan huyện, nên cố mời quan nghỉ lại trưa, trước khi lên đường.

"Quan huyện" cảm động nói :

- Thôi được, các người đã có lòng thì quan chấp nhận nghỉ lại, nhưng đừng bày vẽ ra nhiều, chỉ nên làm bữa tiệc khiêm tốn đãi làng, không nên phí phạm của dân.

Ăn nhậu xong, "quan huyện" xuống ghe ra về. Các chức sắc tiễn đưa tỏ vẻ lưu luyến.

Ngày hôm sau, đúng như trát sức, viên tri huyện thiết đến. Quan thấy Chợ Được vắng tanh như chùa Bà Đanh, giận lắm. Quan sai lính gọi lý trưởng ra quát mắng, hỏi lý do. Lý trưởng và các chức sắc ngơ ngác ngó nhau, rồi bẩm quan :

- Bẩm, hôm qua có một quan huyện đến đây rồi ! Quan nói rằng vì đã xong việc ở trên nên về đây trước một ngày, làng đã nghênh tiếp long trọng, chu đáo. Vậy chỗ quan hôm qua là quan huyện nào, còn quan đây là...

Viên tri huyện tức giận, ngắt lời :

- Không là chi cả ! Đ... mẹ, lính đâu ? Lôi bọn này giải về huyện giam hết, rồi xét xử sau.

Trong lúc ấy “quan huyện giả” Thủ Thiêm đang nằm gác chân chữ ngũ, rung đùi ở nhà.

46. GIAM ĐẦU CHỖ KHÔNG GIAM ĐÍT

Một dạo tháng ba, có hai chức sắc trong làng tranh nhau chức chủ bái lễ tế cá Ông⁽¹⁾ hằng năm, vì chức này được trọng vọng, lại có an hơn ai. Hai anh này tranh nhau đến mức đánh nhau dữ dội. Thủ Thiêm bèn chạy bộ lên huyện đường, trình :

⁽¹⁾ *Lễ tế cá Ông* : Các ngư dân vùng biển, mỗi khi có cá voi chết dạt vào bờ gọi là “Ông lụy”, thì thường tổ chức lễ tế và sắm quan quách đem chôn cất rất tử tế. Kèm theo lễ này là các điệu múa và hát bả trạo.

- Bẩm quan, ở làng có hai người đánh lộn, một người bị thương, một người bị chết. Con lên trình quan về xử.

Tri huyện quát hỏi :

- Tại sao lên quan mà không có giấy tờ, đơn từ chi hết ?

Thủ Thiệm thưa, vì gấp quá nên không làm đơn. Viên tri huyện cho Thủ Thiệm ra ngoài chờ.

Một lúc sau, có người làng của Thủ Thiệm cầm đơn lên trình quan về vụ đánh lộn nói trên. Viên tri huyện đọc đơn, rồi ngạc nhiên hỏi người cầm đơn :

- Vậy ở làng mi có hai vụ đánh lộn cùng một lúc, trên cùng một nơi à ?

Người cầm đơn thưa :

- Bẩm quan, chỉ có một vụ thôi !

Viên tri huyện lại hỏi :

- Chớ vụ nào có người bị thương, có người chết ?

- Dạ bẩm, không có ai chết hết. Dân làng thấy hai người bị thương, đã kịp can họ ra rồi.

Viên tri huyện cho người gọi Thủ Thiệm vào, hỏi tại sao dám nói dối quan. Thủ Thiệm điềm tĩnh nói :

- Dạ bẩm quan lớn, đúng như vậy đó, có rằng con nói rứa ! Khi con đứng ở đó, thì hai người đánh nhau dữ quá. Người này nói : "Tao sẽ giết mi !". Người kia cũng nói : "Tao sẽ giết mi !". Như vậy, chắc là không

thể nào hai người cùng chết được, mà phải có một người chết một người bị thương. Con phải chạy ngay lên trình quan cho kịp.

Viên quan biết đây là một trò quấy của Thủ Thiệm, nhưng cũng ra oai, kêu lính lệ :

- Lẹ đâu ? Đưa thằng này xuống khám, giam đầu nó lại !

Lính lệ dẫn Thủ Thiệm xuống khám. Thủ Thiệm chỉ đứng ở cửa khám, đưa đầu vào thôi. Lính lệ cố đẩy Thiệm vào, nhưng Thiệm hai tay giữ chặt khung cửa khám, không chịu vào :

- Quan biểu các thầy giam đầu tui, chứ có biểu giam đít đầu mà các thầy đẩy tui vô ?

Lính lệ lên trình lại quan. Viên tri huyện đành phải tha quách Thủ Thiệm cho xong chuyện.

47. CHỮA BỆNH BẰNG ROI MÓT

Thủ Thiệm có nghề bốc thuốc bắc. Một bữa nọ, Thiệm được mời đến chữa bệnh cho vợ lý trưởng. Lý trưởng kể, trước đây, con của y cũng bị hóc các bực trong cổ như vợ y hiện nay, được một ông lang cho uống một thứ lá chi đó, các bực bật ngay ra ngoài.

Thiệm nói :

- Tưởng chi chớ chuyện ấy không khó. Ông làm cũng được !

Hỏi làm cách nào, Thiệm mới bày :

- Hễ có ai bị hóc các bạc trong cổ họng, ông cứ cầm con roi mót quất vào đít, miệng hô ba lần "chánh kỳ nhựt" các bạc bật ra khỏi cổ liền.

Lý trưởng biết ngay là mình bị "xỏ", vì cứ mỗi lần đi giục nộp thuế, hấn thường quất roi mót vào đít người dân, miệng thì hô "chánh kỳ nhựt", "chánh kỳ nhựt", có nghĩa là ngày mai là hạn cuối cùng phải nộp thuế.

48. CÒN CHI MÀ THIỆT, GIẢ

Lo chuyện trật tự xã hội ở làng là chức hương kiểm. Nhưng anh này thường hách dịch, ra oai với mọi người. Lão hương kiểm trong làng của Thủ Thiệm không những đã hách, lại thêm có tính hỗn ăn.

Bữa nọ, làng cúng, chức sắc to nhỏ và các lão nhiều đến dự cúng có đến trăm người, Thủ Thiệm dặn riêng anh giáp đang lo việc bếp núc :

- Chập nữa đãi làng, mâm tui ngồi với ông hương kiểm, chú dọn bảy đôi đĩa thôi nghe. Bữa ni tui ể mình, không muốn ăn uống chi hết !

Cái lối ăn việc làng hồi trước rất là "ác liệt". Các vị ngồi vào mâm không đầy mười phút, cỗ bàn đã sạch sẽ cả. Có người đi dự việc làng, phòng xa, dắt theo đôi đũa trong lưng quần. Thiệm ngồi vào bàn là nắm lấy bó đũa ngay, so cho mình và sáu người cùng mâm. Chỗ lão hương kiểm thì để trống. Sau tiếng mời "cầm đũa" của Thủ Thiệm, cuộc "chiến đấu" diễn ra ngay tức khắc. Không có đũa, lão hương kiểm kêu "thiếu đũa" tíu tít. Nhưng người đông đúc, ồn ào, kẻ phục vụ thì ít, bấp lại ở xa phía sau đình. Kêu đũa không được, lão tự đi tìm lấy. Cầm đôi đũa trở lại mâm, lão thấy chỉ còn một ít lòng heo, mấy lát thịt mỡ, tô canh khoai môn, nước xáo...

Thủ Thiệm đơn đả mời :

- Dạ, mời anh hương, chà mâm ni không biết làng mua đâu được con heo to quá, mà thịt chắc và ngọt quá chừng. Dạ mời anh hương "thiệt tình" !

Lão hương kiểm tức nghẹn cổ, buột miệng nói :

- Các anh "ních"⁽¹⁾ hết rồi ! còn chi mô mà thiệt với giả ?

⁽¹⁾ Ních : ăn (tục).

49. VUỐT RÂU HÙM

Có lần Thiệm cùng một số bạn học lên huyện. Đứng chờ ở sân huyện đường, cả bọn thấy phía sau nhà có một người đàn bà đang đưa nôi ru con. Có người nói đó là vợ lẽ quan huyện. Bọn học trò mới thách nhau. Đứa nào sờ được vú vợ quan huyện, cả bọn sẽ thay phiên nhau cõng về đến tận nhà.

Khi đã hỏi lại chắc đó là vợ lẽ quan huyện rồi, Thiệm nhận lời, và bảo mọi người lùi xa ra phía gốc cây.

Lát sau, người vợ lẽ quan huyện đi vào nhà trong. Thiệm sè sè đi lại gần cái nôi, ngó trước ngó sau, rồi véo cậu ấm đang ngủ say một cái thật đau. Cậu ấm khóc ré lên. Thiệm cầm nôi đưa, miệng dỗ ầu ơ... Vợ quan huyện nghe con khóc, chạy lên bồng con. Cậu ấm ôm vú mẹ bú, vừa bú vừa khóc. Bọn học trò đứng ngoài xa, cố nín cười. Còn Thiệm thì giả đờ hốt hoảng, đưa tay chụp vú mẹ cậu ấm nói:

- Chu cha ! Bà lớn khoan cho cậu bú đã. Để tui coi thử, răng mà cậu lại khóc thét lên như ri ?

Miệng nói, một tay Thiệm vẫn nắm vú vợ bé quan huyện, tay kia làm bộ vạch miệng cậu ấm. Cậu ấm không chịu, rúc đầu vào vú mẹ. Thiệm buông thõng tay, bảo cậu ấm :

- Đó, vú đó. Có bú thì bú đi!

Lần ấy, đám bạn học phải chia nhau cõng Thiệm một đoạn đường dài.

50. CHE MIỆNG THẾ GIAN

Một hôm, Thủ Thiệm đi lên phố huyện. Nhưng khác với mọi lần, ông thường cưỡi con ngựa ô đực, lần này lại cưỡi con ngựa bạch cái. Khi đi ngang qua đám đông, nơi mấy quán bên đường. Thiệm nghe lời xầm xì : "Lần này, ông ấy mà cỡi ngựa cái lên huyện chắc là có chuyện cho mà xem!". Thiệm im lặng, thúc ngựa dần bước, coi như không nghe những lời bàn tán kia.

Thêm một quãng đường, Thiệm thấy chiếc mo nang rơi trên mặt đất, bèn dừng lại, nhặt lên, rồi lấy dây xỏ chiếc mo nang, treo ở phía sau, bịt đít con ngựa cái lại, rồi tiếp tục lên đường.

Bỗng Thiệm nghe ở phía sau có tiếng lục lạc khua lên cùng tiếng vó ngựa dồn dập. Thì ra, viên chánh tổng, cũng có việc, phải lên quan.

Chờ cho ngựa mình ngang với ngựa Thiệm, viên chánh tổng mới lên tiếng trước :

- Ê ! Bộ Thủ Thiệm thiếu phân bón ruộng hay sao mà đi đường cũng bịt đít ngựa lại như vậy ? Có thiếu phân, thì tới nhà tụi cho năm ba gánh, chứ chuyện chi phải vất cả như thế.

Biết viên cai tổng trích thượng, nhưng Thiệm vẫn thản nhiên, cầm chiếc roi, quay lại phía sau, chỉ vào chiếc mo nang lủng lảng rồi nói :

- À thầy chánh ! Xin lỗi, tôi che miệng thế gian đây, kéo không khéo nó "bậy" ra giữa nơi thanh thiên bạch nhật thì khổ cho dân lắm !

Viên chánh tổng biết là Thủ Thiệm nói xỏ mình, tức tràn hồng, nhưng đành thúc ngựa vượt lên, đi thẳng, không nói thêm lời nào.

51. THIẾU CHI CHỜ THIẾU "CÁI NỞ" THÌ LÀM RẰNG ?

Vợ Thủ Thiệm mất, bà con xóm giềng, nội, ngoại tới viếng rất đông. Thương tình cảnh của Thiệm, các bà vỗ về :

Thôi anh ạ ! Cũng đừng buồn làm chi cho nó hao người. Đời người, ai cũng đến lúc "phải qua cầu" như vậy cả. Anh hãy gắng vui lên để lo cho chị mồ yên mả đẹp và nuôi các cháu. Có chi khó khăn, bà con chòm xóm chúng tôi gánh đỡ một tay.

Nghe tới đó, Thủ Thiệm lại càng tỏ vẻ sứt sùi. Các bà cũng rơi nước mắt.

Lúc sau, hơi người người, Thiệm kể là :

- Tui cũng biết lắm chớ ! Bả mà đi rồi thì mấy cha con tui sẽ khổ đấy. Mà nói thiệt với các dì... Lúc túng thiếu, cái khổ là chạy tới chạy lui, vay mượn đây ni, đắp đây kia...

Một bà mới an ủi :

- Ủ, thì anh có thiếu tiền thiếu bạc, gặp lúc chị em bề tui có thì cũng sẵn sàng giúp anh được chứ răng không ?

Thủ Thiệm thở dài :

- Tui biết bụng các dì lắm. Thiếu chi đi nữa thì các dì cũng giúp được, nhưng mà tới lúc thiếu "cái nớ" thì làm răng mà các dì giúp tui được, phải không các dì ?

Các bà lữ khóc, lữ cười mắng Thiệm :

- Đồ yêu ! Vợ vừa chết đó mà còn rửng mỡ được !

Thiệm thở dài chặm nước mắt...

52. HAI CHỮ "KHUYNH THIÊN"

TRÊN LÁ PHƯỚC

Thủ Thiệm lo ma chay cho vợ theo đúng các nghi thức cổ truyền. Thông thường, trên bàn thờ người phụ nữ mới mất có lá phước, đề hai chữ "Trình Thuận", là

hai đức tính lý tưởng của phụ nữ. Thủ Thiệm thay chữ ấy bằng chữ "Khuyh Thiên".

Khách đến viếng tang, thấy lá phướn lạ, không ai hiểu ý nghĩa ra sao, nhưng đang lúc tang gia bối rối, cũng chẳng ai tò mò tìm hiểu. Mấy ngày sau, có người mới nhắc lại chuyện này. Thủ Thiệm tỏ vẻ buồn rầu giải thích :

- Chữ "Trinh Thuận" là nói khi còn sống, người đàn bà giữ nghĩa trung trinh và thuận thảo đối với chồng. Nay chết rồi, thì còn "Trinh Thuận" với ai ? Cho nên thương tiếc cho đúng nghĩa vợ chồng, phải thờ hai chữ khác cho hợp hơn.

- Vì vậy, mà ông chọn hai chữ "Khuyh Thiên" để trên lá phướn chứ gì ?

Thiệm đáp :

- Đúng thế !

- Vậy "Khuyh Thiên" nghĩa nó như thế nào ?

- Có chi đâu, Thiệm giải thích : *Khuyh* là nghiêng, *Thiên* là trời; *Khuyh thiên* là "Trời nghiêng", mà trời nghiêng thì tất "đất méo"; bà nhà tôi chết rồi, còn đâu nữa mà không "méo đất" (nói lái).

53. ĐẾN CHẾT VẪN GIỮ NGUYÊN TÍNH CÁCH

Thủ Thiệm ngã bệnh nặng. Thuốc thang suốt mà, tháng trời vẫn không khỏi.

Biết rằng Thủ Thiệm không còn sống được mấy ngày nữa, bạn bè, bà con xa gần đến thăm tấp nập. Thiệm mệt, nhưng vẫn tỉnh táo. Lúc gần hấp hối, có người hỏi :

- Anh thấy trong người có đỡ hơn không ?

Thiệm cười nhẹ, đôi mắt lơ lơ không còn sinh khí. Dường như cố dùng chút hơi còn lại, Thiệm mấp máy đôi môi, nói rất khẽ :

- Chết hết... rồi ! Chỉ còn... có cái con... là còn sống thôi.

Mọi người nhìn nhau, lắc đầu quay đi chỗ khác.

Lát sau thì Thủ Thiệm tắt thở.

TRUYỆN ÔNG Ó

MẤY NÉT VỀ ÔNG Ó

Cho đến nay, chưa có tài liệu nào nói về dòng họ, năm sinh, năm mất và quê quán của ông Ó. Nhưng qua "Lời giới thiệu" trong TRUYỆN ÔNG Ó của Bùi Quang Nho, và nếu đối chiếu, liên hệ với những sự kiện cùng thời điểm xảy ra, cũng như những vấn đề liên quan thu thập được qua các cuộc điều tra, khảo sát, ta có thể biết được một số nét tương đối cụ thể về cuộc đời, hoàn cảnh, nghề nghiệp của ông.

Về quê quán gốc thì không rõ, chỉ biết rằng khi hai vợ chồng ông đến dựng chòi, chặt cây, phá rừng ở xóm Dừa, thuộc làng Phước Hội, tổng Minh Đạt, hạt Bến Tre, nay là ấp An Quới, xã Định Thủy, huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre thì họ đã xấp xỉ tuổi năm mươi và không có con cái. Như vậy, có nghĩa là ông Ó sinh vào khoảng những năm 1810 - 1820. Người chồng có tài làm bẫy bắt muôn thú rất hay, đặc biệt nghề bắt chim ó biển. (Vùng này thuở ấy có rất nhiều ó biển thường hay bay lượn trên trời giống như diều hâu để tìm bắt những con mối sống như gà, vịt con của nông dân nuôi).

Hễ bắt được ó thì ông lại mang ra chợ bán, đổi gạo và vật dụng khác. Từ đó, đám trẻ con trong vùng rất thích gặp ông để được xem, được nghịch chim lạ. Ông vốn vui tính kể huyện hấp dẫn, đôi khi phóng đại

những chuyện về săn bắt thú, chim, về những chuyện “trên trời dưới đất” nên lôi cuốn cả trẻ con lẫn người lớn rồi người ta gọi ông là “ông Ó”. Cái tên ấy được gọi mãi, lâu ngày thành quen, và cũng chẳng ai buồn biết tên thật của ông là gì nữa.

Theo lời kể của các bô lão vùng huyện Mỏ Cà, thì ông Ó vốn là một nông dân ít chữ nghĩa, nhưng sáng dạ, tính khí can trường. Ông có tài ứng phó, đối đáp nhanh nhạy, nắm bắt tâm lý của từng đối tượng rất kịp thời. Do đó, ông thường tạo ra những tình huống bất ngờ bằng những mẩu chuyện “bịa như thật”, mà kết cục là những tràng cười khoái trá. Hay có khi là nụ cười mỉa mai, chua chát của người nghe do biết mình bị lừa, thậm chí có lúc là những đòn rất đau, nhưng người trong cuộc đành ngậm bồ hòn làm ngọt.

Ông chế giễu những thói hư tật xấu của con người. Đặc biệt mũi nhọn phê phán, châm biếm sắc sảo của ông thường chĩa vào bọn trọc phú, bọn có chức có quyền, tham lam, hống hách, ích kỷ, ngu ngốc, từ mục nhà giàu kênh kiệu, ông hương cả trong làng đến cai tổng, tri huyện, và đến cả Đông cung thái tử và các quan lại lớn nhỏ ở triều đình, ông cũng không tha. Ông Ó đã tạo ra được những tiếng cười làm trút nhào những thần tượng... làm cho *những thần tượng ấy trở thành những cục đất thó*” (Chữ dùng của Hêghen).

Nói đến những tác giả chuyện kể dân gian Nam Bộ, không thể không nhắc đến ông Ó. Ông có tài nói

trạng nổi tiếng, danh truyền khắp vùng, không chỉ vì số lượng sáng tác, mà còn ở sự độc đáo của đề tài, ở cấu trúc truyện, nhất là ở biện pháp nghệ thuật dẫn dắt câu chuyện, đưa người nghe vào cuộc. Thậm chí có người thích nghe ông kể chuyện đã có ý thức "cảnh giác" ông gạt mình, thế nhưng rồi vẫn bị mắc mưu ông như thường. Tiếng đồn tài nói trạng và tiểu lâm của ông đã vang đến kinh đô Huế - lúc bấy giờ là triều Minh Mạng và Tự Đức - đến nỗi các ông hoàng, bà chúa do nghe các quan trấn nhậm từ đất Đồng Nai ra kể lại rất háo hức muốn được gặp ông. Một ông hoàng đã yêu cầu các quan ở Nam Kỳ mời ông Ó ra Huế để mua vui cho họ. Ông Ó được gửi theo một chuyến ghe bầu chở lương thực về triều. Trong thời gian lưu ở Huế, ông Ó đã gặp Đông cung thái tử, các quan lớn, quan nhỏ, lính tráng, quân hầu... và đã cho họ nếm thử tài nói láo, nói gạt của ông (xem các truyện *Ông Ó ở Huế*, *Mưu cầu phúc lợi*, *Lời dặn thầy tôi*, *Nói gạt quan lớn v.v.*).

Truyện ông Ó đã được các nhà sưu tầm văn học dân gian ghi lại và được in trong nhiều tập sách trong suốt gần một thế kỷ qua. Có thể nói, ông Ó là một dạng Trạng Quỳnh, Xiển Bột ở vùng đất phía nam Tổ quốc trong thế kỷ XIX.

1. MƯỢN TRÂU

Một hôm ông Ó đến làng kia, thấy một anh nhà giàu đang làm đất để cấy. Ông Ó mới hỏi :

- Cha chả ! Hôm nay mà chưa đi cấy hả ?

Anh nhà giàu trả lời :

- Năm nay làm nhiều ruộng, thuê người làm được còn ít, trâu thì bịnh nên thiếu trâu làm. Còn vài chục công nữa mà không có trâu phải làm tay, như vậy thiệt khó quá ! Mà thuê người thì tốn tiền quá.

Ông Ó vừa cười vừa nói :

- Nhà tôi ở gần mé rừng nên có anh em gởi trâu cho chúng nó ăn cỏ trong rừng. Đồng bên tôi thì cấy xong cả rồi, anh có chỗ nhốt thì tôi cho mượn vài con mà làm thêm ít nữa.

Anh nhà giàu ham lợi tưởng thật, ra mặt đơn đả mời bằng được ông Ó vào nhà trâu nước tử tế, xong cho đầy tớ theo ông Ó, đến bắt trâu về... Nguyên năm nào cày cấy xong thì mấy chủ trâu cũng đem làm chuồng gởi trâu trong rừng đó. Về tới nhà, ông Ó liền ra nói với mấy đứa trẻ chăn trâu cho mượn bốn con trâu tơ chưa xổ mũi, lấy dây chuối cột vào cổ, giao cho mấy tên đầy tớ nhà giàu kia dắt đem về. Cái nghề trâu khi đi xa, nghe tiếng bầy ghé ọ, thì giựt dây chạy trở lại. Mấy tên đầy tớ đành tay không mà trở về, thưa với chủ là trâu giựt đứt dây, chạy mất rồi. Anh nhà giàu

đành chịu. Vài ngày sau, gặp ông Ó giữa đường cái, hắn ta trách ông Ó sao lại nói lừa hắn. Ông Ó liền cười và trả lời :

- Vậy không biết tiếng ông Ó ở xóm Dưa hay sao?

2. THAM THÌ THÂM

Có một bữa kia, ông Ó đi chợ mua thức ăn. Ông đến sạp thịt định mua một ít, nhưng nhà hàng thấy ông ăn mặc lôi thôi, thì có vẻ khinh, nói giá rất mắc để ông ta bỏ đi cho khuất mắt. Ông Ó biết thế, cảm lắm, bèn nghĩ ra một mẹo làm cho hắn biết tay. Thường những người ở xa đi chợ phải dùng ghe, mà lúc đó ở bến không có chiếc ghe nào. Ông Ó thủng thỉnh quay lại sạp thịt lúc nãy, nói với hàng thịt :

- Ông bán thịt xem hàng chạy lắm, sao không thấy xuống dưới xóm tôi mua heo.

Anh nhà hàng lộ vẻ mừng rỡ :

- Dưới ông có nhiều heo lắm à ?

Ông Ó trả lời :

- Nhà tôi cũng có một bầy heo mười mấy con, ai mua cả một lúc mới bán. Một hai lần có ghe lại mua, nhưng họ trả rẻ lắm, không muốn bán. Ông nhà hàng mừng lắm, vì thấy một món hời. Ông ta mời bằng được ông Ó về nhà

đãi cơm nước cho tử tế. Xong cho ghe đưa ông Ó về nhà mua heo luôn thể. Ghe vừa cập bến thì gặp lúc bà Ó ra bến gánh nước, ông Ó vội nói thật to :

- Có ông này muốn mua bảy heo của nhà mình đây !

Bà vợ biết ý chồng, bèn xuýt xoa làm ra vẻ tiếc rẻ:

- Thật tiếc quá ! Khi ông vừa đi khỏi thì có ghe lại mua, bắt đi rồi. Tôi gánh nước về rửa chuồng đây !

Ông hàng thật nghe nói chừng hững đành phải cho ghe về, nghĩ không biết có phải mình bị lừa không ?

3. BỮA NAY BỂ ĐẬP KỲ HÀ

Một bữa nọ, ông Ó có việc mới đi ngang đình Rắn. Thấy ông, các ông hương chức hội tế mới rủ :

- Này ông Ó, vào đây nói láo nghe chơi.

Ông Ó liền trả lời :

- Thưa các ông không được ạ, tôi còn phải về gấp để đi bắt hôi ở đập Kỳ Hà, vì đập Kỳ Hà vừa bị bể.

Nói đoạn, ông Ó quày quả đi liền. Nghe vậy, máu nhậu trời dấy, nên các hương chức trong làng ban hội tế liền sai những người phụ việc ở đình :

- Bay đâu, đến đập Kỳ Hà kiếm vài con cá đem về nhậu lai rai.

Đập kỳ hà lớn, chắc có cá to đấy.

Nghe lệnh, anh em giúp việc trong đình lục tục kéo nhau ra đập Kỳ Hà rất đông, nhưng đến nơi thì thấy đập vẫn còn nguyên, nước vẫn đầy. Thế là cả bọn kéo nhau ra về, tức tối vì bị ông Ó gạt.

Vài ngày sau, ông Ó có việc ra đình, các hương chức hội tề liền lên tiếng khiển trách :

- Sao chú mày dám gạt tụi tao, báo hại chúng nó đi mất công. Bấy giờ ông Ó mới cười lớn :

- Thì các ông biểu tui vô nói láo nghe chơi mà, tui nói láo cho các ông nghe đó thôi.

4. TÁT ĐÌA

Làng Hội Phước⁽¹⁾ có một nhà giàu nhưng keo kiệt. Y có non chục cái đìa trong khoảng đất của y. Tuy giàu có, nhưng y trả công cho những người tát đìa rẻ mạt. Bữa ấy nhà y đang tát một cái đìa lớn sát bìa rừng Vông. Đìa này xưa nay vẫn có nhiều cá, vì vậy khi tát đìa chủ hay đứng canh chừng, sợ người tát thuê

⁽¹⁾ Làng Hội Phước thuộc huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Bến Tre.

lấy mất cá. Đĩa sắp cạn ông Ó chạy hốt hải từ trong làng ra.

- Trời đất ! Tui đi kiếm ông muốn hựt hơi. Ông Cả nhờ tui mời ông ra đình có quan huyện về muốn gặp ông kia kia.

Gã nhà giàu quay lại :

- Kiếm tôi có việc chi ?

- Tui hồng rành, nhưng chỉ nghe ông Cả nói quan huyện định mời ông ra làm chánh tổng Minh Đạo hay sao đó ?

Y lưỡng lự một hồi, rồi về đình làng dặn ông Ó canh chừng dùm những người tát đĩa thuê. Thừa dịp, những người tát đĩa nghe lời ông Ó, xúc hết cá to giấu vô rừng. Gã nhà giàu tát bắt đi về tới đình, nhưng thấy đình trống trơn, không có một bóng người, bèn quay ra chỗ tát đĩa để cự ông Ó. Vừa thấy mặt y, ông Ó đã lên tiếng :

- Ủa, quan huyện gặp ông sao lạ vậy ?

- Nào tui có thấy ai ở đình đâu.

- Thôi chết rồi chắc quan nhờ tôi kiếm ông mãi hồng được nên quan ra về rồi, mai ông thử lên huyện coi.

Vừa lúc ấy, đĩa cũng cạn, dưới lòng đĩa chỉ còn ít cá. Gã nhà giàu ngạc nhiên thốt lên :

- Lạ thật ! Cái đĩa này vẫn có tiếng nhiều cá, thế mà năm nay sao quá ít mà lại toàn cá nhỏ.

Ông Ó và những người tát đìa thuê chỉ im lặng mỉm cười.

5. ÔNG HƯƠNG CẢ THÈM THỊT TRÂU

Hương cả từ ngoài đình đi về ngang qua nhà ông Ó, thấy ông đang ngồi mài dao, liền hỏi :

- Chú mài dao làm chi vậy ?

Ông Ó trả lời :

- Đi xẻ thịt trâu.

- Ở đâu ? Hương cả nghe lạ, bèn hỏi.

- Ngoài sông cái có con trâu nhà ai mới chết. Tôi coi còn "có lý lắm" mới tính mài dao ra xẻ ít thịt đem về nhậu chơi. Nếu nhiều còn dự phoi khô để đến mùa mưa có cái để "lai rai".

Hương cả nghe xong, máu thềm thịt trâu nổi lên, ông ta đi vội về nhà, cầm cây mác vót chạy ra bìa sông cái. Vừa đi vừa lẩm bẫm :

- Đã lâu lắm, từ bữa cúng đình hồi tháng ba, mình chưa được miếng thịt trâu nào.

Ra tới bờ sông, ông ta kiếm hoài, mãi không thấy. Một lúc sau thấy có vật gì đen đen nổi lập lờ giữa sông, y cởi quần áo lội ra. Chẳng dè đó là gốc cây bị

cháy trôi từ trên nguồn về. Tức quá, hương cả lên bờ mặc quần áo, chạy về nhà ông Ó la ầm ĩ :

- Tại sao chú đánh lừa ta ?
- Đâu có, tui biết ông cả thềm thịt trâu, nên chỉ cho ông cả đó chớ.
- Tại sao ta kiếm hoài không thấy ?
- Ủa ông cả không nhớ tui là ông Ó nói láo sao ?

6. NÓI LÁO LẠI ĐÒI CÓ SÁCH

Hương giáo làng Hội Phước, chữ nghĩa chẳng bao nhiêu, nhưng lúc nào cũng khoe với mọi người là tui ham coi sách, tui nói cái chi cũng có sách. Bữa ấy, hương giáo đang ngồi uống trà ở một nhà nọ, thì ông Ó đi vào. Thấy ông Ó, hương giáo liền vỗ vập :

- Tui vẫn nghe ông Ó nói láo có sách, ông có mấy quyển sách nói láo phải không ? Bữa nào cho tui coi cái ghen.
- Ủa, khi nào rảnh, anh hương lại tui coi. Hay bữa nay, anh hương lại tui đi.

Một lát sau, ông Ó đứng lên. Định tỏ ra cho mọi người biết mình là người ham coi sách, nên hương giáo đứng dậy đi liền theo. Bước chưa ra khỏi sân nhà, ông Ó quay lại bảo :

- Trời đất, anh hương vẫn coi mình là người từng đọc nhiều sách mà không biết rằng nói láo lại đòi có sách ư ?

Hương giáo đỏ rần mặt, quay lại bàn trà ngồi im, không nói lời nào.

7. CON GÀ CHỌI NHÀ PHÓ TỔNG

Phó tổng Minh Đạt⁽¹⁾ rất giàu, lại có máu mê chơi gà chọi. Y o bế con gà và coi quý hơn kẻ ăn người ở trong nhà. Y lại hay phách lối, nên dân trong vùng không ai ưa. Ông Ó định bụng lúc nào sẽ phá y chơi. Hôm đó, chợ Vàm đang đông, người ta thấy ông Ó tay cầm sợi dây chuối, quần ống cao ống thấp, đứng cạnh hàng rào bông bụt nhà phó tổng la lớn :

- Ồi bà con, bắt dùm tôi con gà kia ! Tôi cột chân không kỹ nên đi từ nhà ra đến gần đây thì nó sút dây, nó chạy vô nhà này. Tôi đuổi nó mệt quá chừng, kia kia, nó kia kia !

Vừa nói, ông Ó vừa chỉ con gà chọi cao to ở nơi sân, rồi ngồi xuống bù lu bù loa :

- Tôi về, chắc bả la tui dữ lắm !

⁽¹⁾ Tổng Minh Đạt thuộc cù lao Minh, nay thuộc huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

Thấy thương ông già, mọi người liền nhảy vô nhà, nhè con gà đầu đàn đuổi bắt. Đàn gà chạy tứ tán. Con gà chọi lớn nhất đàn chạy ngược ra cổng. Ông Ó liền vớ ngay đòn gánh của một người đi chợ vụt mạnh một cái, con gà gãy giò nằm bất cánh ngay tại chỗ.

Ở trong nhà nghe ồn ào, phó tổng ra tới nơi, thấy vậy, la lớn :

- Sao các người đánh què gà quý nhà tui ?

Ông Ó trả lời :

- Đâu co, mấy ông ngoài chợ, đuổi gà chạy lại chỗ tui, nhờ tui bắt hộ hoặc đánh chết cũng được chẳng dè nó... nó...

Phó tổng cắt lời :

- Các người kia đâu hết ?

- Họ ở ngoài kia, đó...

Vừa nói, ông Ó vừa chỉ tay ra ngoài chợ lúc ấy rất đông người.

Viên phó tổng liền hỏi :

- Thế còn ông là ai ?

Ông Ó liền trả lời :

- Tui là Ông Ó ở xóm Dưa, ông không biết sao ?

Nói rồi, ông quày quả đi luôn. Thế là phó tổng đành ôm con gà què vào nhà, tiếc ngẩn tiếc ngơ.

8. BỂ HẾT TRƠN RỒI !

Biết tánh bọn kỳ hào trong làng hay ăn bòn của những người dân trong làng. Một bữa nọ ông Ó đi ra đình làng, thấy cánh kỳ hào đang ngồi chơi uống nước tán gẫu bèn hỏi :

- Bữa nay các thầy có bận công chuyện chi không ạ ?

Nghe vậy có người liền hỏi :

- Có chuyện chi không ông Ó ?

Ông Ó cung kính :

- Nhà tôi tát đìa, được hai mái cá đây. Một mái đầy cá lóc, một mái toàn cá trê. Tôi tính bữa nay nếu các ông không bận, xin mời các ông nhậu chơi cho vui.

Nghe được nhậu cá lóc, cá trê, cánh kỳ hào nhận lời ngay. Gần trưa, họ kéo nhau lại nhà ông Ó. Vừa thấy bóng bọn kỳ hào, ông Ó từ trong nhà bước vội ra ngoài sân, nói như phân trần :

- Khổ thân tôi ! Cá nhiều quá lại toàn cá bự cả nên khi tôi vừa đi khỏi nhà để đến mời các thầy, thì cá quẫy bể mái hết, rồi lọt xuống kinh đi hết cả. Tiếc quá chừng ! Thôi thì đành hẹn các thầy bữa khác vậy.

Cánh kỳ hào vừa mắc cỡ, vừa tức, cùng nhau lủi thủi ra về.

9. HỎI BÀ CHÚA XỨ COI !

Cạnh nhà Ông Ó có một cái miếu mà dân trong làng vẫn gọi là miếu bà Chúa xứ. Bữa ấy, trong nhà bên cạnh có đông người ngồi chơi, ông Ó kể :

- Rãy nhà tôi năm nay có mấy dây bí mà trái nhiều quá cỡ. Trái nào cũng thiệt lớn mà lạ hơn là mỗi mắt bí có tới hai, ba trái.

Mọi người không tin, bắt ông Ó dẫn ra rãy coi. Ra tới nơi, chỉ thấy dăm ba dây bí khẳng khiu, chẳng có trái nào cả. Mọi người cười ồ lên :

- Bữa nay ông Ó gặt tụi tui không được, mắc cỡ quá trời nhen.

- Đâu có, tôi nói thiệt mà !

- Thế bí nhà ông đâu hết ?

Ông Ó nhìn quanh như chợt thấy cái chi đó reo lên:

- Trời tôi biết rồi ! Chắc có ai vừa hái trộm hết. Ở đây thì có bà Chúa xứ, chắc bà ấy chứ không ai vào đây cả ?

Mọi người không tin. Ông Ó bảo :

- Thì cứ hỏi bà Chúa xứ coi.

10. CHẠY VỀ MÀ COI CON

Hai vợ chồng nhà nọ giàu có nhưng rẻ rúng con cái, chỉ mãi lo làm giàu. Cả hai vợ chồng tối ngày mua bán ngoài chợ.

Lũ con bị bỏ ở nhà đói khát, lấm bừa khóc la ầm ĩ cả xóm. Một bữa, thấy ông Ó đang đi ngoài chợ, vợ chồng nhà nọ như lúc vắng khách nên kêu ông Ó :

- Nè, nói láo nghe chơi ông Ó !

Ông Ó làm thính như không nghe thấy gì. Người vợ nhà nọ lại kêu :

- Vô đây nghỉ, nói láo nghe chơi ông Ó !

Lúc ấy, ông Ó mới quay lại, làm như chợt nhớ ra điều gì :

- Trời, tưởng ai kêu tôi, té ra nhà chị. Con cái ở nhà bị té vũng sặc nước, dân làng người ta đang cứu giùm, sắp chết tới nơi mà cha mẹ cứ ngồi đây rủ tôi nói láo nghe chơi. Thiệt khổ hết sức, tôi không thấy nhà ai như vợ chồng nhà này. Chỉ mãi lo buôn bán làm giàu mà hổng nhìn ngó gì tới con cái ráo chọi !

Vợ chồng nhà nọ lính quỳnh nhờ người coi giùm hàng, rồi chạy muốn hụt hơi về nhà. Đến nhà, họ thấy mấy đứa con, đang tha thẩn ngoài vườn, đứa nào mặt

mày cũng lấm lem, nhưng không có đứa nào té vũng, mà cũng chẳng có ai cứu giùm cả. Sợ mất đồ ngoài chợ, hai vợ chồng lại vội chạy trở ra. Vừa trông thấy ông Ó cả hai vợ chồng đều trách :

- Ông báo hại vợ chồng tui để vợ chồng tui chạy muốn hụt hơi...

Khi ấy, ông Ó mới thủng thỉnh trả lời :

- Thì vợ chồng anh biểu tôi nói láo mà lại. Mà với vợ chồng nhà anh chị, không trông nom con cái bao giờ, bỏ hàng về thăm con chút xíu, cũng được chớ bộ?

11. HÀNG DỪA CỦA BÀ HUYỆN

Bà Huyện ở tận Cái Quao⁽¹⁾, nhưng có một sớ đất tại vùng này. Ranh đất là một hàng dừa thẳng tắp. Một hôm, thấy ông Ó đứng ngắm hàng dừa, mấy người qua đường bèn hỏi :

- Hàng dừa của ông đó à ?

Ông ó trả lời :

- Ủa mấy người không biết đây là hàng dừa của bà Huyện hay sao ? Mọi người lại khen hàng dừa trồng hồi nào mà ngay hàng thẳng lối quá. Ông Ó bèn kể :

⁽¹⁾ *Cái Quao*, nay thuộc huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Bến Tre.

"Hồi đó, chỗ đất này hoang vu, chỉ có một cây dừa thôi, ngoài kia là rừng, rất nhiều cọp. Hằng ngày cọp vẫn từ trong rừng ra ăn dừa rụng, ông nắm chặt đuôi con cọp, đá mạnh một cái. Con cọp đau quá, la éo éo, ỉa vọt ra những trái dừa thành một đường ngay tắp, rồi cong đuôi chạy. Nơi những trái dừa do cọp ỉa, mọc lên một hàng dừa mà các ông các bà thấy đó".

Nghe xong mọi người hỏi lại :

- Ủa, sao hồi nãy ông biểu hàng dừa này là của bà Huyện :

Ông Ó thủng thỉnh đáp :

- Ừ, bà Huyện một bữa bảo vùng đất này của quan ông trấn nhậm, nên dừa mọc trên đất đó là của bà ấy chớ sao !

Mọi người lại hỏi :

- Thế còn hàng dừa, hồi nãy ông kể cọp ỉa ra rồi nó mọc lên kia mà.

Ông Ó trả lời :

- Chớ sao, bà Huyện bả ăn huê lợi ở đất này, thì bả chiếm hàng dừa luôn chớ. Cút cọp ỉa ra, chớ cái gì đâu mà bả chê !

12. CÂU ỐNG

Một bữa nọ, ông Ó muốn ra Mỏ Càyl thăm người bà con. Đi bộ thì đường rất khó đi, chỉ còn đi theo Vàm Nước Trong. Ông ra mé sông coi chừng có ghe nào đi qua đặng quá giang. Ra đứng ngoài mé sông hồi lâu, chợt thấy có một chiếc ghe nhỏ đi ngang qua. Đó là ghe của một anh nhà giàu xóm dưới. Chủ ghe biết mặt ông Ó, mới hỏi rằng :

- Ông đứng làm gì, nói láo nghe chơi ông Ó ?

Ông Ó bèn nói một cách tỉnh khô rằng :

- Tôi đi câu ống từ sớm, hồi nãy có con cá gì lớn quá nó kéo tôi gần té xuống sông. Tôi sợ đứt nhợ câu, nên tôi quăng ống câu cho nó tha hồ kéo đến đâu thì đến... Tôi muốn kiếm xuống mà theo, ngặt trong xóm tôi không có ghe xuống chi hết, nên phải ngồi đây mà ngó. Phải chi chú em cho tôi quá giang tới vàm, coi nó ra tới đâu, may ra bắt được nó; tôi chia một nửa cho chú nhậu chơi !

Gã nhà giàu kia hỏi :

- Ông nói chơi hay nói thiệt ?

Ông Ó chỉ bụm gần mé sông và nói :

- Tui túm bụm cỡ còn đứt đó.

Gã nhà giàu quay mũi ghé sát bờ cho ông Ó xuống. Ngồi trên ghe, ông Ó làm bộ ngó tới ngó lui hoài, lúc tới vàm Mỏ Cày, vẫn không thấy gì hết, ông Ó chắt lưỡi mà nói rằng :

- Chắc nó trằm mình dưới bùn sâu mình vô ý không thấy. Vậy chú ghé vô bờ đặng tôi mượn chiếc xuồng nhỏ bơi trở lại coi có kiếm được nó chăng ?

Khi bước lên bờ, ông Ó quay lại nói với chủ ghe rằng :

- Chú biểu tôi nói láo, nên tôi nói láo cho chú nghe đó !

13. XỎ VỢ NHỎ ANH NHÀ GIÀU

Một bữa nọ, ông Ó đi chợ, đang đi có tiếng người gọi phía sau :

- Đi chợ hả ông Ó, chờ tui với !

Ông Ó đi chậm lại chờ, thì ra đó là vợ nhỏ của một anh nhà giàu ấp ngoài. Người đàn bà này vốn rất chiều chồng. Đi ngang qua ông Ó, bà ta nói :

- Nói láo nghe chơi ông Ó !

Ông Ó bảo :

- Ủa bữa nay em đi chợ hay sao ? Hèn chi, qua nghe nói người ta đang đóng trần giải chồng em ra đình mà.

Người đàn bà hoảng sợ, hỏi ông Ó : Có việc chi mà chồng chị ta bị giải ra đình.

Ông Ó đáp :

- Qua tưởng em biết rồi chớ. Té ra em chưa biết sao ?

Người đàn bà nhớ ra hồi hôm chồng mình xuống xóm Dừa chưa về, tin là ông Ó nói thiệt, liền chạy vội về đình. Nhưng tới nơi đình lặng ngắt không một bóng người. Thế là chị ta lại hấp tấp chạy ra chợ. Lúc này, chợ đã gần mãn. Gặp ông Ó ra về, người đàn bà liền lên tiếng trách ông Ó :

- Làm chi ông ác dữ vậy ? Báo hại tui chạy ra đình rồi chạy về chợ muốn đứt hơi.

Ông Ó trả lời thủng thỉnh :

- Qua thấy em nhàn nhã quá, e đâm hư hỏng. Vả lại, em biểu qua nói láo nghe chơi mà, nên qua để em chạy cho bớt nhàn nhã đó thôi. Thế là chị vợ nhỏ anh nhà giàu xách giỏ ra về mà không mua được chút gì !

14. CHÓ SĂN

Một hôm, ông Ó đi vào rừng, gặp mấy anh nhà giàu vác lưới đi săn heo rừng. Chả là bọn này rảnh rỗi, nên thường bày đặt ra những cuộc đi chơi, đi săn trong rừng. Ông Ó định hỏi thăm cho qua chuyện họ có săn được nhiều không, nhưng họ trả lời một cách hờ hững:

- Lẽ ra còn được nhiều nữa, nhưng rũi chó săn dở quá, nên heo chạy hết.

Ông Ó liền nói :

- Nhà tôi có giống chó săn giỏi lắm, trong xóm tôi, ai đi săn đều mượn chó nhà tôi, rồi họ cho thịt tôi ăn không hết. mấy tay nhà giàu hồi nào chưa biết ông Ó, nên tưởng thật mới hỏi :

- Vậy nhà ông có chó con không ?

Ông Ó trả lời :

- Con chó cái nhà tôi nó mới đẻ năm con, ba đực, hai cái.

Bọn này bèn hỏi :

- Vậy ông nhín cho chúng tôi một con chó cái có được không ?

Ông Ó đáp :

- Trước nay, chó nhà tôi đẻ lần nào, xung quanh họ cũng nài hết. Anh em theo tôi về nhà, muốn con nào, tôi để cho một con.

Họ theo ông Ó về nhà, đến nơi chỉ thấy một con chó ốm nhom, đầu chốc ghẻ và ba bốn con chó con nằm cạnh. Một người lên tiếng :

- Con chó này phải không ?

Ông Ó gật đầu.

- Chúng tôi coi tướng nó không phải tướng chó săn, mà là chó cỏ.

Ông Ó đáp lại :

- Các người thấy nó xấu tướng, các người nói vậy. Để tôi thuật chuyện bắt heo rừng của nó năm trước cho các người nghe, các người mê liền. Cũng lỗi tháng này năm ngoái, khi nó có bầu lứa trước gần ngày. Mấy người trong xóm rủ tôi đi săn, con chó của tôi cũng à ểnh đi theo. Vô rừng, mấy con chó kia chạy trước, gặp con heo rừng lớn nó đánh mấy con chó kia tét đầu, rách ruột. Con chó của tôi bị heo đánh tét đầu. Tôi thấy thế, nóng ruột vội kéo nó ra, hái nắm lá giác, nhai với voi ăn trâu, lấy dây choại bó lại cho nó. Một lát, chỗ đầu hết chảy máu. Mấy người kia rủ trở lại rừng kiểm, thấy mấy con chó bị heo rừng đánh chết. Con chó của tôi thấy người đi, nó cũng đứng lên đi theo. Chẳng ngờ con heo rừng khoẻ lại đứng dậy rượt đám thợ săn. Mọi người thất kinh, cầm mác thong, đỡ gạt nó mà chạy. Chạy một hồi xa, không thấy con heo rượt theo nữa,

họ quay lại thấy con heo đang quy một chỗ còn con chó của tôi thì cắn sủa âm ỉ. Mấy người đi săn thấy vậy, cầm mác thông đâm chết con heo. Lúc ấy mới hay rằng, khi lao rượt theo chúng tôi, con heo đã bị con chó cắn đứt nhượng⁽¹⁾ không chạy được. Đó, các người thấy con chó của tôi có phải là chó săn giỏi không ?

Bọn nhà giàu lại hỏi tiếp :

- Thế rồi sao nó lại ghẻ lở kỳ cục vậy ông Ó ?

Ông Ó trả lời thản nhiên :

- Sau kỳ đó, tự nhiên nó lười đi săn, chỉ ham vào rừng chơi bời, nên sanh ra ghẻ lở đó. Hình như kẻ nào lười nhác ham chơi bời cũng đều bị ghẻ lở như vậy phải không các anh ?

Bị ông Ó chửi mát, nhưng bọn nhà giàu không có cách gì nói lại được, đành ra về và cũng không mua con chó con nữa.

15. XỎ ANH NHÀ GIÀU

Có một anh con nhà giàu, tính hay chơi bời, khi thì theo ghe chài, lúc lại theo bạn săn bắn. Một hôm đi

⁽¹⁾ *Nhuộng* : gân chân của heo.

săn trong rừng gần nhà ông Ó, anh này thấy dấu heo rừng ủi bèn hỏi ông Ó :

- Ai làm gì đào hang lỗ cùng vậy ông ?
- Đó là heo rừng ủi chớ gì ! Ông Ó đáp.

Anh kia lại hỏi :

- Heo rừng cũng như heo mình, sao đất cứng như vậy mà nó ủi được, hở ông ?

Ông Ó đáp :

- Trời sinh ra nó có một cái nằm ở mõm cứng như sắt, để cho nó ủi đất kiếm ăn !

Anh nhà giàu nghe nói heo rừng, nhưng chưa hề thấy bao giờ, nên tưởng thật. Một lát, bọn thợ săn giết được một con heo. Hắn ta mừng lắm, bèn lấy con dao trong lưng ra xẻ mõm con heo để kiếm cái nằm cứng như sắt đó. tìm mãi không thấy gì hết, hắn mới hỏi lại ông Ó :

- Heo rừng có cái nằm cứng như sắt trước mõm, sao tôi kiếm hoài không thấy ?

Ông Ó trả lời :

- Người ta thường nói nhà giàu mõm có gang có thép, nhưng chết thì hết. Cái nằm của heo rừng cũng thế, trời cho lúc còn sống, nay nó chết thì cũng hết, còn đâu mà hỏi !...

16. NÓI LÁO CÓ SÁCH

Thuở ấy có quan huyện Cái Quao tính ham chuyện lạ, nghe người ta nói ông Ó nói láo hay, nên cho đòi đến xem tài ông Ó. Khi đến gặp quan huyện, ông Ó trả lời :

- Bẩm quan tôi nói láo có sách chứ không phải đặt ra mà nói láo được ! Quan muốn tin thì xin quan cho phép tôi về lấy sách đem lại nói cho quan nghe.

Quan huyện tưởng thật, cho ông ta về lấy sách. Mãi lâu không thấy trở lại, bèn cho người đến đòi ông Ó đến dinh và quở. Ông Ó ung dung trả lời :

- Bẩm quan nói láo là như vậy đó ! Xin quan xét lại xem có đúng không ?

Quan biết mình mắc hợm, đành làm thỉnh cho ông Ó về.

17. TÔI LÀ DÂN MẦN ĂN MÀ

Sau lần mắc mưu ông Ó, quan huyện Cái Quao⁽¹⁾ cho đòi ông Ó lên để phạt tội vì đã nói gạt quan. Vừa

⁽¹⁾ *Cái Quao* : nay thuộc huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Bến Tre.

thấy ông Ó bước vô công đường, quan đã đập bàn quát lớn :

- Lính đâu, trói ông già này lại cho ta, và đánh ông ta mấy chục roi vì tội nói gạt quan trên nghe chưa.

Ông Ó nói như phân trần :

- Tôi biết tôi có tội với quan, nhưng quan biểu tôi nói láo, tôi mới nói chớ bộ. Tự dưng nào đâu tôi dám gạt quan. Thiệt khổ, nhà tôi đơn chiếc, công chuyện rề rề. Dám mong quan lớn đèn trời soi xét cho tôi.

Nghe vậy quan biểu :

- Ông chỉ biết nói láo chứ biết mần việc chi ?

Thấy quan đã dịu giọng, ông Ó nói nhe nhàng :

- Trời đất ơi, tôi là dân mần ăn thiệt mà, sáng nay quan đói sớm quá, phải chi tôi đã bắt được con cua đình rồi. Hồi sớm, đi ngang qua chỗ đặng của tôi, tôi thấy con cua đình đang đập dềnh, lúc nổi lúc chìm, nhưng không vô đó được, vì nó lớn quá. nhưng tôi không dám lội xuống để bắt, sợ lên hầu quan trẻ, quan bắt tội.

Nghe nói của đình, quan huyện mừng thầm : "Ta phải biểu ông già này bắt được cua đình, mang lại chỗ ta để nhậu. Nghe mấy ông thầy thuốc biểu của đình quý lắm", rồi làm ra vẻ rộng lượng :

- Thương ông là dân mần ăn, ta không nỡ bắt tội, nhưng chiều nay, ông nhớ đem cho ta con cua đình nghe.

Vàng dạ một lát, ông Ó ra về. Quan huyện chờ hết ngày hôm đó lại đến ngày hôm sau, sau nữa, mà không thấy bóng ông Ó. Quan giật mình : "Thôi thế là mình lại mắc mưu ông già xóm Dừa lần nữa rồi". Nhưng quan huyện không dám đòi ông Ó lên lần nữa, vì sợ bị gạt tiếp thì mắc cỡ lắm.

18. BÁN SÁCH NÓI LÁO

Chánh tổng Minh Đạt hay sách nhiều dân, lại có tánh hơi tò mò, ông Ó định bụng lúc nào sẽ làm cho y bẽ mặt một bữa. Một hôm, ông Ó quảy tòn teng hai bọc vải đỏ đi ngang qua chợ. Gần chợ là ngôi đình, nơi chánh tổng vẫn hay ngồi mần việc. Bữa nay, viên chánh tổng đang ngồi bắt chân chữ ngũ, sau khi đã rít một hơi thuốc lào, chợt thấy người quảy hai bọc vải đỏ, nhìn kỹ biết là ông Ó, bèn cho người gọi vô :

- Ông đi đâu đó ?

- Dạ con đi chợ.

Ông Ó cung kính đáp, vẫn quảy gánh trên vai. Thấy lạ, viên chánh tổng bèn hỏi :

- Ta nghe nói người vẫn tự khoe mình nói lão có sách phải không ?

Ông nói như phân trần :

- Dạ, thầy con ngày xưa có để lại cho con bộ sách nói láo thiệt. Nhưng dạo này nhà ngặt quá, bữa nay con tính đem bán đặng kiếm ít tiền về nuôi sắp nhỏ. con đi từ hồi sáng tới giờ, mà chưa có ai mua giùm !

Chánh tổng hí hửng :

- Người bán lại cho ta ?
- Nhưng sách của con mắc lắm !
- Bao nhiêu mà người bảo mắc ?

Ông Ó trả lời :

- Sách này quý lắm, thầy con dặn rằng nếu lỡ phải đem bán, không được để cho người mua giở ra coi ngay trước mặt mình. Chánh tổng là người lớn nhất tổng Minh Đạt này, con xin bán chỉ hai quan thôi. viên chánh tổng làm ra vẻ dễ dãi :

- Ưa ta đồng ý mua, và ta trả người trước một quan, còn mai lại ta trả nốt.

Ông Ó cầm tiền ra về. Đi được một đoạn, ông chạy rất lẹ về nhà. Viên chánh tổng giở từng lần vải đỏ, vừa hết mảnh cuối cùng, một đàn ông vò vè bay ra tán loạn, xúm vào đốt chánh tổng và những hương chức trong đình. Cả bọn ôm đầu chạy và kêu : "Đã biết là ông Ó nói láo mà lại còn đòi mua sách của ông!"

19. ÔNG Ó Ở HUẾ

Có nhiều quan lớn ở Huế vào trấn nhậm Nam Kỳ, nghe tài ông Ó ứng đối giỏi, khi về kinh, hay đem chuyện ông Ó ra khen là người nói láo hay nhất Nam Kỳ. Có một ông Đông cung tính hay ham vui nghe nói thể trong lòng ao ước nghe ông Ó nói láo chơi. Có nhiều quan muốn làm đẹp lòng Đông cung nên khi có anh em đi trấn nhậm Nam Kỳ đòi gửi ông Ó ra. thuận có lúc ghe bầu tải lương về kinh, họ gửi ông Ó ra Huế. Ngày kia, có người dắt ông Ó ra mắt Đông cung nhằm lúc Đông cung đương cưỡi voi đi săn bắn với các quan. Gặp ông Ó ngoài đường, Đông cung tỏ vẻ rất mừng, hỏi :

- Bấy lâu ta nghe người nói láo hay, vậy hãy nói ta nghe thử. Đông cung vừa dứt lời, ông Ó liền thưa :

- Nếu Đức ông muốn nghe cái chi thì xin ngời ý, tôi mới nói được.

Đông cung ngẫm nghĩ một hồi rồi nói :

- Thôi tùy ý nhà người, muốn nói cái chi làm cho ta mắc lừa thì nói.

Ông Ó nghĩ thầm : "Sao lại có người nhàn hạ rong chơi suốt ngày và thích những chuyện phiếm như thế được ! Đã vậy ta gạt cho mà xem"

Ông Ó bèn thưa :

- Tôi nói gạt thì thế nào Đức ông cũng phải mắc móp, song Đức ông đang ở giữa lưng chừng, đầu không tới trời, chân không đụng đất thì không gạt được!

Đồng cung muốn thấy tài ông Ó nói láo ra sao, lật đật tụt xuống đứng dưới đất ngang với ông Ó, rồi nói :

- Bây giờ ngươi hãy nói đi !

Ông Ó lễ phép thưa :

- Đức ông bảo tôi nói láo, nên tôi mới nói láo gạt cho Đức ông tụt xuống. Dạ nói láo là như vậy đó !

Đồng cung nghe nói đành chịu, không bẻ ông Ó vô lễ với mình được, nhưng trong bụng nghĩ sẽ tìm cách trị tội sau.

20. MƯƠI CẦU PHÚC LỢI

Những ngày lưu lại kinh đô Huế, ông Ó đi dạo chơi khắp nơi. Một câu lính hầu của các quan thấy ông thì hỏi :

- Ông ở xứ Đồng Nai ra đây có việc chi, hay là đi nói pha trò cho các quan nghe ?

Ông Ó trả lời :

- Tôi là thầy địa lý có danh trong Đồng Nai, các quan lớn ngoài này, người nào trấn Đồng Nai đều biết tui. Đức ông nghe danh nên đòi tôi ra đây đặt chỉ vài cái bí nhiệm cho ngài học. Ngài ham học địa lý lắm, chẳng biết để làm gì, vì huyết của nhà ngài phát to nhất rồi còn gì !

Mấy thầy đội, thầy cai nghe nói thế, bèn rước ông về nhà. Với ai ông cũng hẹn sẽ tới. Cho đến ngày ra về, họ theo đón đường xin coi giùm huyết cho, kẻ thì xin coi cho ông bà, kẻ thì xin coi cho cha mẹ. Lúc đó ông Ó mới nói :

- Đức ông, ngài rước tôi ra đây đặt nói láo cho ngài nghe để mua vui, chứ có phải địa lý địa liếc gì đâu. Nếu không, tôi việc gì phải đi nói láo cho Đông cung và các cậu nghe làm gì !

21. QUAN HƯU TRÍ MẮC LỪA

Có một viên quan hay ăn của đút lót, nay già về ở Huế. Trong nhà, vợ con làm nghề dệt lụa. Bữa nọ đang khi đi dạo chợ, ông tình tình gặp ông Ó đi chợ, bèn kêu lại mà rằng :

- Ông có phải là người xứ Đồng Nai không ?

Ông Ó quay lại, thấy một người hao hao giống như viên quan mà ông đã nghe danh từ lúc chưa ra Huế, liền chào và nói :

- Dạ phải !

- Ông có phải là ông Ó không ? Viên quan lại hỏi.

- Dạ phải. Ông Ó đáp.

Nghe vậy, viên quan già liền tỏ vẻ giễu cợt :

- Ở trong hống còn việc gì, nên ông ra ngoài này nói láo sao, hay ông ra ngoài này có công chuyện chi?

Ông Ó nghĩ bụng phải cho viên quan này một trận mới được, nên trả lời rằng :

- Không phải. Năm rồi, trong Đồng Nai, dâu tầm khá lắm, vợ tôi ở nhà trúng mùa tầm hết biết. Nó kéo được ít yến tơ mà bán không được. Như có một người lái ghe bầu ở cửa Hàn vô ra buôn bán quen với tôi. Người ấy rủ tôi ra đây chơi, trước là cho biết xứ sở người, sau là bán tơ luôn thể, mà hôm nay bán vẫn chưa được. Nay có người đi chợ, nên tôi đi theo vào đây chơi.

Ông quan ấy tuy đã nghe danh ông Ó nổi tiếng nói láo, xong thấy ông có vẻ nói thiệt, bèn bảo :

- Thiệt vậy thì tôi cho thằng nhỏ này theo ông đặng nó dắt ông đem tơ lại nhà cho vợ con tôi mua.

Ông Ó bằng lòng. Viên quan khắp khởi mừng thầm : "tự nhiên mình lại kiếm được mối hàng, phen này phải ép giá để mua rẻ mới được". Ông Ó đi với gia

thần Viên quan một quãng đường dài, rồi day mặt lại mà rằng :

- Thôi chú trở về và bấm với ông rằng ông đã biết ông Ó nói láo đó, chớ có chút tơ nào bán đâu !

22. LỜI DẶN CỦA THẦY TÔI

Đông cung hay bày đặt những trò chơi để tiêu khiển thì giờ, nên một bữa bắt ông ó cùng đi ngoạn cảnh với mình. Đông cung chỉ ra ngoài xa, hỏi ông Ó rằng :

- Nhà người coi nhưn vật xứ này với xứ người làm ăn có khác nhau không ?

Ông Ó trả lời :

- Tôi coi dân xứ này ít làm lắm, dân trong xứ tôi không phải vậy.

Đông cung lại hỏi :

- Sao mà gọi ít làm ?

Ông Ó lại đáp :

- Dân trong tôi cày cuốc cả năm, không cho đất ở không chỗ nào. Còn ngoài này, bởi họ ít làm, nên để đất chai hóa đá, lâu năm nó sanh sản thành núi. Bởi vậy xứ này núi nhiều, ruộng ít, còn ở trống, nếu có núi họ đào ít năm cũng sập !

Đông cung cười ngất, rồi bảo :

- Người nói láo giỏi vậy là do ai dạy, hay người tự bày đặt ra mà nói.

Ông Ó trả lời một cách cung kính :

- Dạ, thưa dẫu là chuyện nhỏ mọn cũng phải có thầy. Thầy tôi dạy thường thường có tới năm bảy mươi học trò. Cách nay mười năm, vua bên Tàu cho rước thầy tôi qua Bắc Kinh nói láo cho vua Tàu nghe. Khi thầy tôi về, vua tàu có ban cho thầy tôi một trăm lạng vàng, lại có tàu đưa về. Rủi là đi dọc đường bị ăn cướp. Tàu ô giết thầy tôi lấy hết của. Sau, vua Tàu hay tin có gửi thư qua thăm hỏi vợ thầy tôi và phong cho là Tổ sư nói láo.

Đông cung lại hỏi :

- Vậy chớ, khi còn học thầy người, điều gì thầy người dạy người kỹ nhất.

- Dạ có, nhưng tôi không dám nói, ẹ Đông cung giận.

Làm ra vẻ độ lượng, Đông cung bảo :

- Người nói, có gì, ta tha lỗi cho.

Ông Ó chậm rãi đáp :

- Nói láo thì chỉ nói láo cho người ham làm nghe cho vui, chớ kẻ ham chơi mà đòi nghe nói láo, thì chửi cha nó lên.

Rất giận ông Ó, nhưng đã hứa rồi, nên Đông cung không làm chi được.

23. NÓI LÁO QUAN LỚN

Một hôm Đông cung đãi yến, các quan đòi ông Ó tới nói láo cho các quan nghe. Lúc đó ai cũng muốn bảo ông Ó nói láo nghe chơi. Ông làm thinh một hồi, không nói gì hết. Các quan hỏi vì cớ gì mà không trả lời, lại coi bộ buồn rầu như vậy? Ông Ó liền thưa:

- Khi tôi nghe Đông cung đòi thì tôi lật đật chạy, không rõ đạp nhằm con gì, nó cắn tôi một cái, bây giờ chỗ ấy nhức nhối hết sức, tôi thấy trong người đê mê không nói lên được.

Các quan tưởng thật, xúm lại hỏi căn chỗ nào? Người thì sai đi gọi thầy thuốc, người sai đi lấy thuốc, tỏ vẻ ân cần với ông Ó để ông mua vui cho. Các quan lớn sung sướng quá dễ sinh buồn, vì chẳng có việc gì làm... Một hồi lâu thầy thuốc tới. Khi đó, ông Ó mới nói với các quan:

- Ấy, tôi nói láo cho các quan nghe chơi chứ không có chi hết, vì các quan muốn tôi nói láo để mua vui mà lại!

24. KHOAI NGỰ

Ông Ó ở lại Huế ít lâu. Dù ghét ông, nhưng Đông cung vẫn phải cấp ông một số tiền để ông về quê. Ông tính chờ ghe bầu trở vô thì lâu, nên hỏi thăm đường sứ trở về. Khi đi, thấy một thứ khoai lạ, ông bèn nghĩ ra một kế đặng kiếm ăn đường về. Ông cắt một mớ dây lang ấy, gói lại kỹ càng, mỗi khi đi tới một xóm nào, thì ghé vô xin nước tưới dây lang. Đến một xóm nọ, có ngôi nhà lớn day mặt ra lộ, ông Ó đoán là nhà này ắt khá giả liền vào xin nước tưới nắm dây lang. Chủ nhà thấy có một ông già xin nước tưới, thì hỏi dây gì mà ông gói kỹ càng vậy. Ông Ó liền thưa :

- Đó là dây khoai ngự.

Người chủ nhà hỏi :

- Sao lại kêu là khoai ngự ?

Ông Ó liền trả lời :

- Thứ khoai này trồng trong vườn nhà vua. Tôi có một người anh em giữ vườn cho vua, nên lén đem cho tôi ít sợi dây đây làm giống. Khoai này khác hơn khoai ta. Trồng nó phải có giàn như giàn bầu, củ nó thòng xuống như trái bầu, vậy mà ăn củ suốt cả năm.

Chủ nhà nghe nói kỹ càng như vậy, thì tin thiệt, nên năn nỉ với ông mua bằng được một ít làm giống. Ông Ó trả lời :

- Đây là thứ khoai quí, mà tôi đã mất công mang từ Huế vô đây, tôi không nỡ bán. Bây giờ ông năn nỉ, tôi bán nhưng mắc lắm đó, ông có mua được không ?

Chủ nhà bằng lòng, mua mỗi dây một quan tiền, y mua hết nửa bó dây ấy. Thấy vậy, mấy nhà chung quanh cũng theo nhau năn nỉ mua nốt. Ông Ó bán gần hết chỗ dây lang ấy, chỉ còn lại một vài dây, mà ông nói để mang về đồng Nai làm giống, nên không bán hết cho họ. Đi ra khỏi làng, ông vút luôn. Thế là với bó dây lang, ông Ó đủ tiền ăn về tới quê nhà.

25. NẤU RƯỢU BẰNG KHOAI

Thường khoảng tháng 6, 7 người ta đào khoai, lấy đất cấy lúa. Có một bữa, ông Ó đi thăm người bà con ở xa. Trời gần tối mà đường về còn xa, ông Ó tính vô xóm ngủ nhờ một đêm, rồi sáng mai mới về. Đến một nhà nọ, ông Ó thấy các tá điền đang xúm xít nhặt khoai, còn trên bộ ván ngựa bằng gỗ giữa nhà, hai vợ chồng nhà đó sắp ăn cơm. Thì ra, đây là một địa chủ có hạng trong vùng. Sau khi xin ngủ nhờ, ông Ó lại gần những người tá điền đang nhặt khoai, hỏi xin mấy củ khoai thúí và khoai sùng, rồi lấy khăn gói lại. Chủ nhà đang ngồi trên bộ ván gỗ bèn hỏi :

- Ông xin mấy củ khoai sùng ấy gói lại làm chi ?

Ông Ó liền trả lời :

- Đem về đặt rượu

- Làm sao với khoai thúi, khoai sùng mà đặt được rượu ? Chủ nhà hỏi :

- Tôi đã học được ở một người ba Tàu cách làm rượu Sử quốc công.

Nguyên thời ấy, những người ba Tàu thường đem qua bán một thứ rượu đựng trong ve chai nước đen sẫm, kêu là "gia bì". Rượu Sử quốc công mùi nó như khoai sùng. Ông Ó lại kể tiếp :

- Lấy khoai sùng đâm cho nát rồi nhồi thành một cục để một đêm, gia vô năm vị thuốc bắc, lấy lá chuối gói lại làm như làm cơm rượu vậy, ba đêm ba ngày, mở lá ra, bỏ vào khạp đậy nắp cho chặt, lấy hồ dán cho kín để đủ mười lăm ngày thì các xác khoai lặn xuống hết. Múc nước lấy ra chai, uống ngon hết sức. muốn uống cho ngọt, mỗi khạp thêm bốn lượng đường phèn.

Chủ nhà nghe vậy, nhắm tính mình có cả chục công khoai, khoai thúi, khoai sùng biết bao nhiêu mà kể, đem đặt rượu chắc trúng lắm, bèn mời ông Ó lên bộ ván ngồi uống rượu và ăn cơm với mình. Cơm nước xong, ông Ó cùng với tá điền lựa khoai, lấy cối đâm một cục rồi nhồi để đó. sáng hôm sau ông Ó nói đi chợ mua các vị thuốc, rồi đi luôn. Chủ nhà trông mãi không thấy ông Ó trở lại, không biết vì sao.

26. CHUYỆN LẠ Ở HUẾ

Ông Ó về tới nhà, anh em bà con mừng rỡ tới thăm hỏi :

- Ông ra Huế, có thấy cái chi lạ không ?

Ông Ó nói :

- Thiếu chi cái lạ ! Tôi thấy một khẩu súng để trước điện vua lớn hết sức chỗ nói. Hôm ấy, có người lính đưa tôi đi chơi. Thấy súng lớn, tôi trầm trồ, người lính bắc thang dẫn tôi leo lên trên cái súng coi chơi. Thành tình trời đổ mưa. Chạy đi đâu cũng không kịp, người lính liền dắt tôi chạy theo lối ngòi vào trong nòng súng mà tránh mưa, cho đến khi tạnh mới về. Các người nghĩ coi súng lớn dường nào.

Mọi người lại hỏi :

- Thế súng lớn như vậy dùng để bắn giặc cướp, hay để bắn cái chi ?

Ông Ó đáp :

- Ý chừng bày ra đó để khi Đức vua và các quan đi xem chơi, lúc có mưa thì nấp, như tôi nói vừa rồi cũng nên.

Họ lại tò mò hỏi vua ăn mặc như thế nào ? Ông Ó nói :

- Áo đại bào của vua giống như đồ hát bội, có đều bằng vàng thiet, còn cái mũ của vua thì nhiều tiền lắm.

Họ lại hỏi :

- Mũ làm bằng gì mà nhiều tiền ?

- Làm hết hai mươi cân vàng, ông Ó đáp.

- Cha chả, hai mươi cân vàng thì vua đội sao nổi?

Ông Ó nói :

- Vậy các người không nghe hễ làm vua thì có quan phụ trách, viên quan ấy theo một bên, đỡ mũ cho vua.

TRUYỆN ÔNG ME

Ông Me là người xã Châu Bình, huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre, là con thứ ba của một gia đình nông dân ít học, sống bằng nghề làm ruộng và bẫy chim, chài lưới, ông Ba Me có tài biến báo, nói dóc (nói láo, nói phét, nói trợn) có tiếng trong vùng. Cho nên, ở Châu Bình, người dân có câu : "*Nói láo như cháu ông Me*". Ông Me mất đã lâu, nhưng những chuyện kể về tài nói dóc và con người lạc quan, vui tính của ông vẫn thường được nhiều người nhắc nhở.

Dưới đây là một số chuyện của ông Me.

1. GÀ MÁI ĐÁ CHẾT ĐIỀU HẬU

Ông Me có con gà mái nở, mà hễ gặp ai đến chơi, đều được nghe ông hết lời ca ngợi :

- Con gà mái ấy khôn lắm ! Nó ấp trứng nở được một bầy gà hơn chục con. Gà mẹ thường dẫn bầy con đi ăn ở mọi nơi. sáng hôm ấy, gà mẹ vừa dẫn bầy con ra ngoài vườn, thì bỗng một con điều hậu từ trên trời nhào xuống cắp một con của nó rồi bay đi. Gà mẹ liền đuổi theo bóng

con diều đến giồng Ông Khuông⁽¹⁾. Con diều nghĩ rằng đến đó là an toàn, bèn đậu xuống để chén con mồi, nên chẳng nhìn phía sau. Không dè con gà mẹ đuổi tới nơi, nhào vô đá con diều một cái, con diều bật kêu té hẹ một tiếng, rồi gục xuống chết. Sau đó, gà mẹ liền trở về Châu Bình để đón đàn gà con.

2. ĐÚT ĐẦU RỒI MÀ VẪN CÒN GÁY

Thường những lúc hết vụ mùa, rảnh rỗi, ông Me xách lồng cu mồi đến các vườn cây bẫy chim. Ông Me kể rằng :

“Lần ấy, ông treo lồng chim mồi xong, đi tìm một gốc cây gần đó ngồi nghỉ. Hút chưa tàn diều thuốc, một con chim cu nghe tiếng gáy của con chim mồi trong lồng, từ xa bay đến. Nó vừa đáp xuống, thì cửa lồng phía trước bật ra, đập mạnh xuống làm đứt đầu con chim. Thế là chỉ còn đoạn mình và đôi cánh ở bên ngoài rập, con cu mồi tiếp tục bay đi một đoạn rồi rơi xuống vất vẻo trên một cành tre.

Tôi vội chạy lại, lấy câu liêm dỡ lồng chim xuống, lấy cái đầu chim đang còn nhỏ máu, đem ráp với thân

(1) Giồng Ông Khuông, nay thuộc xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm.

chim vừa nhặt được. Lạ thay, tôi nghe nó kêu lên ba tiếng 'cúc cu cu" rồi sau đó mới chết hẳn.

Nghe đến đó, có người bảo :

- Chắc là con chim bị chết oan trách con chim mới của ông đấy.

Ông Me cười khà khà, đáp :

- Ủ, cũng có thể...

3. CON CÁ NGÁT BỤ CHẰNG⁽¹⁾

Bữa ấy, ông Me ngồi nói dóc với đám thanh niên nam nữ đang ngồi chờ đò ngang qua một con rạch rộng.

- Cái rạch này mà có nhiều cá bự lắm đấy. Hôm tao đi đặt lọp rồi trở về nhà, cũng quên đi. Chả là có mấy người bạn rủ đi lai rai chút đỉnh. Nửa đêm tỉnh rượu, tao lội ra chỗ đặt lọp để coi thử. Trời ơi, ra tới nơi tao thấy một con cá ngát bự chằng nằm trong lọp...

Mọi người sốt ruột :

⁽¹⁾ Cá ngát : Loại cá sông, thích ở hang, mình da láng như cá chình, cá nheo, thịt chắc và ngon. Bụ chằng : Tiếng địa phương là : rất to. (Sông Bến Tre nhiều hang cá ngát, Đường Ba Vát gió mát tận xương – Ca dao Bến Tre).

- Bự chẳng cỡ nào ?

Ông thùng thẳng đáp :

- Con cá lớn hết biết. Cái đầu nó lớn cỡ cái mâm thau, cái đuôi thò dài ra ngoài lọp cỡ một sải tay.

- Làm chi có con cá lớn cỡ đó ông ?

- Có chớ !

Nhưng chợt nhớ ra sự vô lý của mình, ông bèn nói:

- Ờ, tao phải đươn lại cái lọp, vì cái lọp cũ hom nhỏ quá, con cá cỡ chừng đó chun vô không lọt !

4. ÔNG CẢ THUA CUỘC ÔNG ME

Nghe người ta đồn đại nhiều về tài nói dóc của ông Me, một bữa nọ ông hương cả trong làng tìm đến nhà ông Me, bảo ông nói dóc nghe chơi. Nếu nói dóc để ông tin được và lừa được ông, thì ông sẽ thưởng cho gĩa lúa. Ông Me trả lời :

- Thưa ông quả con có nói dóc thiệt, nhưng bữa nay con bận đi đặng cá, xin ông để cho bữa khác.

Nghe vậy, ông Cả liền nói :

- Bữa nay mà đi đặng cá, có được khá để cho tao nhen !

Ông Me vâng dạ, ông cả ra về. Đến gần tối, ông Cả bèn cho người đến nhà ông Me lấy cá. Tối nhà, vẫn thấy ông Me trùm chăn nằm ngủ, người ở trở về thưa với ông cả. Ông Cả lật đật chạy đến, ông Me cười nói :

- Đó con gạt được ông cả rồi đó.

Ông Cả té ngựa người ra, biết mình bị mắc lừa, đành trở về nhà sai người nhà đem đến ông Me gia lúa như đã hứa !

TRUYỆN BỘ NINH

Bộ Ninh tên thật là Phạm Hữu Ninh, người ở Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho (nay thuộc tỉnh Tiền Giang). Trước có thời ông giữ chức hương bộ, nên nhân dân thường gọi ông là Bộ Ninh.

Bộ Ninh có tài nói dóc, những chuyện nói dóc của ông được truyền tụng rộng rãi ở Cai Lậy và ở nhiều vùng khác. Có câu ca rằng : "*Bộ Ninh nói dóc dễ nghe; Tham Cơ nói dóc, chổi tre lên đầu*".

Dưới đây là một số mẩu chuyện của Bộ Ninh.

1. THEO KIỂU CHỮ QUAN

Ông Bộ Ninh cho xây cái cầu tiêu có hai lỗ, nhưng không có vách ngăn ở giữa. làm xong, ông mời các hương chức trong làng đến ăn mừng. Bữa tiệc tổ chức khá thịnh soạn. Xong, vị hương cả mới bảo Bộ Ninh :

- Hôm nay chú mày mời bọn tao đến dự tiệc này là tiệc gì vậy ?

Bộ Ninh lễ mễ đáp :

- Có gì đâu, thưa tui mới làm xong cái cầu tiêu, nên mời các ông đến ăn mừng, nhậu nhẹt một bữa cho đã.

Hương Cả tức đỏ mặt, nhưng ráng nén và biểu Bộ Ninh dẫn ra coi cái cầu tiêu. Thấy cầu tiêu xây kiểu lạ quá, có hai lỗ mà không có vách ngăn giữa, ông mới hỏi :

- Chớ cái cầu tiêu này xây kiểu chi mà lạ vậy ?
- Thưa, đây là làm theo chữ “quan” đó ạ !

2. CHE MIẾNG THỂ GIAN

Một buổi sáng đẹp trời ngày chủ nhật, Bộ Ninh từ nhà cưỡi ngựa đến thăm chủ quận Cai Lậy. Ngựa Bộ Ninh cưỡi là một con ngựa cái rất đẹp mã. Khi gần đến nơi, Bộ Ninh móc túi, lấy miếng vải đỏ bịt tròn ngựa lại, rồi ung dung cưỡi ngựa vào dinh quận.

Chủ quận ra tiếp khách, thấy miếng vải đỏ phát phơ ở phía dưới đuôi ngựa, mới hỏi Bộ Ninh :

- Chớ ông làm cái chi ở phía sau đuôi ngựa lạ vậy?

Bộ Ninh thưa :

- Thưa, có cái chi mà lạ. Đã đi ngựa thì cũng cố gắng sắm con ngựa coi được một tí. Nhưng rồi, đi đến đâu người ta cũng hay trăm trổ khen con ngựa đẹp, làm mình cũng đâm ngại. Cho nên tôi lấy miếng vải che bớt, cũng là để "che miệng thế gian" đấy !

Chủ quận biết là Bộ Ninh nói xỏ, nhưng làm thinh không nói gì.

3. ĐỀU LÀ CHÓ CẢ

Lần ấy, Bộ Ninh biết là các vị chức sắc ở làng đang họp tại đình. Ông sai người nhà làm thịt chó và bảo chỉ làm hai món : món xào lăn và xào lòng.

Đến gần trưa, ông cho người ra đình mời các vị hương chức trong làng về nhà ông nhậu chơi. Được bữa nhậu, các vị hương chức kéo nhau đến rất đông.. Theo thứ bậc, Bộ Ninh xếp họ ngồi vào mâm từ gian giữa ra đến ngoài hàng ba.

Bộ Ninh thì thỉnh thoảng đốc thúc người nhà :

- Cho món xào lăn ra !

- Cho món xào lòng ra !

Cứ hết món này ông lại gọi món kia, "hết xào lăn, lại xào lòng". Thấy thế, bọn hương chức mới hỏi :

Khi rượu vào đã ngà ngà say, một hương chức nghe mãi cái điệp khúc "xào lẩn, xào lòng" bực mình, mới buông ra một câu :

- Bữa nay ông đãi khách mà sao chỉ có hai món ?

Bộ Ninh giả bộ lễ phép đáp :

- Dạ thịt chó cả đấy. Từ trên xuống dưới quanh đi quẩn lại cũng đều là chó hết...

Mọi người biết Bộ Ninh chửi kháy, nhưng đành ngậm miệng rồi chuồn thẳng.

4. BỊ GIAM, VẪN CÒN NÓI DÓC

Một lần, do chuyện tiền bạc lỗi thời, Bộ Ninh bị các chức sắc làng Hòa Sơn bắt giam ông mấy ngày. Buổi chiều, trời nóng bức, ông yêu cầu bọn quân canh dẫn ông ra bờ sông tắm. Gặp tên lái buôn đường, đang đậu ghe nơi bến, Bộ Ninh bảo :

- Tôi bị kẹt ở đây không thì đã mua hết ghe đường này cho cháu để ở nhà dùng dần.

Anh lái buôn nghe vậy, nghĩa chắc ông này thuộc loại khá giả, bèn hỏi :

- Nhà ông ở đâu ?

- Ở Cai Lậy. Chú cứ đến bến chợ, hỏi cai tổng Ninh ở rạch Nàng Giòng, ai cũng biết.

Anh lái buôn hý hửng chèo ghe đường đến rạch Nàng Giòng hỏi cai tổng Ninh, nhưng chẳng ai biết cả. Đến khi tình cờ hẵn gặp bà Bộ Ninh, bà biết chồng hỏi gạt, liền đáp :

- Ở đây không có ông tổng Ninh mà chỉ có ông quận Ninh. Nhưng ông nhà tôi mới đi lên. Xã trên có công chuyện, đến mai mới về.

**TRUYỆN
BA PHI**

MẤY NÉT VỀ BA PHI

Truyện kể Ba Phi là một hiện tượng văn học truyền khẩu rất độc đáo trên mảnh đất cuối trời phương nam Tổ quốc. Sự xuất hiện của truyện kể Ba Phi vào khoảng giữa thế kỷ này là một bổ sung hoàn chỉnh diện mạo văn học dân gian của cả nước theo dòng chảy bắc - nam, đồng thời cũng có thể coi đó như một dấu chấm kết thúc của một giai đoạn văn chương truyền khẩu với những nét đặc thù sẽ không bao giờ gặp lại.

Xét riêng ở loại hình truyện trạng, có thể nói rằng đến những truyện vui Ba Phi, thì hệ thống truyện trạng mang thêm những nét mới cả về nội dung cũng như hình thức⁽¹⁾. Ba Phi đã phả vào trong những mẩu chuyện chất trẻ trung ngôn ngôn, tươi rói của cuộc sống nơi vùng đất mới cùng hình ảnh con người với những dáng nét riêng tràn đầy sinh lực mà dấu ấn của một thời khai phá vẫn chưa phai mờ trong tính cách. Người nghe, và sau này là người đọc (khi những chuyện kể đã được ghi lại thành văn) vừa cảm thấy lạ lùng mà gần gũi. Gần gũi, vì đều là những chuyện gần bó với đời sống thực, chuyện làm ăn sản xuất,

⁽¹⁾ Về việc xếp chuyện kể Ba Phi vào loại hình nào; có nên xếp vào loại truyện Trạng không, còn có nhiều ý kiến khác nhau, xin có dịp sẽ được góp phần trao đổi.

chặt cây, đốn củi, cấy lúa, trồng khoai, cắm câu, quăng chài, bắt cá, săn thú và cả chuyện đánh giặc, nhưng lạ lùng ở chỗ thiên nhiên và những sản vật, mà nó ban cho con người ở nơi đây không chỉ phong phú về chủng loại, mà cái gì cũng bự, cũng nhiều không kể xiết. Cá kèo lội lênh mặt nước như bánh canh, thò tay vớt lên mỗi lần được đến chục con, cá lóc cũng bơi đặc nước, đớp bọt như cơm sôi, con nào con nấy to đến cỡ dừa khô mà rụng xuống bao nhiêu chúng đều nuốt sạch bấy nhiêu. Sân chim thì có đến hàng vạn con, đủ các loại từ cò, diệc, chàng bè, quốc, gà nước, gà dầy... và khi chúng kêu lên vào buổi sáng giống như một "chầu hát bội". Trên mặt đất thì nào nai, cọp, rắn, rùa, cần đước, khỉ, cá sấu, heo rừng... mà hằng ngày con người đều có thể gặp chúng. Ong mật U Minh có hàng vạn ổ treo lủng lẳng như những cái nia trong rừng tràm. Càng kỳ lạ hơn, chuyện rắn hổ mây tát cạn nước bắt cá ở giữa rừng, ếch to đến mức nuốt cả con vịt mái bầu, cái xương đầu cá trê lật úp lại nuốt cả bấy heo con trong ấy...

Hầu hết chuyện kể Ba Phi đều nằm gọn trong không gian vùng U minh, mà người kể đồng thời là nhân vật chính, một người nông dân gắn bó gắn trọn cuộc đời với mảnh đất này. Người nông dân ấy chính là Ba Phi. Chuyện kể Ba Phi manh nha từ trước Cách mạng tháng 8 năm 1945 rồi phát triển mạnh trong thời kháng chiến chống Pháp, bắt đầu từ xã Khánh Bình (quê ông) thuộc huyện Sông Đốc, tỉnh Cà Mau. Vì là chuyện vui hấp dẫn, lại ra đời đúng vào lúc nhu cầu đời sống tinh thần của bộ đội, cán bộ ở một chiến trường gian khổ đang cần tiếng cười lạc quan để động

viên sức chiến đấu, nên nó được mọi người đón nhận rồi mang đi khắp nẻo đường kháng chiến và nhanh chóng trở thành chuyện dân gian với một sắc thái riêng. Và rồi, theo quy luật phát triển của loại hình nghệ thuật dân gian, chuyện kể Ba Phi đã được người ta thêm thắt, bổ sung ngày một hoàn chỉnh hơn về nội dung lẫn nghệ thuật. Ở đây ta không loại trừ một số chuyện của những tác giả dân gian khác cũng gia nhập vào hệ thống chuyện kể Ba Phi.

Cũng cần nói thêm rằng trước năm 1970 là năm ông Ba Phi qua đời, chưa có một bản văn nào ghi chép lại các chuyện đó, kể cả tác giả và những người thân trong gia đình ông. Phải mấy năm sau ngày giải phóng, những chuyện kể Ba Phi mới lần lượt xuất hiện trên báo rồi in thành sách, rộ nhất vào những năm 80. Là chuyện kể dân gian, nên có người ghi kiểu này, người ghi kiểu khác và cũng không tránh khỏi hiện tượng “trộn lẫn” như đã nói trên. Điều này cũng chứng tỏ các câu chuyện của ông là chuyện truyền ngôn.

Trở lại đôi nét về tác giả, khá độc đáo này. Ba Phi tên thật là Nguyễn Long Phi, sinh năm 1890, mất năm 1968. Vào đầu thế kỷ này, anh thanh niên Ba Phi cùng với đoàn người di cư từ miền Đông Tháp lưu lạc xuống miền Tây, rồi cuối cùng định cư ở vùng Rạch Lùm - Kinh Ngang, xã Khánh Bình, huyện Sông Đốc, tỉnh Cà Mau, nay là xã Khánh Hưng A, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Minh Hải.

Gắn bó gắn suốt cuộc đời từ tuổi thanh niên cho đến ngoài mốc tuổi “cổ lai hy” ở chốn cùng trời cuối

đất của phương nam Tổ Quốc, Ba Phi có vốn hiểu biết dồi dào và tường tận thiên nhiên, cảnh vật nơi đây, từ đất đai, sông rạch đến cây mấm, cây tràm, cây đước, từ cọp, nai heo rừng đến cá sấu, kỳ đà, rái cá, tôm ốc, ếch, nhái, từ loại chim trời đến con ong mật. Ông còn rành rẽ cả quy luật sinh trưởng của từng loại cây con, sự di chuyển theo mùa của từng loài chim, loài cá.

Chính cái vốn sống thực tế phong phú này cộng với tài nghệ đặc biệt của mình, Ba Phi đã sáng tạo nên hàng loạt chuyện kể có sức hấp dẫn kỳ lạ, mang lại cho người nghe những tràng cười sảng khoái, thú vị.

Đặc trưng của truyện Ba Phi là nghệ thuật phóng đại khá điển hình. Nhiều chuyện kể được phóng đại đến ngoa ngoắt với những tình huống biết rõ là vô lý, song nhờ tài sáng tạo độc đáo và hóm hỉnh, phương pháp biểu dương tài trí con người và sự hào phóng của thiên nhiên một cách thông minh nên cuốn hút được người nghe, người đọc. Có khi đã biết sự phóng đại đó là vô lý rồi, mà vẫn cứ háo hức tin, háo hức chờ đợi cái hồi kết cục.

Hãy nghe Ba Phi kể về nếp dẻo đến mức mà người lột cái bánh ít bỏ vào mồm rồi thì không nói được nữa, vì hai hàm răng đã dính cứng lại, chỉ có cái đầu còn gục gặc “ngậm mà nghe” (!).

Nhưng chưa phải đó là mức phóng đại cao nhất. Ông kể tiếp : “Tôi lột bánh và định ăn thử. Nhưng bột nếp dính dẻo nhẹ trong lá quá chùng, gỡ không ra. Tôi bực mình ráy mạnh một cái, chiếc bánh ít văng bỗng lên dính vào cây xiên nhà. Con chó chộp của tôi

đừng chực hờ nãy giờ thấy vậy, nhảy lên tấp liến. Chẳng ngờ nếp dẻo quá, hai hàm răng con chó dính cứng trong cái bánh ít, thân thể nó bị treo tòn teng trên xiên nhà" (truyện *Nếp dẻo*).

Và đây là chuyện "Cọp xay lúa" : "Vừa xay, tôi vừa liếc chừng vô bụi ráng, giả bộ như không hay biết gì. Chờ lúc cọp nhảy ra phủ đầu, tôi hụp xuống, trịch ngang. Hai bàn tay cọp bấu tám móng cứng ngất vào cán giăng xay. Sẵn trớn cái cối quay tới, mà hễ cái cối quay tới hết vòng thì bị con cọp ghì lui. Cứ như vậy mà con cọp theo đà cối quay đẩy tới kéo lui hoài... Tôi đứng một bên, cứ xúc lúa chằm vô hoài.

Đến lúc con cọp xay hết hai chục giạ lúa... thấy con cọp có chữa nên cũng động lòng thương, vợ tôi bảo tha. Tôi nắm tay cối xay chặn mạnh lại cho đứng dừng trớn quay. Con cọp bị hụp đà, vượt tám móng ra khỏi giăng xay, cắn đầu. Nó lồm cồm ngồi dậy, mệt thở hết muốn ra hơi, bỏ đi vô rừng một nước. Không tin thì hỏi bà coi".

Đến cái chuyện "lúa nở ngấm" thì sự phóng đại được nâng lên đến mức tuyệt diệu khi ông miêu tả cái "tiếng chuyển mình rào rào của những hạt lúa trong đất". Đến nỗi khi "những con chàng bè mò cá thọc đầu vào gốc lúa đang nở bị mắc kẹt, không rút lên nổi. Khoái quá, tôi chống xuống đi nhờ chàng bè. Tôi nhổ một lát thì đầy nhóc một xuống be tám" (Truyện *Lúa nở ngấm*).

Dường như cái khoái chí của người trong cuộc đã lây sang cả người nghe và trở thành niềm khoái cảm của người tiếp nhận. Chuyện kể Ba Phi luôn luôn gây

được không khí hào hứng, nồn nao, một tâm lý háo hức chờ đợi hồi kết cục mà thường không lâu lắc gì. Cứ như thế, chuyện vui Ba Phi dẫn người ta coi "con heo đi cày!", chiếc "tàu rùa" đi tới bằng sức đẩy của hàng trăm con rùa lớn, bé, con cọp "chấp tay lạy bác Ba", nghe âm thanh của "con ếch đờn vọng cổ", "con chó tấu nhạc mừng vui", tiếng tát nước bắt cá ào ào của rần hổ mây giữa rừng tràm bát ngát, xem cả họ hàng nhà chuột "đứng sắp thành hàng, tay chấp sau đít" há mồm đớp sạch những hạt lúa bác ba vừa gieo ra khỏi tay v.v... và v.v...

Bằng vốn sống phong phú đã tích lũy được và tài năng của mình, Ba Phi với thủ pháp phóng đại sự vật (vốn là phương thức có tính đặc thù của dòng chuyện kể dân gian) đã sáng tạo nên một hệ thống truyện kể mang dấu ấn riêng, "bịa mà như thật", tưởng như phi lý mà lại hữu lý đến ngạc nhiên. Sức sống và sức hấp dẫn của chuyện kể Ba Phi là ở chỗ đó.

1. VEN RỪNG U MINH THUỞ TRƯỚC

Người ta nói ở Cạnh Đền⁽¹⁾ : “*Muỗi kêu như sáo thổi, đĩa lội lênh như bánh canh*”, chớ vùng này, những năm đầu mới khai rừng thì người ta hay hát đưa em như vậy : “*Ở đâu bằng xứ Lung Tràm, chim kêu như hát bội, cá lội vàng như mắm nêm*”.

Mỗi buổi sáng, giặc hừng đông, lúc đài Hà Nội báo thức, thì lữ giang sen, gà dầy, lông ô, khoan cổ, chàng be⁽²⁾ ra tập thể dục rần rần. Con nhỏ đứng trước, con lớn đứng sau chẳng khác nào cuộc duyệt quân, thiên binh vạn mã. Loại trích cổ tuy nhỏ con nhưng làm “thàu hồ” nháy nháy cặp mắt màu ve chai, niếng cái đầu có mông đỏ chót, là “tò le tét le”. Vợ chồng nhà quạ nghe vậy, từ trong cũng vội vã bay ra “dạ” rần. Đám vạc ăn đêm về ngủ nướng ở những bụi rậm, giật mình thức giấc, “nhảy mũi” hạt hạt. trong vườn “đội nhạc công” chìa vôi thổi gió véo von. Dòng họ nhà chim bắt muỗi cũng gõ đầu hòa tấu “toang toang”. Đấy chú cưỡng bông đậu chót vót trên cành cao lé mắt “thổi kèn tây”; chị em tu hú thấy hừng đông, chạnh lòng nhớ quê, cất tiếng kêu nã ruột. Ngoài mé ruộng nhà, anh chàng nghịch dầm mưa long óc mấy ngày cứ

⁽¹⁾ Cạnh Đền, Lung Tràm : những địa danh ở vùng Cà Mau, nay thuộc tỉnh Minh Hải.

⁽²⁾ Tên các loài chim ở rừng U Minh.

gù lưng "nhảy mũi khìn khịt". Tội nghiệp cho bác mở nhạc, ăn chi mà đau bụng rên "tằng yết, tằng yết" sáng đêm. Trời vừa tảng sáng, cậu rắn hổ đất đã thổi bễ phù phù cho anh chim trảo chẹt "rèn" những cây phản gỗ nghe choảng choảng...

Ở ven rừng U Minh thuở ấy, vào những buổi sáng thật vui vẻ rộn rã làm sao? Ai đi làm đồng, trước đó cũng phải nán lại ít nhất ít phút để nghe bản "nhạc rừng hòa tấu".

Lũ chim chóc ngày đó đàn khi, chúng sống lẫn lộn với những bầy gia súc. Chàng bè rề theo đống trống vịt xiêm, vịt đẻ, khi trứng nở ra, con nào con nấy cái mỏ nhọn thon như mũi kéo. Vịt ta đi đập mái giang sen, làm con cái giang sen chân lùn tịt, con nào cũng có giọng kêu "cạp cạp". Lạ đời nhất là loại cúm nùm⁽¹⁾ ngoài đồng, con trống nào cũng có hai cái cựa nhọn lều. Còn gà trống trong nhà thì đêm đêm cất tiếng gáy vang: "ò ó o...cúm! ò ó o cúm!".

2. RẮN HỔ MÂY TÁT CÁ

Hồi xưa hồi xưa, khi mới tới đất này khai phá, rắn trong rừng U Minh con nào con nấy lớn lắm. Mới đầu, người ta kể, tui chưa tin, nhưng rồi có một bữa tui cùng

⁽¹⁾ *Cúm nùm* : gà nước, gà hoang đã sống ven ruộng lúa, vườn cây.

bả vô rừng, tính kiếm cái đĩa nào lớn, nước cạn, tát bắt ít cá về ăn.

Tui và bả tới ven rừng, nghe như có tiếng ai đang tát nước từ xa vọng lại. Chả là trong rừng này có một cái đĩa bễ ngang chừng 5 thước, bễ dài chừng hơn 40 thước, tui đã nhắm chừng từ bữa hôm. Tiếc thiệt, bây giờ, mới tới ven rừng, đã có người tát rồi. "Ai đó mà lạ vậy!". Tui bảo bả như vậy. Nhưng rồi cả hai người vẫn lẹ làng đi tới. Đứng ở mé bờ đĩa bên này, núp sau một thân cây tràm bụi chằng, tui thấy một con rắn hổ mây ở mé đĩa bên kia. Cái đuôi nó ngoéo một đầu, cái đầu nó ngoéo một bên, thân hình nó dẹp lại đu đưa. Thì ra nó đang tát nước cho cạn để bắt cá. Tui bấm tay bả một cái đau điếng, ra hiệu đứng yên, để coi con rắn hổ mây này làm chi. Gần xế bóng mặt trời, cái đĩa đã cạn, những con cá rô, cá trê đen thùi lùì quấy đành dạch trên bùn. Bả thích quá, kêu trời một tiếng. Thấy động, con rắn vội bỏ chạy vô rừng. Tui chỉ việc bảo bả về kêu bà con ấp xóm ra bắt cá mang về. Hồng tin, mọi người cứ hỏi bả thì rõ.

3. CHIM VÀ CHUỘT U MINH

Năm đó, tui làm đám mạ ở gần mé rừng. Nói là "làm đám mạ", vậy chớ có làm gì đâu. Ở xứ này mà, tháng hạn châm một mũi lửa là mặt đất bị cháy sạch, chờ tới sa mưa, đội lúa giống ra, coi chỗ nào ưng ý là gieo.

Giống lúa tôi đã ngâm lên đủ ba sàng, một mọng đàng hoàng, từ trong nhà đội ra. Bữa đó trời trong, im gió. Nhưng không biết sao tui nghe dường như có mây che mù mịt trên đầu. Có cả tiếng gió rì rầm đâu xa xa nữa. Ra đến nền đám mạ, tôi để thúng lúa giống trên đầu xuống. Thi... trời ơi ! Chim dòng dọc với chim lá rụng nằm đầy nhóc một thúng gạo. Chúng đã ăn sạch sẽ cái thúng lúa giống của tui, không còn một hạt để nhỏ râu. Nghe động, chúng bay lên cái rần, chỉ còn lại cái thúng không.

Tức quá, tui về nhà ngâm thêm một gạo lúa giống nữa. Vài ngày sau, tôi cũng đội lúa ra gieo y nền cũ. Lần này biết khôn, tôi không để thua mấy con chim này nữa. Một tay tui vịn thúng lúa, một tay cầm nhánh chà quơ quơ phía trên đầu. Vậy mà tới đám mạ, thúng lúa cũng bị chim ăn hết phân nữa.

Bây giờ mới bắt đầu gieo hạt. Tui cặp thúng lúa vào nách, đi thụt lùi, vãi ào ào. vãi hết thúng lúa giống, đến chừng coi lại, thì không có một hạt nào rớt được tới đất. Chuột ! chuột đứng sấp hàng. Con nào cũng vậy, một tay chấp sau đít, một tay đưa ra hứng lúa. Chúng vừa ăn, vừa vuốt râu. Có mấy con chuột già không hứng được lúa để ăn, ngồi ngoài rìa đám mạ mặt mày buồn thiu.

4. ÔM CỔ RẪN

Mùa hạn năm đó, tui đi ăn ong mật⁽¹⁾ sâu trong giữa rừng U Minh. Đến trưa, ngồi dựa lưng vào gốc cây tràm nghỉ mát, tui móc gói thuốc ra ngồi hút. Thấy đằng kia, cách chừng ba công bễ đứng, có một cây mướp hay cây bùi gì đó chết khô, cành lá rụng rơi đâu hết, chỉ còn lại thân cây trơ trọi. Cây khô này cao hơn các cây xung quanh. Gốc ngọn nó nân nẻ, thẳng bằng, màu da đen hơi mốc, trên có cái cháng hai. Một điều kỳ lạ là mọi khi có con chim, cò nào đậu lên cháng hai đó liền bị mất hút, không thấy bay ra.

Tui cũng không để ý, cứ quảy gùi, xách mác đi ăn ong. Đến xế qua, mật ong đã đầy gùi, tui định về, bỗng nghe có tiếng lửa cháy ào ào từ phía trên gió. Rừng U Minh này bị lửa cháy vào mùa hạn thì ngọn lửa bốc cao ngất trời, tấp tới âm âm, như một trận bão. Đi rừng mà gặp lửa cháy, thì phải mau đào đất trấp, chui xuống dưới, hoặc trèo lên những cây thật cao, chờ lửa cháy ào qua, chớ không phương nào chạy kịp. Lúc đó, tui đào đất trấp chui không kịp, phải chạy tìm cây cao mà leo. Tui chạy đến, quăng bỏ gùi mật ong, bỏ cây mác còn lại, và tìm được một cây. Tui ôm cây, trèo lên tuột xuống. Cái cây gì mà trơn chuôi, thót lên ba phóng thì bị tuột trở xuống hết hai. Nhưng lửa cháy

⁽¹⁾ (Từ địa phương) Đi lấy mật ong rừng.

đã tới quá gần, tui phải cố trèo. Trèo lên vừa tới chỗ cháng hai, thì lửa cũng vừa cháy tới. Nhưng chỗ cháng hai cái cây sao có nhiều mảnh dăm lười xười tách ra, đâm tay tui đau quá. Tui phải tụt xuống một chút, mà ôm ngang chịu trận. mặc dù mỗi run tay, nhưng ngó xuống thấy lửa đã cháy phía dưới tui, lấy làm khoái chí.

Lửa cháy qua rồi, tui định tụt xuống, nhưng sao nghe cái cây động đậy. Rồi ngay chỗ cháng hai, lại mọc ra một nhánh chà cây, quơ qua quơ lại, cào cào vào đầu tui. Tui tụt xuống chút nữa. Cái chà cây kia cứ ngoéo xuống quét vào đầu, vào cổ tui. Nó còn trây vào mình tôi một thứ gì nhớt nhớt như nước miếng. Trời đất ! chỗ cháng hai lại có hai cái mu lồi ra lóng lánh và rục sáng như rên xe hơi. Trời ! khi không hai cây lại khép lại, mở ra nghe bầm bập... Hồn vía lên mây, tay chân rũ liệt, tui ngã người ra, sút tay rớt luôn xuống đất. Hai lỗ tai tui nghe vo vo, mắt nhắm hít lại, phú mặc số mạng cho trời đất.

Khi rớt xuống tới đất, tui thấy mình nằm y chỗ ngồi hút thuốc hôm qua. "Cái cây" đằng kia bắt đầu bò đi, le lười, thổi hơi phèo phèo ..

5. SÂN QUẠ

Ở Phong Lưu, cạnh Điện có một sân chim, mỗi lần người ta bắt hàng vạn con còng cộc, cò long bong, cò quắm, vạc, diệc móc chở ra chợ bán. Sau hậu đất tui thì lại có "sân quạ", chuyện mới lạ đời !

Số là mùa hạn năm đó, nắng khô hết đĩa bầu, ao vũng xứ này. Trâu bò phải đi kiếm nước uống ở những cái giếng giữa đồng xa.

Tui có bảy trâu tất cả là tám con. Nhưng chiều bữa đó, chúng đi ăn về, lại lạc mất con đực pháo. Sau đó, mấy tháng lằng xằng chạy kiếm đủ chỗ, tui mới gặp nó đứng chổng khu uống nước ở một cái giếng trong đầu ngàn hậu đất.

Gần đi tới, tui thấy con đực pháo đang rùng mình lúc lắc, mặc dù bốn cái chân của nó còn lún sâu dưới thêm đĩa. Tới thêm chút nữa, tui thấy con trâu như nghe được tiếng động, nó cựa mình vùng lên. Gắn lại nữa, tui lại thấy nó run run, giật giật. Lấy làm lạ, tui đi gần lại xem. Con trâu làm như hoảng hồn, lúc lắc nhổ bốn cái chân lên, nhưng bốn chân nó ngay đơ, không làm sao nhúc nhích được. Con trâu lại cất tiếng kêu "ọ ọ". Rồi nó trن mình đứng dựng tại chỗ, run rẩy. Thấy dít con trâu lũng một lỗ, tui vội quơ nùi rơm nhét lại. Rồi đưa tay với lấy sợi dây dàm định dẫn nó về. Nhưng con trâu cố giãy giụa, mà đứng tại chỗ. Cuối cùng tui phải về, kêu bà này ra lôi tiếp con trâu về nhà.

Sau đó, tui với bà này mài dao xẻ con trâu. nào ngờ phèo phổi, ruột gan, thịt thà bên trong con trâu đều bị lữ quạ khoét dít chui vô hồi nào mà ăn sạch trơn. Tui với bà bắt ra được ba trăm hai mươi sáu con quạ vừa lớn vừa nhỏ. Không tin thì hỏi bà thử coi !

6. GÀI BÃY BẮT CHIM

Cánh đồng Kinh Ngang này vào mùa nước ngọt, các thứ chim lớn như gà dẫy, giang sen, chàng bè, lông ô, khoang cổ, diệc mốc từ trong rừng U Minh lũ lượt kéo ra kiếm ăn. Chúng quần đảo mát trời, giậm nhẹ lúa đồng sạch trội. Tất cả các loại chim đó chỉ có giang sen với khoang cổ là thịt ăn "có lý", còn hầu hết ăn xảm xì như trứng rồng. Nói thì nói vậy chớ dù ngon hay dở mình cũng phải gài bắt cho ráo đợt để đem ra chợ bán, kẻo chúng phá lúa chịu không nổi.

Cái đám thằng Cường thằng Thọ gài bẫy đập, bẫy cò ke, bẫy mỏ chỉ bắt trăm kha mỗi ngày vài chục con, có thắm bổ gì. Tui nghĩ ra một cách gài khác tụi nó. Bữa đó tui bỏ một mớ ống trúm xuống xuống chống vô rừng đặt lươn. Đem về, tui lựa rặc thứ lươn da vàng, đầu nhọn, loại này mạnh lắm. Tui lấy chỉ ni-lon thật chắc, cắt ra một sợi dài chừng hai tầm đất, một đầu cột khúc cây ngang ngang, một đầu cột ngang vào chỗ rún con lươn. Làm xong, tui ôm bẫy ra ruộng thả hai con lươn thành một cặp gần nhau.

Sáng ngày sau, tui bò ra ruộng rình xem. ban đầu có một con gà dẫy đi lộm khộm tới bên con lươn vừa trông thấy, rồi đứng sựng lại, ngóng cổ, liếc mắt nhìn. Thấy con lươn bò nhội nhội, nó nhảy vọt tới mỏ vào đầu. Con lươn bị đau quá vọt luôn vô bụng con chim rồi dùi tuột ra sau lỗ đít. Tới con giang sen đi sau cũng

vậy. Nó nhảy tới mổ vào đầu con lươn, con lươn vọt mạnh vô bụng, dùi luôn ra sau. Rồi lại đến con chàng bè, cũng y vậy...

Một con lươn mỗi của tui vọt đến chết, xỏ lụi ít nhất cũng một chục con chim. Như vậy là cứ hai xâu làm một, tui cầm mỗi tay một cây ngáng, la cho chim bay lên, mang tui theo. Tui bay bổng mặt đất mà lái từng cặp xâu chim thá ra ví vớ, về nhà giao cho bà trời đem ra chợ Sông Đốc bán, không tin thì hỏi bà thử coi!

7. ẾCH ĐỒN VỌNG CỔ

Tui có bầy vịt, hễ bum búp lông cánh là lần lượt bị mất sạch trơn. Tức quá, rình mò mấy bữa, tui mới biết là bị ếch ăn. chỗ đuôi đìa, dưới gốc bụi tre, có một hang ếch lớn quá cỡ.

"Ăn thịt vịt tao thì mày phải đền mạng". Nghĩ vậy, tui mới lấy sợi dây thép quai thùng dầu hôi uốn thành một lưỡi câu, lấy sáu sợi dây chì bện lại làm nhợ, một đầu buộc con vịt xiêm vừa ra ràng, một đầu buộc vào bụi tre.

Mặt trời lên độ một con sào. Tui ngồi rình, thấy một con ếch bà từ trong gốc tre lù lù lộ ra. Con ếch thấy con vịt, men lại ngửi ngửi rồi lắc đầu bỏ đi. Biết nó chê con vịt này còn hôi lông nên chưa chịu ăn. Bữa sau, tui đổi một con vịt mái ta đang đẻ, mập sà dít. Hùng sáng là tui cũng đến chỗ hôm qua, ngồi rình.

Cũng đến lúc mặt trời lên độ một con sào, con ếch bà đó cũng lại vệt bèo lội ra. Trông thấy con vịt ta mập ú, nó ngó dáo dác, mặt mày hớn hở, gật gật đầu mấy cái. Con ếch khỏa bèo, hớp nước súc miệng sào sạo, phun ra cái phèo, rồi chồm tới bên con vịt. Nó nhướn mắt, tấp bụp, rồi nhai rau ráu, nuốt một cái ực. Như vướng phải lưỡi câu, nó nhọn trở ra. Thấy tình thế không xong, tui vệt đứng dậy, la 'ếch' một tiếng. Con ếch giật mình nhào ngang, bị lưỡi câu xóc vào hàm hạ, nó giãy dụa dụa, sáu sợi nhợ câu thẳng băng. Nó lúc lắc cái đầu, sáu sợi dây chì rē quạt ra. Hai tay nó quày lia lịa. Sáu sợi dây bật ra những tiếng kêu bồng trầm 'tằng tằng, tủng tủng' khác nhau. Tui ngồi nghe, sao có chỗ vô sang, ra hò mùi quá! Một hồi phát ngứa miệng, tui ứng thanh theo, ca bảy sáu câu vọng cổ chơi...

8. CỌP XAY LÚA

Xứ rừng này hồi mới khai mở, đêm nào cọp cũng vô xóm rình mồi, nó kêu "à uôm" nghe như tiếng con ếch ương gập mưa vậy.

Có bà Tám ở xóm trên, đêm ngủ ngoài bụi ráng, vì bữa chiều đó bà uống rượu ở đám giỗ xóm dưới, say quá không về tới nhà. Sáng ra, bà bị liếm cái đầu trọc lóc như trái bưởi.

Hai đực con thằng Tư Mít, cha mẹ đi làm, bỏ chúng trên sàn gác, gập cọp vô nhà chơi hoài. Chúng

nó vất cơm cháy, thả xuống cho cọp ăn. Ăn quen, lần đó thằng Tư Mít núp trên sàn gác, đốt đỏ cái ống ngoáy trầu của bà, rồi thả xuống, cọp há họng ra hứng liền. Lần ấy, con cọp bị phỏng miệng, nó chạy, la vang rừng suốt mấy bữa.

Có một đêm, tui cũng đang ngủ trên sàn gác, khoảng gà gáy hiệp ba, bỗng nghe con heo khoảng một tạ ngoài chuồng kêu ét ét. Biết là "ông ba mươi" đến viếng rồi. Tui liền xách cây mác thông, phóng xuống, đuổi theo. Rượt đến sáng mới giựt lại được xác con heo, tui vác về. Để con heo đó, lum khum nhóm lửa nấu nước, tui bỗng nghe tiếng động rột rẹt trong lùm ráng. Liếc mắt nhìn qua, tui thấy rõ ràng là "anh ta". Vì hụt mắt miếng mỡ nên con cọp ức, trở lại rình mò. Đó là một con cọp cái bụng đang có chửa. Tui thấy nó ngồi nhìn xác con heo, mà thèm đến nhều nước miếng.

Không ăn được thịt heo, con cọp đâm ra thù tui.

Trưa bữa sau, hai vợ chồng tui khiêng cối ra xay lúa. Cái giăng xay, tui làm bằng cây trâm suôi, thịt gỗ thật dẻo. Đang xay lúa ồ ồ, tui lại cũng nghe sau bụi ráng có tiếng động rột rẹt. Giống cái con cọp này thù vật quá ! Tui nói trong bụng : "Bữa nay mà bắt mày xay lúa một trận cho biết tay". Tui kêu vợ tui xúc sẵn hai chục giạ lúa để gần bên cối xay đó. Vừa xay, tui vừa liếc chừng vô bụi ráng, giả bộ như không hay biết gì. Chờ lúc cọp nhảy ra phủ đầu, tui hụp xuống, trịch ngang. Hai bàn tay cọp bấu tám móng cứng ngắt vào cán giăng xay. Sấn trớn cái cối đang quay, con cọp kéo lui hết vòng thì bị cái cối theo quán tính quay tới,

mà hễ cái cối quay tới hết vòng thì bị con cạp ghì lui. Cứ như vậy mà con cạp theo đà cối quay đẩy tới kéo lui hoài... Tui đứng một bên, cứ xúc lúa chằm vô cối liên tục.

Đến lúc con cạp xay hết hai chục giạ lúa, tui kêu vợ tui vô bồ xúc thêm lúa nữa. Thấy con cạp có chữa nên cũng động lòng thương, vợ tui bảo thôi tha cho nó. Tui nắm tay cối xay ghìm mạnh lại cho dừng trớn quay. Con cạp bị hệt đà, vọt tám móng ra khỏi cán giăng xay, chúi đầu về phía trước. Nó lồm cồm ngồi dậy, mệt thở hết muốn ra hơi, bỏ vô rừng một hơi. Không tin thì hỏi bả coi.

9. CÂU CÁ SẤU

Ngồi nói chuyện bên ấm trà với người khách mới tới xứ U Minh, nghe người đó hỏi :

- "Xứ mình có nhiều cá sấu không bác Ba ?". Bác Ba Phi trả lời liền :

- Ôi ! Sấu ở đây, khi trời nắng, chúng lên nằm hai bờ sông như củ lứt. Người khách liền hỏi :

- Vậy làm sao mà bắt được nó ?

Bác Ba Phi đáp :

- Khó gì đâu, câu bắt nó thôi. Bữa hôm, tui và bả đi câu. Tui, làm một cái doi thiệt bự, rồi hai vợ chồng chèo thuyền đi. Tới sông Quảng Phú, gặp một con

sấu lớn. Nó mắc lưới câu, hai sợi doi nổi lên ở một khúc eo sông. Tui thử kéo lên. Chà ! Một con sấu thiệt lớn. Tui quấn sợi doi trước mũi thuyền. Thế là sấu chạy, kéo luôn cả thuyền. Tui vội vàng la bả : "Cắm lái cho ngay kéo chìm !" Con sấu kéo thuyền của vợ chồng tui từ sông Quảng Phú tới vàm Cái Đồi mới bắt được nó đấy.

Người khách lại hỏi

- Thế thì làm sao đi ngang đập cây Dừa ?

Bác Ba Phi thản nhiên :

- Thì nó kéo thuyền qua đập luôn mà !

10. CHIẾC TÀU RỪA

Mùa khô năm đó, túng tiền xài tui mới nghĩ ra một cách bắt rùa để chở ra chợ Sông Đốc bán. Ra nhà dựng Tư nó, tui mượn một chiếc ghe cà đom chở chừng năm trăm giạ lúa, chống vô Lung Tràm, đậu cặp mé phía dưới gió, cắm sào hai đầu cho thật chắc. Tui còn kéo tám đòn dầy bắc thẳng lên bờ. Làm xong, tui đi vòng phía trên gió, nổi lửa đốt một hàng dài. Mùa khô ở đây, cỏ ngập tới lưng quần, dễ làm mồi cho lửa lăm.

Lửa bắt đầu bốc ngọn, tui lộn trở về chỗ đậu ghe, ngồi chờ. Độ chừng hút tàn điếu thuốc, tui thấy rùa đã bắt đầu bò xuống lai rai. Lửa phía trên gió bắt vào các bờ sậy, cháy, nổ rộp rộp. Rùa bò xuống mỗi lúc một nhiều. Tốp chạy trước chắc còn hơi hửng, nên chúng

sắp thành hàng một, nối đuôi nhau bò tới. Con nào cũng nghênh cổ lên cao, mắt ngó chừng dáo dác. Một lúc, gió thổi mạnh lên, lửa cháy rào rạt, lúc này chúng hoảng hồn, kéo chạy đồng đống, không còn trật tự gì nữa. Rùa vàng, rùa nắp, rùa quạ, rùa hôi, rùa đém... đổ tới từng bầy. Cứ theo cây đòn dầy, tui ùa đại chúng xuống ghe. Giống rùa là chúa sợ khói lửa. Chúng chạy bằng ba chân, còn một chân trước đưa lên che mặt. Con nào cũng chảy nước mắt, nước mũi choàm ngoàm.

Thấy chúng tràn xuống quá xá, tui ngồi gần đầu cây đòn dầy, coi con nào lớn thì cho đi, con nào nhỏ cứ hất mạnh tay một cái là lọt xuống sông. Một hồi, rùa xuống đầy ghe, tui nhổ sào rút đòn dầy, chống luôn ra chợ. Nhưng khổ nỗi, số rùa nhỏ bị rớt xuống nước cứ bầu theo ghe kết thành bè, một chân chúng vịn vào be ghe, còn ba chân cứ đập nước, theo trớn ghe đi tới. Chiếc ghe bị rùa đẩy cứ đi tới tự nhiên rất nhanh. Tui ngồi phía sau kềm lái, mở gói thuốc ra, hút phì phèo. Ra tới gần chợ sông Ông Đốc, tui bỗng nghe mấy người đàn bà bên kia sông la chối lọi. Xuống chỗ lúa, khảm lằm ! Tàu làm ơn tốp lại mấy chút nghe !

Thật hết phương tốp lại, tui chỉ còn biết ngồi lắc đầu chịu chết. Tui khoát tay :

- Mấy bà con làm ơn nép sát bờ giùm chút đi. Tui tốp máy không được. Chiếc tàu rùa !

11. MÔ ĐẤT BIẾT ĐI

Đang mùa phát đất, mà nước đầy áp cánh đồng. Cái năm gì thiệt là kỳ cục ! Nước Sông Đốc màu ngà ngà dâng lên, nước U Minh đen cuộn tràn xuống. Gió nam thổi hù hù. Trên ruộng mà sóng bủa ba đào. Chuột bọ, rắn rít hết chỗ dựa, trời tấp vào các ngọn cây, đeo có đùm. Nước U Minh đỏ thắm như nước trà, chảy ngập tới đâu, thì cây cỏ è ọp tới đó. Lợi dụng lúc này phát đất là tốt nhất.

Bữa đó, tui vác phan ra đồng như thường lệ. Nghĩa là nghe cúm nùm kêu chùng hết canh tư, thì tui đã có mặt ngoài ruộng. Đồng nước mênh mông ngập tới ba đi, lạnh rung lên, không tìm được một mô đất mà để viên đá mài phan. Tui lội vòng vo cho tới hừng đông, may thay gặp một mô đất thật cứng, cao hơn mặt nước độ hai gang tay. Tui rề lại, để viên đá lên, ngồi mài phan. Mài "nước lớn", tui lại mài "nước ngọt" rồi liếc mép. Xong đâu đó, tui còn mở gói thuốc giống ra vấn một điếu hút phì phèo.

Đến khi trời sáng rõ mặt, tui trực nhìn lên :

- Ủa ! Ở đâu mà vườn tược rậm rạp, trông lạ quá vậy kia ? Quái lạ ! Tại sao lại ở ngay hè nhà mình ? Rõ ràng. Bên tay phải tui là cái chuồng trâu, tay trái chuồng heo, chính giữa có bếp nấu cơm. Bà vợ tui đang lom khom chụm bếp. Thiệt là như một cảnh chiêm bao, tui không tài nào hiểu được. Cuối cùng, tui

phải cất tiếng kêu bà vợ tui ra để hỏi sự tình. Chẳng ngờ bà chạy ra, ngẩng lên, vụt la oi ói :

- Bó người ta ơi ! Làm ơn cứu chồng tui với !

Tui bật cười :

- Bộ bà điên rồi à ?

Bà đứng nhìn tui mà mặt mày tái mét, đưa tay ngoắt :

- Ông ơi ! Ông phóng xuống, chạy lại đây mau đi !

Tôi cười hê hê, thủng thỉnh bịt khăn dầu rìu qua trán, lấy cục đá mài, vác phẫn lên vai, bước xuống khỏi mô đất, đi lại bên vợ tui.

Bả nắm vai tui, xoay ngược lại :

- Ông ngó trở lại coi, kìa !

Tui nhìn thấy cái mô đất mình mới vừa bước xuống. Úy trời đất, thánh thần, thổ võ ơi ! Con rùa ! Con rùa vàng lớn quá trời. Té ra tui ngồi mài phẫn trên lưng nó hồi hôm tới giờ mà không hay.

12. CHÀ BẰNG GẠC NAI

Tui có nuôi một con trăn gấm, cũng không còn nhớ là được mấy năm. Nó lớn quá cỡ, lớn đến nỗi mình kiếm đồ ăn cho nó không xuể. Mỗi tháng tui cứ thả cho nó ra rừng tự kiếm ăn một lần. Có vài ngày

lần, có lần cả tuần lễ nó mới về. Nó ăn nào là chồn đên, chuột cống, cúm nùm, trích cồ...

Có một lần, cũng như thường lệ, bầy trẻ cho nó ra rừng kiếm ăn. Nó đi hai bữa... rồi ba bữa, cũng chưa thấy về. Rồi lại mười bữa rồi mất tiêu luôn. Bầy trẻ túa ra quán kiếm, cũng không gặp. Chắc là nó về lại rừng. "Lá rụng về cội" thôi. Loài thú rừng mà... Cả nhà ai cũng tiếc con trần gấm, nhưng ngày qua ngày, rồi cũng lãng quên.

Vào độ nửa tháng Chạp năm đó, nghe tu hú kêu ngoài bụi tre, thấy gió chướng vờn trên lá cây, tui nhớ ra đã gần ngày Tết. Vợ chồng con cái tui vác phán, ôm lưới lội ra cái đìa mé rừng mà chụp cá. Cái đìa mới đào hồi mùa hạn, chưa kịp cắm chà gọng gì cả. Nhưng dù sao cũng có cá đủ ăn Tết. Nhờ cái nó nhẹ dạn cồ, và khỏi nhổ chà.

Cha con tui bỏ lưới trên bờ, dùng phán rong mé cồ. Một chuyện lạ đời là mỗi nhát chém xuống, phán nào cũng trúng nhằm chà nghe rộp rộp.

Ai lên cắm chà đìa mình vậy kia? Tui tự hỏi, rồi cố dọn cồ cho xong. Mấy cây phán, gỡ lên coi, cây nào cũng mẻ sấu sáo như lưới cửa hết thấy.

Đến khi cồ được kéo lên bờ, tui lại thấy dưới đìa dây chà gọng ló lên mặt nước. Kỳ lạ là toàn chà cùi, không có nhánh nhóc gì hết. Chà bắt đầu xạo xự mạnh lên như có ai lặn ở phía dưới, rồi cắm mà rung. Một phút sau, toàn bộ chà dưới đìa kéo hết lên bờ. chùng đó cha con tui mới bật ngửa. Té ra con trần của nhà mình lâu nay nó ra rừng ăn phải bầy nai chà, nên

chà gạt nai đâm lũng lũng, trở lên phía trên. Có lẽ vì bị đau quá, nên nó còn nằm đấy dương bình, chưa chịu về chuồng.

13. CÂY MẶN BIẾT ĐI

Thu hoạch mùa màng xong, rồi cứ nằm ngửa gác giò giàn bếp, nghỉ ngơi riết rồi cũng đâm ra chán. Tui móc đất vò bậy vài chục viên đạn bắt ná thun chơi, rồi thả rề rề ra bờ bậu đất. Mọi khi ở con bờ này vào những buổi trưa, trích tổ về đậu nghỉ mát nơi ngọn cây đen kịt. Vậy mà bữa nay im lìm, vắng hoe. Đi vòng vòng một hồi tui thua buồn, bắn bậy bạ ba con chim sâu một hồi hết sạch mấy chục viên đạn. Nghe khát nước tui rề lại chỗ cây mận chỗ góc bờ để bẻ vài trái mận ăn chơi. Đến nơi thấy cây mận trái sai, chùm nào chùm nấy oằn xuống như buồng dừa nước. Cái thứ mận rài này coi trái bóng lưỡng vậy chớ bên trong hột lớn.

Tui leo lên cây mận, nằm ngửa chỗ cháng ba, bẻ từng trái nhấm nháp. Tầng cây mát như che dù, lại có gió thổi hiu hiu, tui nghe lòng thơ thới làm sao. Cộng thêm mấy con chim chia vôi "kéo đờn vu long", đâm hứng chí, tui nói lối rao ra giọng nam xuất một hồi, rồi vô mùi sáu câu vọng cổ. Đôi mắt lim dim mơ màng, tui đưa giọng ca trầm bổng theo làn gió rì rào qua đợt sậy. Các loại chim nghe tui ca, bu quanh, nhảy nhót, hót theo riu rít. Đến chỗ xuống mùi tui búng song loan cái tróc, bỗng nghe tiếng động rột rẹt. Mở mắt ra, tui

vụt thấy một con nai chà cũng đang đứng gần bên thưng thức gong ca của tui. Thấy con nai chớn vờn sắp chạy, tui vội vã bẻ một trái mận bóc lấy hột, nạt vô ná thun bắn vào mặt nó một phát. Hột mận xuyên thủng vào mắt con nai. Nó đau quá, la lên "bét bét" rồi tốc chạy vào rừng.

Câu chuyện con nai đó lâu ngày, tui đã quên mất. Đến ba năm sau, nào ngờ, một bữa, tui đi gặt lúc ở miếng đất cặp mé rừng, thì được tái diễn lại. Số là vào lúc nắng trưa gay gắt, tui máng vòng hái lên cùi chỏ tay, đi lại bờ để tìm một bóng cây đụt mát. Hai mắt đã tá hỏa, nên tui tấp đại vào một tàng cây gần nhất mà ngồi dựa lưng. Hết cơn mệt tôi nhìn kỹ lại, cây ấy là một cây mận. Ôi, nó đang sai oằn những trái ! " Buồn ngủ lại gập chiếu manh", tui với tay, bẻ trái mận ăn thử. Mận này cũng khá ngọt, nhưng sao có mùi hơi tanh tanh.

Tui với bẻ một trái nữa. Nào ngờ cây mận vụt nhích đi chỗ khác và kêu lên một tiếng "bét". Tui giật mình đứng dậy. Ôi trời ơi ! Cây mận vụt tốc chạy ào ào vào phía rừng !

Lấy làm lạ tui đuổi theo xem thử. Chẳng ngờ tui càng rượt theo, cây mận càng chạy nhanh hơn, để lại đằng sau những tiếng "bét bét".

14. CÁI TÍN NAM VANG LỄ BẠN

Mấy chú hỏi tại sao nhà tui có cái tín Nam Vang lớn mà tốt vậy à ? Cái tín màu da lươn bóng ngời, dựng trên một giạ gạo đó. Hồi xưa, nhà tui có chẵn cặp chớ đâu phải cu ki một cái này. Cặp tín của ông ba để lại mấy đời. Từ miệt Sa Đéc, vợ chồng tui xuống, chỉ có một cặp tín đó với chiếc giỏ mây, đến đây sanh cơ lập nghiệp. Gia sản lưu truyền mà, nhưng đã bị mất đi một cái. Mỗi lần nhớ tui, tui thấy tiếc hùi hụi trong bụng.

Đó là một buổi chiều, tôi xách cặp tín ra lung, định múc nước về xài. Ra đến, thấy cá rô móng như cơm sôi, tui mới nghĩ cách kiếm vài con để chiều ăn. Tôi bẻ một nhánh trầm con làm cần câu, bứt sợi dây bẫy cò của ai đó làm nhợ, rút cây lông nhím trên đầu tóc xuống uốn cong làm lưỡi câu, bắt một mớ cào cào làm mồi. Cá rô vùng đất U Minh này hồi mới khai mở thì khỏi phải nói. Con nào con nấy cầm nặng tay, màu da đen trạ, có râu. Vừa bỏ mồi xuống là thấy "chàng y" đớp liền. Nhợ câu bị lôi xiên xiên về phía trên gió. Mình nhóng nhóng thử ngọn cần câu, nghe bên dưới tri tri thì giật lên một cái. Một chú rô mề đở đuôi, có hai sớ râu dài thượt, giầy lồm bồm. Cứ vậy mà lôi lên. Cái miệng tín vồng tròn cỡ hai gang tay, nhưng phải cầm con cá rô ấn mạnh, cái đầu nó mới phụp được vào trong. Tui vừa câu vừa "ấn" một hơi độ nửa tiếng đồng hồ, thì đẩy nhóc một tín cá. Còn lại một tín, tìm

một khúc cây làm đòn, gánh vế. Đến chùng bắt cá ra làm thịt, bà vợ tui cần nhân vì lấy cá ra khó quá.

Thử hỏi, cá rô mà cầm hai tay ấn thật mạnh cái đầu nó mới phụp vô miệng tìn, thì tới chùng bắt ra làm sao lồi ngược nó ra được ? Bị vợ cần nhân một hồi tui nổi khùng, xách cây đập cái tìn một phát cho xong. Thế là bây giờ chỉ còn có một cái.

15. NAI TRĂM THỦY

Ông Tư ngồi uống trà thư thả ở bộ ghế giữa, bên đàn cháu, rồi bắt đầu kể : "Năm nọ, bác ba Phi đi rừng, gặp cái bàu lớn giữa trưa, tình cờ đang lúc nóng nực, nên Bác ba Phi hăm hở lội ngay xuống tắm.

Bác cởi áo ra, ngáng lên nhánh chà kế bên mé bàu. Tính bác xưa nay cẩn thận là vậy. Vừa khoác nước kỳ cọ bộ ngực, bác ba vừa khoan khoái nghĩ thầm : "Chà không ai sướng bằng ta lúc này. Giữa rừng, ngồi tắm mát một mình mà còn có chỗ máng áo khô sạch nữa, đã thiệt..." Bác Ba lại thò tay xuống, lấn mở mối lưng, cởi ra thêm chiếc quần đùi. Bác vừa với tay sang nắm lấy nhánh chà, định máng tiếp cái quần, thì bất ngờ... cái nhánh chà "giật mình" vụt đứng dậy phóng chạy.

- Ô... ơ. Nai trăm thủy. Trời nai trăm thủy.

Sợ mất cái áo, bác Ba quỳnh quáng tức tốc đuổi theo con nai :

- Nai ơi... Tao làm tướng nhánh chà, mày trả cái áo lại cho tao... Trả lại tao !

Nghe có tiếng người chạy đuổi theo kêu la vang rừng ở phía sau, con nai càng sai bốn chân phóng hết tốc độ.

Mệt quá, không còn cách nào khác, bác Ba buộc lòng phải đứng lại, vừa thở hổn hển, vừa chấp hai tay lên miệng làm loa, la lớn :

- Nai ơi... nai ! Tao nói thiệt, đừng chạy nữa !

Mày không có áo "bạn" thì tao tặng mày cái áo đó. Còn gói thuốc gò trong túi áo thì mày nhớ trả lại dùm. Tao ghiền... Tội nghiệp tao, nai ơi, nai ơi !...

16. CÁC KÈO ONG MẬT

Mùa hạn năm đó, tui quảy gùi, vác mác, lội rừng ăn ong⁽¹⁾. Đi suốt từ sáng cho tới trưa mà vẫn chưa cạo được ổ nào. Ong đóng kèo bẹ thì chẳng có bao nhiêu, còn đóng kèo gát toàn là loại mới ộp lười mè, mật mới trắng ồng. Buồn tình, tui mới lột gùi, để mác với dao tre một bên, lấy tấm vải nhựa ra, trải dựa gốc tràm, nằm ngủ một giấc. Tui nằm tréo ngoáy, chân

⁽¹⁾ Ăn ong : (Từ địa phương) đi vào rừng lấy mật ong.

này gác xiên lên chân kia. Lúc nghe nắng nóng bên mang tai, tui mới giật mình thức dậy.

Cũng còn nằm nguyên tư thế cũ, tui móc gói thuốc ra vắn hút. Đang lúc nhả khói, phun mây phi phèo, tui bỗng nghe ở đâu đây có tiếng bầy ong mật vỗ cánh rì rào. Tui ngó dáo dác, định ngồi dậy đi tìm. Nhưng trực nhìn xuống cái chân đang treo ngoáy của mình thì... trời ơi ! Ô ong đang đóng dưới bụng ống chân tui. Thấy mình ngủ nằm treo ngoáy, nó tưởng đâu cây kèo mà áp lại đóng.

“Mầy đem nạp mạng, sẵn đây tao cạo luôn”. Nghĩ vậy, nên tui hút mạnh mấy hơi thuốc, phả khói vào tổ ong. Bị khói thuốc, phả khói vào tổ ong. Bị khói thuốc Gò Vấp cay mắt, bầy ong bỏ ổ, bay tán loạn. Tui với lấy cây dao tre để bên cạnh, xắn tám tàn ong bỏ đi, tám tàn lớn bằng cái sàng vậy. Còn lại khúc múc, tui xeo thêm mấy nhát dao tre nữa, nó rớt xuống tám vải nhựa cái đui, một khối mật vàng óng bằng trái dừa khô nằm trư trứu trên tám vải nhựa.

17. TÔM U MINH

Cái năm đó trời nắng hạn đến lung, bầu đều khô sạch trọi, không còn một miếng nước thấm tay. Hạn đến chớ nằm ở hàng ba nhìn trời lè lười, gà áp trên ổ hót cổ thở hết ra hơi, trâu thềm nước đổ bọt mồm. Nhà

tôi chỉ có mấy cái đĩa cá giống với một cái búng đập thông ra kinh Ngang là còn nước chút đỉnh.

Một bữa nọ, nhà có khách. Túng thức ăn quá, tui mới sai con út nhà tôi xuống mò quanh rìa búng, đập kiểm ít con cá. Con nhỏ nghe lời, lấy khăn choàng trùm đầu, xắn quần lội xuống, bắt nào là cá bổi phệt, cá lóc kệnh, cá trê nòng, cá sặc bản, cá rô mề quăng lên bờ. Thấy cá nhiều quá, tui biểu thôi, nhưng con nhỏ còn ham, mò ráng thêm chút nữa. Nó bảo mò xích ra búng đập. Bắt mở tôm càng cho tui với khách nhậu lai rai. Con nhỏ vừa khom xuống ngay miệng ống bông mặt đập, tui bỗng thấy từ dưới nước vọt dây lên một cái rắn. Trời đất ơi ! Tôm ! con nhỏ nghiêng mặt né tránh.

Nào là tôm càng, tôm thẻ, tôm đất, tôm lóng phóng lên ghim ngáp gai vô chiếc khăn trùm đầu của nó, đuôi chổng ra ngoài búng lách chách. Cái đầu của con Út có chà, có chòm chẳng khác nó đang đội một mớ san hô vậy. Mẹ nó bung rổ ra gỡ hết chỗ tôm đóng trên chiếc khăn đội trên đầu, cân được hai ký lẻ tám.

18. THU HOẠCH LƯỚI NAI

Năm ấy, mấy chục công lúa tui cấy cấy mẹ rừng, tới mùa khô không còn thu hoạch được một hột để nhỏ râu. Lúc lúa đứng cái, lũ nai kéo về cả bầy, ăn tới tới. Cất chòi giữ ngày giữ đêm, giạt banh mấy chục cái

thùng thiếc, mà chúng vẫn trơ trơ không sợ. Đánh bầy, giăng giò bắt được một, thì chúng kéo lại hai. Nai chà tràn vô xóm, rượt chém bò cổ, nhảy đực bò cái, đẻ ra con cái nào cũng có nhánh có nhóc.

Ai cũng bảo chắc là để xứ này cho nai ở. Tui thì nhất định không chịu thua, cố tìm cách để trị lũ nai này. Đêm đêm tui rình xem cách chúng ăn lúa. Nó ăn cũng như trâu bò ăn vậy thôi. Nghĩa là lưỡi cũng le ra, ngoéo gọn bụi lúa rồi giật mạnh lên.

Tui về nhà, ngồi suy nghĩ, nhủ thầm : "Như vậy là chết cha chúng mày rồi" ! Xách mác ra vườn, tui đốn những cây tre lồ ô đem vô. Tui lần lượt bập nhẹ lưỡi mác vào cật thân cây tre, rồi lấy ra lấy một miếng cật tre dài dài cỡ chiếc đĩa bếp, hai bề cạnh bén như nước. Làm tới chiều tui đem ra ruộng, mỗi bụi lúa tui cắm vào một miếng tre cho thật chắc. Làm xong về nhà, tui bảo mấy đứa nhỏ cứ việc ngủ cho thẳng giấc đi, đừng lo canh tuần gì nữa.

Sáng bữa sau, tui chống chiếc xuống be ra ruộng. Tui xắn quần lội xuống, tay nắm be xuống dắt tới, vừa đi vừa mò theo từng gốc lúa mà lượm lưỡi nai. Thứ tre lồ ô chẻ mỏng, cật bén như nước. Vô phúc cho con nai nào nè ngoéo đó mà giật lên thì thế nào cũng phải đứt lưỡi.

Mùa đó, ngoài cái huyện bán thịt lưỡi nai tươi cho bà con lối xóm nhậu chơi, tui còn phơi khô chở lên Sài Gòn bán cho cửa hàng mua để xuất sang Hồng Kông, Singapo được một tấn hai thịt lưỡi nai khô. Không tin hỏi bà thì biết.

19. CON CHÓ SĂN DŨNG CẢM

Trời mới rạng đông, nghe con heo nái trong chuồng hộc hộc, tui biết là con heo rừng nọc chiếc vô nhảy đực heo nái mình nữa rồi. Tui chộp cây mác thông, kêu con chó Nô. Nó nhảy ra. Con chó Nô là loại con chó nòi giỏi vô cùng, nhưng lúc này nó có chữa gần đẻ nên cũng hơi ột ệt.

Lúc tui chạy tới thì con heo nọc chiếc cũng vừa bỏ chuồng đi ra rồi. Nó to cỡ con bò, màu lông vàng hực, da lăn dầu chai, có u, có nần. Vừa đi, nó vừa nghếch cáo mõm như cây đàn bầu lên tấp lộp bộp, nghe chẳng khác mình cầm mủng dừa đập úp lại. Hai cục bọt trắng xóa đóng bên hai mép miệng, gần chỗ cặp nanh trắng ớn, cong vút.

Thấy tui tới con Nô đuổi theo sát, nó quay lại, mài dít, ngồi nhìn. Mũi nó khịt khịt như gà lồi kêu. Biết là gặp tay đối thủ đáng gờm, tui đứng chân chữ đinh, cầm phân hai cây mác, nhứ thử. Con nọc chiếc tưởng tui đâm thiệt, nên hất mõm qua bên. Tui lẹ làng thu lại, đâm một nhát chí mạng vào nách nó, coi như con nít chơi, con nọc chiếc liền hất trở lại một cái trông nhẹ hiều, làm cán mác của tui gãy làm hai. Tui chơi với suýt cầm đầu, tay chỉ còn cầm khúc cán mác, đứng xơ rơ. Thấy chủ sắp lâm nguy, con Nô nhảy vô, nhưng vừa nhập vào, liền bị con nọc chiếc đánh cho

một cái văng bắn ra, va vào một góc cây tràm đánh ăng một tiếng, quỳ xuống đẻ một bầy con. Tám con chó mới đẻ liền nhào tới cắn vào bố cái giò con heo. Con Nô tuy bị thương, nhưng lại nhảy vô chính diện, chẳng ngờ nó bị con nọc chiếc đánh bồi thêm một cái nữa, làm cho sọ đầu bể làm tư. Nó nhắm giãy tê tê. Thấy vậy, tui nhảy lại bút nắm cổ thuốc hàn, vò vò rồi đắp vô vết thương và bút sợi dây, dóc kiến cái đầu nó lại. Con chó ngồi dậy nghỉ một lúc cho đỡ mệt, rồi lại xáp trận nữa.

Lần này thì con nọc chiếc đó có mà chạy đường trời. Tám con chó con cắn bốn cái giò căng ra, con Nô tấp cái đuôi kéo nhùng nhặng, còn tui thì xách cái khúc cán mác còn lại nhắm ngay đầu nó mà bổ xuống. Quán nhau một hồi, con nọc chiếc mệt lả, há họng thở dốc. Nhanh như chớp; tui thọc cho nó một cán mác vô họng, thẩu tuốt ra sau đít. Lũ chó con còn sung sức nên sủa gâu gâu. Con Nô, tuy cái đầu mới bể được ràng lại, chưa ăn khớp được hoàn toàn nhưng cũng cất tiếng sủa trợ chiến cho lũ con "cạch, cạch... cạch ! cạch!..."

20. BẮT RẪN HỔ

Hồi ấy, chúng tôi đóng quân gần Cơi Nam, nơi bác Ba Phi ở. Tỉnh thoảng bác vô thăm tụi tôi và cung cấp nhu yếu phẩm. Có lúc thì mấy cây thuốc gò, mấy lổ ngoại cảm tán, không quên mấy cái lươi lam cạo râu. Một lần tụi tôi ước :

- Mùa nắng này phải chi được vài con rắn hổ nâu chấu đầu xanh ăn cho mát !

Nghe vật bác Ba quay sang :

- Cái gì tui bây thêm rắn hổ hả ? Tưởng chuyện gì chứ ba thử đó, làm gì cho hết. Hối hóm tao bắt được, rông cả chục lu mái dầm chứa nước mưa !

- Làm sao mà bắt được nhiều như vậy bác Ba ?

- Dễ ợt ! Tao bắt con cóc, móc lưỡi câu rồi đem nhấp nhấp trước hang. Nghe hơi con cóc là rắn hổ bò ra liền.

Thứ rắn hổ đó nghe "mê" cóc thối lỗ tai, hồng nhả đó nghe.

Thấy con cóc nó nhảy chồm chồm, nó tấp cái bóp mắc lưỡi câu, thế là bắt ngon ơ ! Thứ đi chia, đào hang đó nghe, có tí vết ăn hồng khoái !

Nghe tui tui học nghề bắt rắn của bác, bác Ba quay sang nói :

- Coi vậy mà bắt kiểu đó đâu có đủ nhậu, tao còn có cách này bắt hết trơn rắn hổ mà khỏe ra vậy đó ?

- Trời ! Tàì quá ha ! Ồ mà cách nào bác Ba ?

Bác Ba lột cái khăn trên đầu xuống, quấn choàng hầu, rồi thông thả vắn một điệu thuốc gò tổ bố ý chừng để cho tui này tập trung suy nghĩ, rồi mới thông thả kể:

- Có khó gì đâu. Hôm trước trời lụt, rắn hổ kéo nhau lên một cái gò cao. Trời ơi ! Nó nằm lên nhau chồng đống như rọng trong khạp vậy ! Máy con chuột

bò lên nấp mang sách bách cho chúng. Thấy đã quá trời ! Tao về, liền đôn tre, trúc làm cái lợp biệt thự bằng bốn cái lợp bình thường. Tao bắt mấy con chuột, con cóc bỏ ở sau đười lợp, làm mối nhử, rồi chống xuống ra gò đất dây miệng ngay chỗ bầy rắn ở, tao chống xuống lụi ra bờ, ngồi đợi. Nghe hơi mối, nó ngóc đầu lên, khừ khừ hồng thua cạp gừ. Vậy mà hồng con nào nhào vô ráo. Tại sao tụi bầy biết hồn ?

- Sao vậy bác Ba ? Sao vậy ?

- À ! Tại tao chưa mở nắp lợp !

Tụi tụi cười cái rắn ! Lợp có nắp sao bác Ba ? Ở lợp đâu có nắp tao quên ! À mà nó có biết mình gài bẫy, nên nó hồng vô. Chờ hoài thấy hồng chắc ắn, tao tỉnh bỏ về, thì rằng may có con rắn nhỏ chắc là đỏi lằm, bạo dạn bỏ vô. Thấy con kia vô được không mắc bẫy như hồi trước, nên mấy con sau tiếp tục bỏ vô đậy lợp. Chờ con cuối cùng rút vô lợp tao mới dỡ lợp bỏ xuống xuống, chống về ! Chắc mẩm kỳ này, chở ra chợ Cà Mau bán, mua thuốc gò hút xệ môi, ai ngờ, một con rắn chừng năm ký lô vậy đó, nó tổng sút dích lợp bỏ ra rồi nhào tới, phóng vô mình tao tấp cái bóp, dính ngay đáy quần. Hết hồn, hết vía, tao chống sào phóng lên bờ. Ai dè dây lưng tuột, con rắn tiêu luôn cái quần của tao !

Tụi tụi ôm nhau bò ra mà cười, cười đến chảy nước mắt, một lát có đứa các cố nói :

- Rồi làm sao về nhà bác Ba ?

- Tao theo kinh xuống kéo về... lạnh muốn teo !

Hèn gì bữa nay bác đem vô cho tui này có nửa khúc thuốc gò.

21. CÁ TRÈ LUNG TRÀM

Tui dẫn bầy chó săn vô Lung Tràm định lùng thịt, cũng dạo mùa nước rọt này đây. Dưới kinh, cá quẫy ùn ụt, trên rừng chim chóc bay rần rần. Mình muốn kiếm bầy một con nai để mai làm đám kỵ cho bà già vợ, chỗ loại chim cá đó thường quá. Vùng Lung Tràm thuở đó còn đầy choại, dớn với cây tràm, đất trấp phập phều, bởi vậy người ta mới kêu nó là Lung Tràm.

Đã quyết đi vào khu vực có nai, nhưng đến mặt trời lên cao mấy sào, tui vẫn chưa hạ được một chú nào. Bị nhiều bầy săn quần tới lui hoài, nên “bể” hay “đổ” nhanh như gió. Mỗi khi nghe chó vừa đánh hơi sữa lên, tức thì nghe một tiếng “bét” là chỉ còn cách đứng mà ngó theo.

Đến lúc mặt trời gần đứng bóng, người cùng chó đã mệt mỏi, tui mới về lại một góc cây tràm nghỉ mát. Chân bước từ từ, mắt cứ ngó dáo dạt theo mấy con ong mật đang ăn bông trên đọt tràm, bất thần tui đập lên mình một con nai chà đang nằm ngủ. Tui giật mình té ngửa, con nai cũng hoảng hồn nhảy dựng. Nó phóng một cái, đụng nhằm gốc cây to dội lại, té lên mình tui. Sấn cầm cây mác trên mình, tui vớ chân sau

con nai. Khứa một nhát vào nhượng. Còn lại ba chân, con nai cố bươn chạy. Bầy chó thấy vậy đuổi theo. Bị rượt nột quá, con nai chạy giạt vào bìa rừng, phóng xuống Lung Tràm. Bầy chó chia làm hai, ven theo hai mé lung. Con nai lội qua bên này, thì bị lũ chó bên này tấn công, hễ lội qua bên kia thì bị lũ chó bên kia vớ ép. Nó lúng túng, lội qua lội lại mãi... Tội giục chó, vây chặt và ép lần cho con nai lội về hướng nhà mình.

Ra tới ngã ba lung, thấy em tui đặng kia chống xuống lại. Tui kêu tiếp. Thằng em tui chống sào vọt tới ngay bên con nai. Bây giờ con nai còn cố lội lờ đờ, cái đầu trên mặt nước. Thằng em tui với nắm lấy cái chà gạt con nai, lôi mạnh lên xuống. Nhưng trời ơi ! Con nai chỉ còn có cái chùm ruột lòng thông dính ở phía dưới. Té ra nãy giờ nó bị cá trê dưới Lung Tràm bu theo rửa sạch trọi thịt thà, xương xóc. Bầy cá cứ vây lấy con nai mà rửa thịt làm cho con nai cứ trôi lui, trôi tới, vậy mà tui tưởng là con nai còn lội. Thằng em tui kéo lên xuống với xác còn lại của con nai với cả tạ cá trê, con nào con nấy to bằng cườm tay người lớn.

22. CÁ NUÔI

- "Nè nè. Anh em đừng chày cá bổi : Cá bổi ăn không được đâu ! Anh em bộ đội thì tôi thương lắm, mới nói cho mà biết vậy đó. Cá bổi (sặc rần) tui nuôi trong ruộng đất này là loại đặc biệt, chứ không phải nuôi loại thường để bán đâu. Chú em mầy cất chài đi !

Cá bổi phệt của qua coi lớn bằng cái mo quạt vậy, chứ thịt ăn chát ngấm thôi. Vô nhà biểu mấy đứa nhỏ lấy cho vài cân câu cá rô với một cân câu cá lóc ra đây. Đứa bắt cáo cáo, đứa bắt nhái nhót mà câu, mà nháp một hồi ăn chết mệt không hết. Mấy con cá bổi phệt lờ chài lên được đó, thả xuống đĩa lại đi. Thứ cá rô mé của qua hai đứa câu một lát có mà khiêng, chờ quân ngũ nào ăn cho hết, Con nào con nấy bằng bàn tay xòe, da đen trầy, trứng ốc nóc, đuôi đỏ chót, mỡ cứng như mỡ rùa vậy. Còn nói chi đến cá lóc kênh của qua nuôi, con nào mà không mọc hai sợi râu dài cỡ lông tay sắp lên. Chú em mấy nháp lên vài con cá lóc thì biết. Tụi nhỏ xóm này thường lấy vậy cá lóc của qua làm đồng xu để đánh đáo đó. Vì cá của qua có cho ăn nổi dăng hoang mà ! Loại nào cho ăn mỗi nấy. Chú em mấy trông thấy đó ! Vườn qua trồng rặc có ba thứ cây : xoài, cau với dứa. Suốt năm, cây say oằn, cứ để trái rụng xuống cho cá ăn. Cá bổi thì ăn cau tám vun nên thịt nó chát ngấm. Cá rô thì ăn xoài, bởi vậy cá rô thì nấu canh chua không cần bỏ mẻ, dầm me gì đâu. Nè ! Ráng nháp ít con cá lóc mang về tới nấu cháo ăn tám bố nghe. Cả vườn dứa của qua vậy đó, dứa khô cứ rụng xuống mương, rụng bao nhiêu thì cá lóc tấp ăn hết trơn. Bởi vậy thịt cá lóc nấu cháo khỏi phải vắt nước cốt dứa mà ăn cũng béo ngậy.

23. BẮT CÁ KÈO

- Hồi xưa bác cũng có đi bắt cá kèo nữa hả, bác Ba ?

Bác Ba đang cùng với mấy đứa cháu lối xóm ngồi chuyện trò từ trưa tới giờ dưới gốc bụi tre tàu trước nhà. Gió chướng thổi xạc xào cành lá. Ngồi thấy bác Ba có vẻ mệt mỏi, không muốn kể chuyện thêm nữa, thằng Truyền cắc cớ, kiếm chuyện hỏi thêm :

- Ủ ! Cá kèo tao bắt dữ lắm. Có hôm lấy ghe mà chở. Bác Ba trả lời.

- Thiệt vậy hả Bác ? Ủa, mà hồi đấy Bác bắt cá kèo ở đâu vậy ?

Thằng Truyền lại hỏi, vẻ mặt coi bộ nghi ngờ, khó hiểu :

Mấy đứa trẻ khác thì mở trừng mắt nhìn theo mấy ngón tay đang múa may như phù phép của bác.

- Nè, coi tao bắt đây ! Bác Ba đứng dậy trở một ngón tay xuống đất. Tụi con nên nhớ vùng biển Đá Bạc của mình hồi đó vô cho tới tận con kinh Lung Tràm này. Cá kèo lội đặc như bánh canh trong nổi. Nhưng ngày xưa mà, đâu có phương tiện gì nhiều để bắt cá kèo như bây giờ. Chủ yếu là bắt bằng tay thôi. Cũng không phải ai

cũng bắt bằng tay giỏi được như tao. Tụi con coi đây (bác Ba xòe hai bàn tay ra giơ lên) đơn giản như vậy chứ mỗi lần tao thò tay xuống sông rồi giở tay lên và bắt được mười con, mỗi kẻ tay một con, nằm im không vẫy gì được. Cá kẻo coi nó trơn lùì vậy chứ không con nào chạy ra tuột khỏi được tay tao đâu.

Mấy đứa nhỏ ngồi nghe chợt thấy thậ́m ý, bật cười, cái đầu tụi nó gục gặc. Chỉ riêng thằng Thế Truyền không nói, cũng không cười. Nó ngồi yên, chỉ đưa hai bàn tay ra trước mặt, cái miệng nó lép nhép nói gì như đếm thậ́m. Vụt một cái, nó đứng dậy, bước tới, nắm tay áo bác Ba Phi, hỏi :

- Bác mới vừa nói mỗi kẻ tay bác bắt một con. Hai bàn tay có tám kẻ tất cả, vậy làm sao Bác bắt được mười con một lần ???

Không ngờ thằng nhỏ bất ngờ hỏi "trẹo cẳng ngỗng", Bác Ba đờ người một lúc, rồi đưa tay vờ vờ xuống đầu nó để nựng nịu. Bác xuống giọng :

- Đúng, Thế Truyền mày hỏi đúng. Thông thường làm gì bắt được một lúc mười cá kẻo như vậy. Nhưng vì tay tao bắt cá "dính" quá, nên có số cá kẻo định lội tới lội lui, chực sẵn bên ngoài, chờ tao thò bàn tay xuống mỗi lần như vậy, là chúng nó nhào vô hai con một lượt để "dính ké". Nhờ vậy mà mỗi lần tao giở tay lên thì được đến 10 con.

24. SỢ ĐẦU CÁ TRÊ

Ông Tư khẽ đưa tay vuốt chòm râu bạc đang bung trắng trước ngực. Ông say sưa kể tiếp chuyện cái “Sợ đầu cá trê” của bác Ba Phi cho con cháu nghe. Cái búi tóc sau ót của ông từng lúc như cứ nhúc nhích, nhúc nhích :

- Nè... tụi con ngồi yên, đừng chồm tới nữa, để ông kể nữa cho nghe. Nhà bác Ba hồi trước có nuôi bảy heo nái... Ờ... ờ... Chuyện này mấy con nghe chưa ? Số hôm nọ tới ngày Bác bán đàn heo rồi, mà bảy heo đi đâu chẳng thấy héo lánh về. Bà con lồi xóm tới bắt heo con, đứng chờ đông nghẹt, chật cả nhà. Sốt ruột quá, bác Ba lội đi lòng kiếm khắp vườn chẳng thấy.

“Chắc bị cọp ăn hết rồi !”. Bác Ba thất vọng than thở, vừa lê từng bước nặng nhọc trở về nhà.

Vừa bước tới sà nước, bác giật mình thấy vật gì cứ làm nhúc nhích, nhúc nhích cái sợ đầu con cá trê trông hình như cái sợ đầu muốn “bò” đi mà “bò” không được. Trời đất, lại quỷ ma ám ảnh nữa rồi, hay là...

Bà con đứng chờ bắt heo trong nhà nghe tiếng bác Ba kêu, liền chạy ra. Một tốp đứng cầm cây, dao mác vây quanh chục sẵn, số bà con còn lại thì ráp nhau cùng Bác ra khiêng lật ngược sợ đầu con cá trê.

Hồng ngờ, bảy heo con từ trong vù chạy ra. Con heo mẹ vú lòng thông cũng chạy vụt ra theo.

Mọi người mới bật ngửa, cười ồ. Thì ra lúc này, heo nái mẹ dẫn đàn heo con đến sân lảng ủi tìm cái ăn, nhưng nó ủi phá thế nào, làm sọ đầu cá trê của bác Ba lật úp lại nhốt gọn cả bảy heo, cả mẹ lẫn con vào bên trong.

Kể tới đây, Ông Tư đưa lên nắn nắn sửa lại cái búi tóc sau ót. Ông cười hể hể :

- Cái sọ đầu con cá trê của bác Ba thời đó bự cỡ vậy lận đó, các con !

25. TRỨNG RỒNG ĂN XẨM XỊT MÀ HÔI MÙI TRO

Số là hời năm, trời hạn, hạn gì đến lung bầu, đĩa ao... cả xứ này khô hết giọt. Tới tháng tư, tháng năm rồi mà mây trời cứ vẫn vũ hoài, không chịu mưa.

Nhà tui thì có dự bị sẵn hàng trăm mái nước mưa để xài. Súc vật trong nhà tôi đều cho uống bằng nước mưa hết thấy. Thường ngày, tôi múc ba thau nước để dưới bóng mát chỗ bụi tre xiêm trước cửa, cho gà vịt uống.

Bữa đó tui thấy có mấy con rồng bay qua ngó dáo dác để tìm nước làm mưa. Có một con bay sau chót,

vóc dáng coi bé sế, liếc thấy mấy thau nước, coi mời thêm lắm, nó le lưỡi liếm mép. Tui định bụng bắt một con rồng mần thịt ăn chơi. Tui lấy ba sợi dây niệt trâu nối lại; một đầu cột vô bụi tre xiêm, một đầu khoanh cái vòng để trên thau nước. Tui thay ba thau nước mưa thật trong.

Bây rồng đảo lại vòng sau, cái con rồng bé sế đó liền hạ xuống, thọc mỏ vô thau nước, uống liền. Tui để cái vòng dây tròn đúng vô cổ nó, rồi cầm móc chạy ra nạt : "Rồng !". Con rồng hoảng hồn bay lên. Nhưng sao bay được ? Nó lăn lộn, đập đuôi âm âm, lời bụi tre nghiêng ngả.

Con rồng cái đang có chữa. Lúc đó, tôi thấy sợi dây giãn ra kêu rắc rắc. Sợ đứt, tui liền nhào lại, nắm đuôi con rồng, thọc móc vào bụng nó. Tôi quyết lòng hạ nó để lấy thịt nhậu một lần cho biết mà. Bị đau quá cỡ nên con rồng nhào một cái thật mạnh, lọt qua bốn cái trứng, và làm đứt luôn sợi dây. Nó lòi tui bay tuốt lên mây. Chóng mặt quá, tôi buông tay rớt xuống đất, hai chân lún sâu tới háng.

Đến chừng nhổ hai chân lên được, tôi lết tại chỗ bụi tre, lượm bốn trứng rồng đem vô. Trứng nào trứng nấy lớn bằng trái dứa khô vậy. Chiều bữa đó, tui luộc bốn trứng rồng chín, rồi mới chạy kêu lối xóm mời bà con để mỗi người ăn một miếng cho biết. Trứng rồng ăn có ra gì đâu, nó xảm xít mà hơi mùi tro thấy mờ. Không tin hỏi bà thì biết !

26. RỪA U MINH

Đứng sau hè thấy khói lên trong hậu đất, tui lẩm bẩm như vậy rồi bỏ vô nhà. Mới bung chén trà lên hộp một ngậm, thì thằng Sáu hào hểnh chạy qua kêu :

- Bác ba ơi, ai đốt cháy Lung Tràm, rùa bò qua hậu đất bác lểnh nghểnh. Hai bác cháu mình ra ví bắt ít con, chiều rang muối nhậu lai rai chơi !

Nghe nói nhậu rùa rang muối, tui chép nước miếng, lật đật với cái bao bố tời rồi dông theo thằng Sáu liền. Hai bác cháu tôi vừa ra khỏi mé vườn thì thấy từ phía sau Lung Tràm rùa bò qua thật nhanh. Chúng còn ở xa ngoài kia, nhưng dường như thấy tui tui nên nghểnh cổ nhìn. Đi tới chút nữa, bỗng bầy rùa ấy chụm đầu ngay vào phía chúng tôi khẹt lửa. Liên đó, mấy trái đạn ĐK.57 nổ ầm ầm trên đầu. Hai bác cháu tui phóng xuống mương, bươn chạy một bữa muốn phờ râu. Biết sao không ? Xe lội nước chứ rùa gì.

Sau đó không lâu, cũng thấy lửa cháy ven Lung vậy. Cũng thằng Sáu hào hểnh qua, kêu :

- Bác Ba ơi ! Xe lội nước đốt sậy, tràn qua tới hậu đất rồi kìa. Chạy trốn mau đi !

Hai bác cháu tôi chạy một mạch qua tới Lung Bùn, chém vè cho tới chiều. Về chưa tới nhà, thì thằng Ba

Lùn chặn lại rú vô nhà nhậu thịt rùa rang muối. Nó bảo là hồi trưa nó đốt gang sậy ven Lung Trám, bắt được vài chục con rùa. Nó còn nói có mấy con bò qua hậu đất tui, bắt không được. Nghe nói mà tui tiếc hùi hụi. Hồi trưa thấy bầy rùa bò đó mà tưởng đâu xe lội nước, bỏ chạy trốn. Thiệt tức !

Lại một lần sau nữa cũng thấy lửa cháy gang sậy, cũng thằng Sáu chạy qua kêu :

- Bác Ba ơi ! Lần này đón bắt rùa thiệt đó.

Hai Bác cháu tui cảnh giác, đứng núp trong bờ chuối nhìn ra. Tụi tui thấy từ xa những chấm đen đang động đậy, nhích dần về phía mình. Thằng Sáu dợm chạy ra bắt.

Tui nắm tay nó, kéo lại :

- Chết mẹ ! Xe lội nước !

Xe lội nước thiệt. Chúng căng thành hàng ngang chạy ngay qua. Hai bác cháu tôi chạy một mạch qua Lung Bùn, chém về vô đám nga. Hai đứa chia ra hai chỗ. Trốn trong con lung này đầy sinh lầy, xe lội nước khó mà càn vô được.

Tui nằm chờ co ro trong một lùm nga, nghe tiếng xe chạy rù rù êm tai làm cơn buồn ngủ kéo ghì sụp mí mắt xuống. Trong mơ mơ màng màng, tôi nghe xa xa có tiếng lửa cháy, sậy nổ rộp rộp, gần gần có tiếng rùa bò qua sột soạt. Trước mắt tui, chập chờn hình ảnh những con rùa vừa bò ngang vừa ngóng cổ lên

như nòng súng ĐK trên mui xe lội nước. Lại tốp rùa phía sau lội tới nữa, tới nữa. Rùa nhả lửa, khát đạn âm âm, rùa rùa... Có một con cò đến bên chân tui, thở phì phò, phì phò... Tui cứ nằm im nói thầm trong bụng : Kệ cha mày, đừng gạt tao chạy ra bắt, để rồi gặp xe lội nước nữa. Nhưng con rùa đó thật kỳ cục, cứ nhắm chân tui mà bò lên, mà thở phì phò nóng hổi. Hơi thở của nó hôi xăng tanh rình. Người ta nói không thèm bắt rồi mà cứ ửi ửi vào chân mãi. Tui nổi xung, tống cho nó một đạp thật mạnh. Con rùa bỗng văng lên khỏi đọt nga, rớt trái ra giữa lung bùn một cái rùm, nước văng trắng dĩa. Tui giựt mình tỉnh dậy, vì bàn chân tui đau điếng. Đang ngồi xoa bóp, bỗng nghe ai bò xột xoạt lại gần. Thằng Sáu ! Nó đến sát bên tai, thì thào :

- Chết rồi Bác Ba ơi ! Tính sao bây giờ ? Có một chiếc xe lội nước đang bò ngay vô chỗ này, bỗng nhiên nó lại văng bắn, lộn nhào ra giữa lung. Nó còn nằm ngửa bơi bơi hai sợi dây xích ngược lên trời như hai con cuốn chiếu lật ngược vậy đó.

27. CÁCH BẮT KỲ ĐÀ SỐNG

Nên biết là giống kỳ đà thích ở trong bọng cây. Hễ động động là chúng chun trốn, có trời mà kéo ra. Bốn chân nó giương móng thật sắc, bầu cứng vào bọng

cây, nắm đuôi kéo ra chỉ có nước là đứt ngang mà thôi. Cách duy nhất là muốn bắt được kỳ đà chun trong bông cây thì phải dẫn khúc đuôi cho nhừ ra, rồi lấy gừng thật cay đắp vô, chừng đó nó tự nhiên lũ riệt gân cốt, tuột ra thôi.

Vùng này có rất nhiều loại cây lớn mà bông ruột như cây cuôi, tràm, trâm... Kỳ đà về bao nhiêu cũng đủ chỗ để chun trốn. Mấy vạn săn Sông Đốc, Đường Ranh thấy đều thúc thủ vô mưu. Riêng tui, đâu có chịu thua một cách dễ dàng. Thấy kỳ đà về mỗi lúc một nhiều, tui đến tận chỗ nghiên cứu mấy ngày nghĩ ra cách bắt chúng.

Đã nắm được chỗ yếu của nó rồi, tui về làm bẫy cò ke, gài bắt sống độ vài chục con; loại kỳ đà đực, thứ chạy giỏi nhứt. Mỗi con tui buộc vô chót đuôi một củ gừng thật già, rồi cứ thả cho nó về nhập bầy. Chờ lúc chúng kéo nhau ra đi ăn, tui mới dắt chó tràn đến rượt, chí tử. Lũ kỳ đà chạy về chỗ trú, chun hết vô bông cây. Một bông cây lớn chúng chun vô mấy chục con. Mỗi cây còn có một con ló đuôi ra, vì nó chạy sau chót. Tui sai bầy trẻ bắt ong vò vẽ cho chích vào khúc đuôi của con sau chót ló ra ngoài đó. Con kỳ đà bị ong chích đuôi đau quá, nên nghiêng rãng chịu đựng. Nó nghiêng nằm chót đuôi con trên. Con bị bạn nhai đuôi đau quá, nên cũng nghiêng rãng chịu, lại nghiêng vào chót đuôi con trên nữa. Cứ như vậy chúng bắt từ dưới nhai đuôi nhau vằn công dài lên. Lên tới con trên hết, con kỳ đà đực mà tui có buộc vào

một cục gừng đó. Nó bị bạn nhai vào cục gừng. Rồi con nhai cục gừng, bị cay quá nên chảy nước miếng ra, con kể dưới nhằm phải nước miếng cay; cũng bắt đầu chảy nước miếng dài xuống như vậy. Nước miếng có chất gừng ấy chảy dài xuống, tự thấm vào đuôi chúng, và chúng tự rũ riệt gân cốt mà tuột ra khỏi bong cây. Chúng đó mình mặc sức bẻ móng, rút gân, trói kẻ chúng, chở đem đi chợ bán.

28. CÁCH BẮT KỶ ĐÀ CHẾT

Giống kỳ đà ở rừng U Minh coi chạy như gà con, vậy chở không dễ gì bắt nó đâu. Một là chúng nhảy xuống sông lặn một hơi tới chiều chẳng chịu nổi lên, hai là có động, chúng chạy một cái rẹt, lẹ đến nỗi có một lần, con trước dừng lại, con sau ngon trốn lao tới, đuôi con trước đâm vô họng con sau một cái trở ra lỗ đít.

Tui nghĩ ra một cách. Rủ dưỡng Tư nó vác ván ngựa ra chận trong rừng xa xa, ngoài mé ruộng thì kéo bảy tám con trâu chết bỏ đó làm mồi nhử chúng. Bọn chúng xuất rừng, từng bầy, bò lợm thộm ra, đến bên những xác trâu chết, chúng chia nhau từng tốp mà ăn quỳnh quáng. Tụi tui dẫn bầy chó săn phục kích sẵn ở mấy lùm sậy gần đó, chờ cho chúng ăn thật no nê rồi mới nhảy ra. Dưỡng Tư nó nạt : "Kỳ đà !" Bầy chó ùa tới. Bọn kỳ đà trực nhìn thấy, liền hè nhau mang cái

bụng ột ột đâm đầu chạy ngay vô rừng. Chúng chạy đến nỗi mưa vãi thịt trâu ra. Tụi tui cứ ở sau đuôi mà rà tới. Chúng chạy hàng ngang như sợi chỉ giăng, đuôi con nào cũng ngay bằng lại sau như cây chìa. Lúc rượt sâu vô mé rừng, tui nghe con chạy trước đâm đầu vô tấm ván ngựa mình đã chắn sẵn, nghe cái bụp. Tức thì nghe một tiếng “rộ ... t” kéo dài phía sau. Từng hàng dọc kỳ đà thúc sát nhau như một khúc cây nằm dài; vì đuôi con này đâm vô hông con kia thối ra đít hết thấy. Một “khúc cây” kỳ đà như vậy đến mấy chục con. Chừng đó mình mặc sức mà về nhà đánh trâu ra cột kỳ đà về.

29. BẮT HEO RỪNG

Hồi đó, ở cặp theo mé rừng U Minh này, có làm ruộng nương, rẫy bái gì được đâu ! Heo rừng ngày đêm kéo từng bầy ra phá phách chịu không nổi. Những con heo nọc chiếc lớn như con bò, đi ra tới xóm, rượt nhảy đực heo nái nuôi trong nhà. Heo đẻ ra con nào mình mấy cũng sọc dưa, mỡ nhọn thon thon.

Năm đó, tui có trồng mười công khoai lang với khoai môn. Khoai trúng thôi là trúng. Khoai lang lá mướt rướt như thoa mỡ, đọt bò vượt vượt. Còn khoai môn, tui con nít ngắt mấy lá lớn thả lạt ngựa dưới kinh,

làm xuống bơi qua bơi lại. Vậy mà chỉ trong vòng một đêm thôi, tui mắc công chuyện phải đi sông Ông Đốc, mười công khoai bị heo ăn sạch bách. Ra thăm rẫy, tui thấy mà buồn ghê. Heo lớn, heo nhỏ gì cũng ủi lút nửa con xuống đất để ăn củ khoai. Tức bụng quá, tui chạy tuốt về nhà lấy cây mác vót ra. Cây mác của tôi bén như nước. Tui đi nhẹ nhẹ, cửa cho mỗi con một mác vào lưng, cửa xong, tôi vỗ tay nạt lớn : "Heo !" Ôi là trời! Bầy heo giật mình nhẩy dựng lên, định tốc chạy. Nhưng nào có dễ đâu. Giống heo rừng xương sống ngay đơ như cây đòn gánh, hễ con nào phóng mạnh một cái là sụm xuống ngay.

Tui kêu bà vợ chồng xuống ra, chở về xẻ thịt, đem đi bán. Mùa đó tui bán thịt heo rừng lấy tiền lại lời gấp mấy lần mười công khoai bị chúng ăn.

30. CON TRĂN... RỒNG

Mùa nước năm đó, có một đêm trời mưa bão làm đổ ổ qua ngoài cây tràm một. Lũ cò, diệc bị gió đánh rơi lướt khướt, rã cánh té đầy đường. Ở những lùm cây rậm, loài dơi quạ đeo thành đùm bằng cái thùng thiếc, sát vào các nhánh cây. Rừng tràm U Minh đêm đó nổi sóng ì ùm không thua gì sóng biển. Vợ chồng con cái

tui ngủ trên túp chòi có sàn gác, bị giông đẩy đưa tự như ngồi xuống nan trên biển.

Độ nửa đêm, tui nghe bên dưới sàn gác có tiếng động ở gần những bụi chung quanh. Chuyện đó thì cũng chẳng có gì là lạ. Thường những đêm mưa giông như vậy, lũ thú rừng bị ướt ổ, lạnh, đâm ra quạu, cắn lộn với nhau kêu âm lên.

Đến sáng thiệt mặt, dưỡng Tư nó từ đằng nhà mang một cái giỏ trên vai đi lượm cở rớt, dài dài lại nhà tui. Tui thì còn ngồi co ro trên sàn gác, chưa chịu dậy. Đang ngồi bập bập điều thuốc, tui bỗng nghe tiếng dưỡng Tư nó la bài hải bên dưới ?

- Trời đất quỷ thần ơi ! Cái con gì dị hợm kỳ đời, anh Ba ơi !

Tui lật đật vớ cây mác thông, tuột xuống thang gác, chạy tới xem. Là tay thợ rừng đã từng sành sỏi, nhìn con vật đó, tôi cũng phải bí lù, không thể hiểu nổi là giống vật gì. Cái mình là mình con trăn, nhưng trăn sao đầu lại có sừng ? Cái đầu là đầu con rồng, nhưng tại sao rồng gì lại không chân mà tiếng kêu nghe "bét bét" ?

Con vật bắt đầu bò đi. Mình nó lảng ngời, sông ống, đầu nó có sừng chà chôm, cổ nghểnh lên, miệng cứ kêu "bét bét". Tui đặt tên đại nó là con trăn rồng. Nhưng dưỡng Tư nó không chịu, dưỡng bảo là con trăn

gắm vừa nuốt một con nai, đầu nai còn ló ra ngoài, nên nhìn thấy nó lạ lùng như vậy.

Con trần rỗng ấy cứ bò rới, nghênh cổ, quơ sừng, kêu bét bét.

31. DẦU MỠ RẮN

Mấy chủ coi kỹ lại đi, có phải là dầu hôi đâu ? Dầu mỡ rắn đó đa ! Hồi năm đến giờ tôi lấy về chứa để thắp đèn măng xông, đèn tọa đàng, đèn ống khói, đèn con cóc, đèn khí đá... Ủa quên, đèn khí đá thì không phải, tôi thắp toàn bằng dầu mỡ rắn.

Số là vào mùa nước chum năn đó, tôi chống xuống, chở bầy chó đi săn. Con chó cái Nô của tui với tám con của nó đã phát thịt, nên rất hăng. Lũ chó ngồi trước mũi xuống, còn tui chống đứng phía sau, cây mác thông để cặp bên chân. Vô rừng sâu một đôi, chín con chó bắt hơi thịt, ngoắt đuôi, tai đảo tới, mũi khịt khịt. Rồi cả bầy phóng lên bờ, đuổi ào ào vào rừng. Nhưng chỉ lát sau, bầy chó chạy bò cản trở lại, la oảng oảng, vãi cứt vãi đáí... Tui nghe cây rừng bị quật ào ào, gãy rộp rộp như một cơn bão lửa tới. Trục nhìn lên tôi thấy con một con rắn hổ mây lớn thôi là lớn, nó đang rượt đuổi, toan nuốt trọn bầy chó. Tui vội chụp cây mác, định nhảy lên cứu bầy chó, nhưng không kịp

nữa. Con rắn đã nuốt hết sạch chín con chó, và nó đang lé mắt nhìn tôi, đầu nghênh lên cao hơn đọt cây, hai hàm răng chom chồm, trệu qua trệu lại. Con rắn nhìn tôi, nháy nháp cặp mắt hình như nó muốn mỉm cười. Hoảng quá, tôi vội chụp cái bao bố tời để gắn bên, đội lên đầu. Con rắn phóng tới. Tui trịch ngang. Nó mổ xuống, ngoạm nhằm cái bao, nhai nhai. Lợi dụng lúc con rắn còn lo rầy cho cái bao văng ra khỏi miệng, tôi liền nhanh tay lật úp chiếc xuống lại, nằm gọn bên trong. Tui liền dựng đứng cây móc thông lên, thủ thế. Tui nghe chiếc xuống rung lên bần bật và chuyển mình lún dần xuống. Rõ ràng là con rắn chụp hụt tui, nên bò đại lên đáy xuống. Chiếc xuống lún mạnh xuống, mũi móc đâm thấu đáy xuống, trở lên trên. Bỗng nghe một tiếng “re ... rẹt”, chiếc xuống liền phình lên. Biết là con rắn đã bò qua khỏi, tui chui ra, lật ngửa chiếc xuống lại. Nghe bây chó kêu hực hực, ngó lại tui thấy còn đủ chín con, nhưng mình mấy chúng dính đầy nhớt nhao, bọt bèo. Và trên mặt nước, thứ gì trắng trắng nổi lều bều như xăng đặc. Nhìn xa đằng kia, tui thấy con rắn bò đi cái đầu lắc la lắc lư. Như vậy là lúc mũi móc của tui đâm lủng đáy xuống thì cũng là lúc con rắn bò ngang, nên bụng nó bị mũi móc rạch cho đổ mỡ, và tuôn chó ra như vậy. Tui vội vã kêu bà vợ mang thùng và lu ra vớt hết mỡ rắn nổi lênh bênh trên mặt nước. Không kể phần cho hàng xóm, tui thắng mỡ ấy để dành thắp đèn suốt mấy năm mới hết.

32. CON KHỈ BIẾT MẨN RUỘNG

Hồi mới về Lung Tràm khai hoang mần ruộng, vợ chồng tui bắt được một con khỉ con. Dem về nhà nuôi được một thời gian thì thấy nó lớn nhanh lạ thường lại khôn ngoan. Hễ mình làm gì mà nó thấy được là kể như không sớm thì muộn nó cũng sẽ làm theo. Chỉ có điều khỉ ở dơ, làm biếng tắm quá mà tui đâm ra không ưa. Bữa nọ, sắp có khách đến nhà chơi đông, tui bày tiệc mần thịt khỉ để chiêu đãi anh em một bữa.

Bạn bè cùng sáp vô, mỗi người một việc làm cho mau : đưa thì xắt sả, nạo dưa, đưa chẻ củi, bắc nước sôi... Tới lúc tui đem con khỉ ra chuẩn bị đập đầu, nhúng nước sôi cạo lông thì "sự đời" lại đổi khác : Con khỉ khôn gần như người, chỉ khác là nó không biết nói. Biết mình sắp chết, nó mới gạt nước mắt qua bên, vừa quì xuống, chấp hai tay lạy tui ba lạy "tạ từ" và xin được mạng sống. Lúc đó, mọi người xung quanh có mặt đầy đủ, ai thấy cũng cảm động. Riêng già Ba Quế thì giựt búa trong tay tui lại, nói :

- Thấy tội quá ! Thương cho nó quá. Thôi, đừng giết anh Ba à ! Thiếu gì thứ khác để mình ăn !

Ai cũng can ngăn, mỗi người cần nói một câu gần giống như nhau xiêu lòng, tui đành hạ tay xuống búa

xuống, mở dây trói, thả con khỉ ra. Con khỉ mừng quýnh, chùi nước mắt, từ đó đến sau, tui cứ mần cái gì là con khỉ để ý cái nấy, làm theo được cả. Giống khỉ học nghề mau thiệt. Rồi, tui đi đâu nó cũng lót lót theo sau, và làm như người : phát đất, cấy, cày, nhổ mạ, vác lúa... Nhờ có nó mà từ đó tui đỡ buồn, và cũng đỡ cực. Chẳng hạn như phát đất mần ruộng, hai người phát một công là giỏi rồi, vì đất toàn cỏ sắc lẫn cỏ lùn, bò lút đầu. Còn tui với khỉ thì phát được hai công, mà lại rồi sớm hơn người ta.

Khỉ còn hay hơn tui ở chỗ nó mài phảng bén thấy sợ, không ai mài bằng; thành ra con khỉ phát “lát chém” không, ngoèo cỏ một lần ngập cù nèo. Tui thì quen phát “lát tạ”, nên khó theo kịp nó quá. Với lại lúc mệt, tui hay hút thuốc, bà con ai cũng nghỉ hút thuốc. Con khỉ nhà tui thì đời nào. Có một bữa trời mưa lạnh, già Ba Quế thấy vậy, vắn thử điều thuốc gò, rồi bập bập đốt đưa cho nó hút. Con khỉ lắc đầu, xòe bàn tay ra trước mặt ngăn lại. Già Ba Quế thấy “tức” trong bụng lắm, nhưng không sao bỏ thuốc, phát theo kịp nó được. Còn khi khỉ cầm tay cày đất thì hết chỗ nói. Đường cày của nó thẳng băng, đường nào ra đường nấy, thành thử mấy con trâu của tui rất mê. Nhưng có điều này, nhổ mạ thì khỉ bằng tui với già Ba Quế. Bởi lẽ bàn chân của nó nhỏ thó. Đứng dưới đất bùn không vững lắm, nên mỗi lần đưa mạ lên đập thì dễ té ngửa, sinh bùn dính đầy đầu cổ, mặt mày. Mạ của khỉ nhổ cũng không được sạch, gốc rễ gần như còn dính

nguyên bùn đất. Bởi vậy mà mỗi lần vào mùa, vợ chồng tui rất khó kêu công cấy, ít ai vui vẻ chịu cấy cho tui, dù giá mướn có cao đến cỡ nào. Mà nếu có chịu cấy đi nữa bà con cũng phải hỏi gạo là mạ bác nhỏ, hay khỉ nhỏ vậy ?

Mà nghĩ cho cùng, khỉ hỏi đó đâu có đưa tay gãi đầu hay mần mò, ngoèo móc dít thường như khỉ bây giờ. Cũng tại tui thôi. Lần ấy tui lấy được tổ ong mật đem về đựng gần đây một mái mật mà quên đây nắp. Buổi trưa, con khỉ đi cấy về, mừng quá, nó nhảy tót chuyền qua chuyền lại trên mấy cây xiên nhà, rồi trật tay té xuống nằm trọn lỏn trong mái mật ong, làm cho mật dính cả dít khu, đầu cổ. Từ đó kiến bu vô mình cắn nó hoài không ngớt, làm cho con khỉ phải mần mò từ đầu tóc, đến dít, lâu ngày rồi thành "tật" cho tới bây giờ !

33. KHỈ ĐI PHÁT CỎ RUỘNG

Hồi mới khai phá vùng này, khỉ nhiều vô kể. Mỗi bấy đông tới hàng trăm con, con lớn bằng đứa trẻ lên bốn, lên năm, chúng phá ác lắm. Tui trồng được thứ gì là nó vặt trội thứ đó. Năm nọ, tui trồng rẫy khoai rộng lắm. Tới chừng có củ, nó móc ăn sạch sành sanh. Tức mình quá, tui tìm kế trị chúng một trận cho tởn.

Suy nghĩ hoài mà chưa có cách, giống khỉ khôn có hạn, đâu phải dễ dàng gì gạt được nó. Một hôm, nghĩ ra một kế. Cứ mỗi lần đi làm ruộng là nó bu lại ngồi trên đọt tràm dòm ngó. Tui chợt hiểu ra : À ! Đám này là chúa bắt chước. Vậy là tới bờ, tui kéo xuống lên, múc nước trong xuống uống, rồi rửa mặt. Nước trong xuống tui pha mật ong ngọt lịm. Khi về, tui lội bộ, giả bộ bỏ quên xuống. Vẳng người, bọn khỉ xuống vừa uống vừa tắm đã đời. Cầm đầu có một con khỉ đọt, đứng tới ngực. Nó khôn lắm, mấy lần đầu, nó đâu có chịu xuống. Thấy bầy khỉ con ăn, tắm đã đời, nó bèn mon men xuống làm thử; thấy êm re không có sao hết. Vậy là nó vô khâu. Tui mới làm cái bẫy trong xuống, con nào nặng tới năm mười kí mới bị sập. Cho nên thấy khỉ con bò qua đâu có sao, còn nó nhào xuống thì bẫy sập. Bắt được nó về, tui đâu cho ở không, tui bắt nó đi phát ruộng. Cũng phăng, cù nèo đàng hoàng. Nó phát giỏi lắm, tui rồi một công thì nó cũng xong một công.

- Vậy đám khỉ con đâu hết rồi bác Ba ? Có người hỏi.

- Ồ, thấy chúa tể bị tao xiềng, lại bắt làm ruộng, lũ nhỏ tổn ông tổn cha nó, chừng nào mới dám tới, dám quậy nữa. Nói cho ngay, hồi đó khỉ chỉ mới có bắt chước thôi, chớ tay chân đâu có khều móc, chụp giựt như bây giờ. Tụi bây biết tại sao không ?

Thấy lớp trẻ ngỡ ngác, bác Ba phì cười :

- Thì tại nó tắm ba cái mặt ong mà tao gạt chúng đó. Lâu ngày dài tháng, mặt dính vô lông, đi tới đâu kiến bu theo tới đó, ngồi đâu có yên, chúng quào móc riết thành tật, tới bây giờ làm sao sửa được.

34. KHỈ ĐI PHÁT CỎ RUỘNG (tiếp)

Thường ngày bác Ba đi phát, thì xách theo mo cơm với đồ ăn và cái ấm đựng nước uống. Bác ăn thứ gì, thì cho con khỉ ăn thứ đó. Vậy mà bữa nọ bác quên phút chuyện đem cơm ăn làm buổi đứng, thành thử bác gái phải đem cơm ra ruộng.

Cơm nước xong, thấy trời nắng gắt, hai bác mới kéo nhau vô lùm cây ngả lưng tránh nắng. Thấy bác trai mần cực khổ, bác gái thương tình âu yếm. Bác trai nằm trong lòng cho bác gái nhổ tóc bạc chơi. Ngó ngoài đồng hoang vắng, gió mát, trời trong, bác trai động lòng phàm tục. Tới chừng ngó lại thấy con khỉ dòm lom lom, bác gái mắc cỡ rửa yêu :

- Đồ quỷ, làm ăn gì bất nhân quá, hông sợ con cháu nó cười.

- Cười cái con khỉ ! Bác Ba quay qua bỗng thấy con khỉ ngồi nhẩn răng cười thiệt.

Chiều về, cơm nước xong bác Ba bắc ghế ra sân hóng mát, thì con khỉ bỗng biết kêu : Chí ! chí !

Bác Ba trực nhớ chuyện hồi trưa, sợ lộ nên đưa đầu cho con khỉ bắt chí. Từ đó nó truyền nghề cho con cháu sau này.

Ở với người riết rồi con khỉ học được chuyện nói tiếng người. Một hôm nó hỏi bác Ba :

- Tại sao con sáo bác nuôi mà không nhốt trong lồng, còn nó thì luôn luôn bị xiềng xích ?

Nghe nó hỏi, bác Ba cũng bí rì. Mà thiệt tình là như vậy. Con khỉ thì đi làm đúng buổi với bác, còn con sáo thì ở nhà chơi nhông nhổng suốt ngày, lại còn được bác hái ớt hiểm cho ăn, bắt cả cào cào bỏ vô keo, đem về đút từng con cho nó. Bác Ba suy nghĩ một lát rồi trả lời :

- Tại vì nó biết bắt chước, mà không thấy sao ? Mỗi lần tao đi làm về, nó đều nói theo sắp nhỏ : “Hoan hô bác Ba” !

Nó chỉ bắt chước chuyện người ta nói, còn mày thì lại bắt chước chuyện người ta làm. Tao phát cỏ thì mày phát; tao cấy thì mày cấy. Ở đời bắt chước người ta nói thì được. Ví như, tao đi làm về đang mệt mà nghe nói “Hoan hô bác Ba” thì còn đã hơn đi lên cung trăng. Còn mày mà lỡ sút xiềng ra, mày bắt chước tao... thì có nước tao vọt xuống sông, đội lỵc bình !

Nhớ chuyện cũ, con khỉ ôm bụng cười lăn cho đến đứt ruột mà chết. Nó chết nhăn răng, thế mà bác Ba tưởng nó đang cười. Tới chừng quau quá, bác lấy chân đá cho nó một cái, mới hay là nó đã chết tự hồi nào.

Còn con sáo, không biết đứa nào cắt cổ dạy cho nó nói tầm bậy. Lần ấy, bác Ba đi làm về mệt, bác không nghe nó nói "Hoan hô bác Ba" như mọi bữa nữa, mà thay bằng một câu khác. Nó vừa nói lên mấy tiếng "Bác Ba lầy...", thì bỗng đâu con mèo từ xa nhảy đến, chụp cái rẹt, cắn cổ con sáo, tha tuốt lên nóc nhà.

Bác Ba lấy chiếc khăn rằn, lau mồ hôi trán, thở phào nhẹ nhõm.

35. HEO ĐI CÀY

Nhà tui không nuôi bò, chỉ có một bầy heo với một bầy trâu. Đứng trong nhà dòm ra, thì chuồng trâu ở phía tay trái, chuồng heo ở phía tay mặt. Xứ này, vào ban đêm là muỗi kêu như sáo thổi, trâu hay heo gì cũng phải căng mừng cho nó ngủ cả.

Mùa cày năm đó, mưa chụp xuống hơi sớm, nên tôi phải riết cày ba đám ruộng kéo ngập nước mắt. Cứ vậy, tui cày xong buổi, thì thả bung ba con trâu ra cho bà nhà làm gì thì làm. Đầu canh năm, bả kêu tôi thức dậy mở chuồng, lùa trâu ra ruộng tiếp tục cày nữa. Tôi

chỉ để ý một điều là lúc nằm ngủ phải quay đầu vô vách, để khi giật mình thức dậy đứng lên, đi ngay ra mở chuồng trâu phía tay trái, rồi ùa đi.

Trâu nhà tui có con đực pháo và con cái chim là cặp hay nhứt. Giống trâu "phồn", mạnh vô cùng. Vai ngang, bụng thắt, mông to, đi bền hết kể. Một đêm mới đầu canh năm là tui lừa trâu ra ruộng, gác ách, cày. Trời còn tối nhìn hai con trâu bữa nay kéo cày, tui lầy làm lạ. Hồi lừa ra thì chúng chạy lúp xúp, đến chừng cày, chúng lại kéo đi vù vù, hăng hái vô cùng. Tui đánh trâu cày tới sáng. Khoảnh đất một mẫu tây đã khoan được hơn bảy vòng nông. Nhưng mặt trời càng lên, cặp trâu càng đi chậm. Tui cứ cầm cày, mắt ngó xuống đường miệng la : "ví vô pháo ! thá ra chim", tay thì quất roi tới tới. Lạ đời ! chẳng những hai con trâu chẳng nghe ví thá gì, mà miệng cứ thở hồng hộc, bước đi lệch bệt đến nổi muỗi mòng cắn vàng dít mà chúng cứ ngoay ngoáy cái đuôi một khúc cụt ngắn, chớ không chịu thò ra quơ đập như mọi ngày.

Cày thêm một lúc nữa, hai con vật nằm ì ra, tui nổi giận đánh con bên này một roi thật mạnh, nó la "ét" một tiếng. Đánh con bên kia nó cũng la "ét ét" như vậy.

Đến chừng khi nhìn kỹ lại, tui mới bật ngửa ra, hồi hôm, vì vợ tôi sửa cái chõng ngủ ngược đầu, trước khi đi ngủ, nên quên để ý.

Đến chừng nghe bả kêu, tui mắt nhắm mắt mở bật dậy, tui cứ đi ngay ra nhà mở chuồng phía tay trái như mọi bữa. Ai ngờ lại mở lộn nhầm chuồng heo...

36. LÚA NỞ NGẦM

Năm đó, ruộng vừa cấy xong là trời chợp mưa xuống lu bù suốt nửa tháng liền, mấy cánh đồng như Lung Tràm, Kinh Ngang nước lên mênh mông lai láng. Ban ngày gió nổi, sóng bể có vôi. Đồng lúa mới cấy, ngập lụt mất tăm. Trên mặt ruộng, chỉ còn số ít loại cây diên điển trở bông vàng lơ thơ. Đêm đêm bầy cúm núp phải đậu trên ngọn cây sậy mà gù. Tiếng "cum cum" – "cóc cóc" trải vắng trên mặt nước đồng nghe mà nẫu ruột ! Thôi thì ai cũng tính mùa ruộng năm nay đi theo bà thủy hết rồi, nên kẻ thì mua trúc về đan lờ, người thì đốn tre vôi, cắt tróm định làm nghề bắt lươn kiếm ăn. Tui thì ngồi khoanh tay rế, than vắn thở dài với vợ con mà chịu trận.

Qua đợt mưa dai dẳng, nắng bắt đầu tốt lại. Tui lủi thủi chống xuống đi thăm ruộng. Thì thăm cho nó chừng vậy, chớ còn gì nữa mà mong ! Đồng nước như biển, sóng ba đào, lúa thóc nào mà còn cho được ?

Lạ thay, lúc tui chống xuống ra tới giữa đất, thì bỗng thấy nhiều đóm gì trắng trắng đang loi nhoi đàng

xa. Chổng rút lại, tui coi kỹ. A ! Những con chàng bè ! Tại sao chúng bị mắc kẹt đầu dưới nước, hai cẳng chổng lên và chòi đập chơi với vậy ? Lấy làm lạ, tui nhảy ùm xuống, mò coi. Úy trời đất thánh thần ơi ! Ruộng lúa còn sống nhăn ! Lúa đang nở ngậm dưới đáy nước. Lúa chuyển mình nở nghe rào rào ! Những con chàng bè này mò cá ăn thụt đầu mò vô gốc lúa bị lúa nở mắc kẹt, không rút lên nổi. Khoái quá, tui chổng xuống đi "nhổ" chàng bè. Tui "nhổ" một lát, trối bỏ đầy nhóc xuống be tám. Chổng xuống về nhà, tui cho bả hay, bảo ngày mai cắt tranh ra mà bó ba cái lúa đang nở ngậm lại, kéo để đến mùa nó lớp hết.

37. NẾP DÈO

Hồi năm tui có cấy một công nếp cò hương, thứ nếp thật rất, hột sưng óng, tròng bần. Giống nếp này cấy ở miệt đất Tháp Mười, U Minh mới khai phá thường rất trúng. Mỗi công từ hai mươi lăm gạ sắp lên.

Nhân ngày đám giỗ ông già vợ tui, bả xay mấy gạ để xài. Chị em lồi xóm xúm lại phụ, gói nào bánh ít, bánh tét. Bữa sau, bọn con trai, con gái cũng quây quần đến che rạp, làm heo, làm gà, bữa củi, xách nước... Ai công nào việc nấy. Chỉ có mấy lão già tụi tui

không việc làm, ngồi khể khà uống trà, ăn bánh mà tán dóc.

- Nghe nói nếp của anh dẻo đặc biệt, để ăn thử. Nếp dẻo hơn nếp Nàng Bè của tui, qua năm cho đổi vài gia làm giống anh Ba hả ?

Nghe anh bạn già Hai Móm nói vậy, tui cười, hát mặt bảo :

- Thì cứ lột một cái bánh ít mà ăn thử !

Già Hai Móm lấy một cái bánh loại mình ngọt, nhân trắng, lột ra, lूम trọn lỏn vô miệng. Tui dòm chừng hoài mà chẳng thấy chả nói gì. Chả cứ cắn cứng, nheo mắt, gục gặt cái đầu mà “ngậm nghe”. Một lúc lâu, tui tức quá, với lấy một cái mình trắng nhân ngọt, rồi cũng lột ra định ăn thử. Nhưng bột nếp dính dẻo trong lá quá chừng, nên gỡ không ra. Tui bực mình, rẩy mạnh một cái, chiếc bánh ít văng bỗng lên, dính vào cây xiên nhà. Con chó của tôi đứng chực hờ từ nãy giờ, thấy vật nhảy phóc lên tấp liền. Chẳng ngờ nếp dẻo quá hai hàm răng con chó dính cứng trong bánh ít, thân thể nó bị treo tòn ten trên cây xiên nhà.

38. CĂN BỆNH DA CỔ CỦA TÔI

Coi vậy chớ da cổ tôi không phải là lang beng, hay trở đổi mỗi gì đâu nghe !

Số là hồi đó đất U Minh này còn cao, về mùa mưa, nước rừng đổ ra cuộn cuộn, màu đỏ thẫm như nước trà. Các kênh rạch nhỏ uốn éo tuôn nước ra sông Ông Đốc. Sông Ông Đốc đổ nước ra biển.

Thuở ấy, hai bên bờ sông Ông Đốc là rừng dừa nước ken nhau chạy một mạch tới gần mé biển, rồi như giạt mình dừng lại chơi với... Con sông có chỗ rộng tới ba trăm mét. Đã nói con sông nước chảy mạnh như một con rắn nằm đập đuôi, nên ban đêm nhìn vào cọc cừ nào cũng thấy chất lân tinh ánh lên từng bụng sáng lòa. Con nước ròng xuống, những hàng cột đá quạt âm âm, dây kềm chằng trên đầu cột đá gió rung kêu o... o... Xuống đi đường, có dịp thả xuôi nước, qua ngang những rặng đá nghe đánh vào một cái mà phát chóng mặt.

Lần đó, tui cùng dựng Tư nó chèo chiếc ghe cà dom đi chợ Cà Mau mua ít xi măng về xài. Lỡ con nước, tui tui phải về con nước ròng đêm. Tui ở phía sau kềm lái, thả theo chiều nước xuôi băng băng. Đêm

tối đen như mực, tôi cứ nghểnh cổ nhìn theo làng sáng sáng trên trời mà lái theo đó.

Ghe đang lao tới vun vút, tôi bỗng nghe dưỡng Tư nó ngồi trước la : “Coi chừng gạt !”. Tức thì tai tui nghe cái “vèo”, thân thể nhẹ bỗng, ghe lũi tuốt lên mé bờ. Dưỡng Tư nó la bài hãi, tui tức quá, trả lời :

- Tui không còn thấy đường nữa. Sợi dây kềm chằng cột đáy gạt văng cái đầu tui mất rồi.

Tui nghe tiếng nói mình phát ra chỗ cần cổ chứ không phải chỗ cửa miệng. Nghe vậy, dưỡng Tư nó lật đật chạy lại mò cái đầu ráp lại cho tui, rồi ổng lấy hồ xi măng trét trét quanh cổ. Vì đêm hôm lụp chụp, với nữa không có cái bay nên ổng tô xi măng không láng được, đến bây giờ da cổ tui mới sần sượng vậy đó. Ai không tin làm thử coi mà biết.

39. PHÁ LUẬT GIAO THÔNG

Hồi đất rừng mới khai phá, xứ này trồng dưa hầu trúng lắm. Trái lớn từ ba gang tay vòng trở lên. Đố ai ra rẫy dưa mà ôm được ba trái, nhẩy quá khỏi nường ổng thì tui ở đợ cho tới già ! Mỗi năm vào mùa trồng dưa, thích thú làm sao. Gió chướng thổi hây hây. Dưa mới xây bàn than, lá xòe cánh quạt, dưa bỏ vôi lại

phóng đọt trắng phau, cứ sáng ngày ra ruộng, thấy trái lớn lên như thổi.

Từ Rạch Lùm, đến Trùm Thuật, Bãi Ghe vòng qua Kinh Ngang, Đường Ranh, Lung Tràm, một vùng dừa bạt ngàn ! Sáng sáng, con trai, con gái, đứa đội nón nỉ, đứa mặc áo bà ba trắng, gánh thùng tưới nước đi hàng dọc trên những bờ mương ống. Thùng thiếc chói nắng lớp chớp, gió chướng thổi rào rào nghe mát rượi trong lòng.

Rồi đến gần Tết, vào độ mùa dừa chín, lái buôn miệt trên đờ ghe xuống lớp lớp để dọ giá, trả kèo, người trong rẫy cuộn cuộn ra các chợ sắm áo là, quần lụa. Dừa đi Cà Mau, dừa đi Bạc Liêu đều phải chở bằng xuống, ghe, chớ không chở bằng xe được, vì đường xe bây giờ rất giăng xóc, dừa chở sẽ bể hết. Cò Tây đã cấm chuyện này từ lâu. Đúng là lộ xe thuở đó cũng gồ ghề thật.

Mặc dù Cò Tây cấm ngặt không cho chở dừa bằng xe, nhưng một bữa đó chiếc xe đò Hiệp Thành phá lệ. Xe chạy từ Cà Mau lên tới Cầu Sập, thì bỗng có một thằng Có Tây thổi tu huýt khoát tay, chặn xe lại :

- Tại sao chở dừa hấu trên mui xe ?

Tên cò Tây hỏi. Người tài xế xe Hiệp Thành đáp :

- Dạ, đâu có, ông cò ?

Thấy tên cò Tây hầm hừ, người tài xế ngó ngoái lại sau, bỗng anh ta giật mình kinh hãi, trả lời :

- Thưa ông cò, đó là đầu hành khách, đó ông xem kỹ lại đi ! Vì đường xá gồ ghề quá, xe chạy xóc quá làm đầu hành khách thối lũng mũi xe, trở lên phía trên, và mắc kẹt ở đó...

40. THỤT NÒNG Ô - BUÝT

Mùa hạn năm đó, tôi đi rừng ăn ong. Mang gùi, xách mác, lội cả buổi vẫn chưa tìm thấy một tổ ong nào. Trong lúc thối chí, tui định quay về, bỗng gặp một tổ ong bự thối là bự. Nó đóng trên một cành cây tràm bằng cỡ vế, thân tràm cong xuống như một cần bẫy. Đứng xa nhìn lại, thấy những con ong già chợp cánh tợ có ai cầm một tấm vải gấm mà phát.

Tui nổi lửa đốt đuốc, rê vô thối. Ổ ong đóng quá cao, lúc thối, tui phải trèo lên ngồi trên đầu kèo. Ong già bay đi hết, tui dùng cây mác mà xeo mật. Thật cũng sơ ý, tôi vừa nạy sức khúc mức với tấm tàn ong, thì cây kèo tràm bỗng bật lên, bắn tui bay đi cái vèo. Ối trời ! Tui nhắm mắt chịu trận. Bay đến mãn trớn, tui bị rớt xuống ngay một đám rẫy của ai ? Rẫy trồng bí đao, trúng quá xá kể !

Sau lúc định thân, tui xác định phương hướng. Đây là vùng rẫy Năm Căn. Và tui nghĩ cách để trở về nhà. Sấn còn cầm mác trên tay, tui cắt một trái bí đao, bỏ đôi ra theo chiều dọc, khoét bỏ ruột, làm xuống. Tui quơ thêm một mớ củi khô, bỏ vô xuống, đẩy ra

sông, theo nước xuôi thả ra biển, hướng về phía vàm sông Ông Đốc. Xuồng đi đến nửa đêm. Tiết tháng chạp, trời lạnh quá, tui mới nhen lửa chất củi vô đốt để hơ cho ấm. Nào ngờ tui lại vô ý để lửa cháy làm chín mất một lỗ "chiếc xuồng vỏ bí" của tui. Nước xoi mọi, chảy vô ào ào một hồi, chiếc xuồng chìm ngấm. Tui cứ nường theo ngọn sóng mà lội vô bờ. Nào ngờ lội một hồi, tui bị sóng đánh tấp vào một bè hạm đội nổi của bọn Mỹ đóng tại cửa sông Ông Đốc. Đoạn trèo lên nhà bè Mỹ mới là gay. Bốn bên trống hoang. Tụi nó cỡ bạc gì ở trống, nói chuyện xí xô, xí xà. Túng quá, tui phải chui vô họng một cây ô-buýt lớn nhất trên hạm mà nằm cù co chỗ ổ cò súng, Nằm một hồi, nghe ấm quá, tui ngủ một giấc.

Tới chừng nghe có người rục rịch bên ngoài, tui giật mình thức dậy thì, trời ơi, bọn lính đã nạp đạn vô súng nghe một cái rộp. Chưa kịp chui ra, tui liền bị chúng nhắc cò cái bụp. Toàn thân tui bị bắn ra, cọ vào nòng súng kêu nghe cái "có... ét". Mình mẩy tui nóng phừng. Gió rít hai bên lỗ tai tui vèo vèo. Đến măn tằm, tui bị rớt xuống đất nghe một cái bịch. Thật bọn Mỹ ở hạm đội nổi tại sông Ông Đốc chơi ác quá, chúng lấy tui làm nùi giẻ lau nòng súng cho chúng.

Sáng ra, tui thấy mình được chúng bắn rớt nhằm vào vùng đất Khánh Bình Tây, ngay sau hè nhà mình.

41. CHÉM TRỰC THĂNG

Bữa đó, tui đang phát vườn thì có một chiếc máy bay đâm già từ hướng Cà Mau về về bay xuống. Chúng đảo vòng vòng khu vực Lung Tràm, Kinh Ngang. Chuyện đó thường thôi. Tụi Mỹ, Diệm không đi coi chỗ đóng bót thì cũng vẽ họa đồ để lẩn đất. Nghĩ vậy, tui cứ yên chí lom khom phát tới.

Không ngờ đảo một lát, chiếc máy bay lại sết vòng nhặt ngay đất tui. Tui nóng mặt, xách phảng ra đứng bờ hậu, chống nách nhìn. Bất thần, chiếc đâm già bị lệch tay lái, húc vô ngọn cây dừa lão ở bờ ranh đất tui một cái ầm, làm cây dừa gãy lòi cổ hủ. Tui nổi xung, xách phảng chạy đón đầu, định dứt cho nó một nhát. Nhưng thằng Mỹ tài công thấy tui hầm hầm, liền bẻ lái trích ngang, ló mặt ra, đưa tay vẫy cười làm lành :

- Chào mừng xử Ba Phi ạ ! xin lỗi lỗi đụng chút thôi!

Tui nạt lại :

- Chém chết mẹ mày chó lơ !

Nhưng nó đã chạy tuốt về Cà Mau.

Bị tui chửi, nó giận, sáng bữa sau đem trực thăng vô đổ quân đánh trả thù. Từ sáng cho tới trưa, nào là "cồng cộc", phản lực bỏ bom mù trời, nào là "cán giáo" xoáy vo vo khắp bờ liếp. Có chiếc hầm của mẹ con cô Hai Xoài ở cặp ranh đất tui bị "cán giáo" phát hiện,

chúng đớp quyết vào. Tám mẹ con cô ta kêu la ùm trời. Tui đang ôm cây phảng chém về gần đó, nghe con nít la khóc quá chịu không nổi, liền vọt lên tiếp cứu. Hai chiếc cán giáo cứ đớp vào một chỗ như cặp chuồn chuồn đá nước. Chúng chọi bộc phá nổ ình ình, đất tung lên có ngọn. Tiếng con nít, tiếng đàn bà càng khóc la thảm thiết ! Ruột gan tui như bị ai vò xé chín khúc. Không còn biết sợ gì nữa, tui vung phảng nhào vô chém ngay đầu một chiếc "cán giáo". Thằng Mỹ thấy tui liều mạng, nó hoảng hồn, bẻ tay lái ngang, bẻ cái đuôi trở lại. Thuận đà, tui vọt trái một phảng nữa. Chiếc cán giáo rụng lìa khúc đuôi. Thằng Mỹ cắn răn nhân mặt, kềm cứng tay lái cho chiếc "cán giáo" cắm đầu xuống Lung Tràm. Ba bữa sau, xác thằng Mỹ nổi lên, cái mặt nó còn nhăn nhó và hai hàm răng của nó như cắn chặt lại.

42. TỜ GIẤY KHEN

Tờ giấy khen của huyện cấp cho tui về thành tích đóng góp võ khí cho bộ đội công binh đánh tàu đó !

Số là ở đây tính theo đường chim bay ra cụm pháo Rạch Ráng độ bảy tám cây số. Thường đêm, pháo nó thụt vô âm âm như giã gạo chày ba. Đạn pháo bay từng bầy, chẳng khác le le về ăn đám mạ. Người ở trong tầm pháo riết rồi cũng đâm ra chai lì. Nghe trái pháo nào đi kêu "hú hú" thì kệ thây nó, chỉ để ý những

trái kêu "khè khè", "khệt khệt" như tiếng vịt xiêm cổ gù thì mới chui vô hầm.

Một bữa, cán bộ mình truyền rao cho đồng bào kiểm đầu đạn ô-buýt lép cho "công trường" để tháo kíp làm chất nổ đánh tàu. Khắp xóm thôn xao kéo nhau đi tìm kiếm, đào bới. Tui già cả rồi, yếu thì làm theo cách yếu. Đêm đó tui nhóm một bếp lửa thật lớn giữa sân, quạt cháy bùng ngọn lên rồi xoắn tay áo đứng chờ. Tụi pháo binh thấy vậy tưởng đầu mình đang làm mít tinh.

Bọn pháo thủ bắt đầu khai hỏa. Ban đầu chúng thụt loại pháo 105 ly từng bầy bay tuốt ra sau ruộng nổ ùng ình. Một hồi lâu, bộ thấy đạn đó nhỏ, thụt lọt tay, chúng mới thay đạn cỡ 155 ly. Cỡ này là "vô khẩu" tôi rồi đó ! Tui đứng nghiêng bên cạnh, nhìn từng bầy đạn pháo bay qua. Bất thần có hai đầu đạn quá thấp mới vừa nghe khệt khệt là nó kẹp gọn kềm vào sườn tui. Không có cách nào tránh kịp, tui nhảy dựng lên, la lên một tiếng, cặp nách gọn hai đầu đạn pháo 155 ly bay bổng qua sông. Vì mất đà, tui bị té xuống bờ đĩa một cái rất đau. Lúc đứng dậy phỉ dít, tui thấy mắc cỡ, bẽn lẽn. Thôi, sẵn trốn đó tui ôm hai đầu đạn pháo lên huyện nạp luôn. Bả ở nhà tưởng đầu tôi bị chết mất xác rồi, bả mần heo làm đám ma, khóc ngổn ngoễn. Tui xách tờ giấy khen trên huyện về, thấy vậy, rửa chân treo lên quạt một bụng cháo lòng heo, còn nhậu lai rai thêm vài ly ba xì đế. Không tin, thì hỏi bả coi !

43. NÓI DÓC CÓ SÁCH

Thằng cảnh sát Xọn ở trụ sở xã Khánh Bình Tây sai lính dân vệ lên bắt tui về, vì tội ba năm rồi tui không đóng thuế đất, và không chịu làm khế ước cho nó đó. Theo lời thằng Ủy viên tài chánh Mi, là tui phải đóng số tiền là hai mươi bảy ngàn tám trăm sáu mươi ba đồng bốn cắc tư. Hừ ! Cái thân già làm không đủ lủm, không có một đồng xu cạo gió, tiền đâu mà đóng cho nó dữ vậy ? Thế là chúng giam tui ba ngày liền không thả về.

Đến buổi chiều thứ tư, thấy trời chuyển mưa mù mịt, tui mới nghĩ ra một kế, bèn ngồi khóc. Thằng cảnh sát Xọn thấy vậy hỏi, tui mới nói thiệt với nó :

- Không nói giấu gì cảnh sát, mấy ngày nay tui tính không đóng tiền, nhưng chuyện' đó quả là lỗ quá rồi. Số là tui tiếc có hăm mấy ngàn mà giờ chịu bỏ tới mấy trăm ngàn, uống biết bao nhiêu ! Bó bạc tui giấu trên đọt dừa, bà nó ở nhà làm sao mà biết để lấy vô. Mưa điệu này chắc là rã tan hết.

- Vậy thôi, ông hãy về rút lấy đi, rồi mai đem tiền xuống đóng !

Thằng Xọn sốt sắng bảo tui như vậy, rồi thả tui về.

Ba bữa sau đó, rồi mười bữa sau, tui cũng không moi đâu ra tiền mà đem xuống đóng cho nó. Thằng Xọn biết là mất điểm tui nên báo ra quận. Thằng

Nhung, quận trưởng quận Rạch Ráng sai lính bảo an vô bắt tui nữa.

Ra đến quận, thằng Nhung điểm mặt tui thách :

- Nghe đồn bác nói dóc dữ lắm hả bác Ba Phi ?
Mấy thằng tề xã mắc điểm bác, chớ tui thì... còn lâu !

- Tui chỉ nói dóc lai rai để giúp vui cho trẻ lối xóm
vậy, chớ đâu giám nói dóc với quận, quận trưởng như
ông.

Tên quận Nhung cười ngặt nghẽo :

- Bác mà nói dóc cho tôi tin thì tôi sẽ thả bác về
liền đó.

Tui làm ra vẻ uể oải :

- Quận trưởng là người lớn, có nói dóc cũng phải
tra sách vở đảng hoàng chớ ai dám nói tay ngang.

- Bác nói dóc có sách à ?

- Ba bộ : *Thượng, Trung, Hạ*, đều có đủ cả.

- Vậy bác về lấy bộ nào cho thật tốt, đem xuống
tui xem !

Tui xin thằng quận Nhung, ra chợ đón xuống quá
giang về nhà. Ba bốn ngày sau, không thấy tui xuống,
thằng quận Nhung nhắn bảo tôi đem sách xuống cho
nó. Tui mới nói lại với người đem tin rằng : "Anh về nói
với quận trưởng là cuốn sách dóc nhất tui đã giao hết
cho ông hồi bữa đó rồi".

KHO TÀNG

TRUYỆN TRẠNG

VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI